

VN15253



REPUBLIC OF
GAMERS

USER MANUAL

GT-AX11000

ROG Rapture Tri-band Gaming Router

ASUS

VN15253

Phiên bản đã sửa đổi phiên bản 2

Tháng 7 2019

Bản quyền © 2019 ASUSTeK Computer Inc. Bảo lưu mọi bản quyền.

Không có phần nào trong sổ tay này kể cả các sản phẩm và phần mềm mô tả trong đó được phép tái bản, truyền tải, sao chép, lưu trữ vào hệ thống tìm kiếm, hoặc dịch sang bất kỳ ngôn ngữ nào dưới mọi hình thức hay phương tiện mà không có sự cho phép bằng văn bản rõ ràng từ ASUSTeK Computer Inc. ("ASUS"), ngoại trừ tài liệu được lưu giữ bởi người mua vì các mục đích sao lưu dự phòng.

Chế độ bảo hành hoặc dịch vụ dành cho sản phẩm sẽ mất hiệu lực nếu: (1) sản phẩm bị sửa chữa, thay đổi hoặc chỉnh sửa, ngoại trừ các trường hợp sửa chữa, thay đổi hoặc chỉnh sửa được ASUS cho phép rõ bằng văn bản; hoặc (2) số sê-ri của sản phẩm bị thiếu hoặc xóa sửa.

ASUS CUNG CẤP SỔ TAY NÀY "NHƯ HIỆN TRẠNG" MÀ KHÔNG ĐẢM BẢO DƯỚI MỌI HÌNH THỨC, DÙ LÀ NÓI RÕ HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC HÌNH THỨC BẢO HÀNH NGỤ Ý HOẶC CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HAY TÍNH TƯƠNG THÍCH CHO MỘT MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG CỤ THỂ. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, ASUS CŨNG NHƯ CÁC GIÁM ĐỐC, QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN HOẶC ĐẠI LÝ CỦA CÔNG TY SẼ KHÔNG CHIU TRÁCH NHIỆM VỀ MỌI THIẾT HẠI GIÁN TIẾP, THIẾT HẠI ĐẶC BIỆT, THIẾT HẠI BẮT NGỜ HOẶC THIẾT HẠI DO HẬU QUẢ (KỂ CẢ CÁC THIẾT HẠI VỀ VIỆC MẤT LỢI NHUẬN, KINH DOANH THUA LỖ, MẤT QUYỀN SỬ DỤNG HOẶC MẤT DỮ LIỆU, CÔNG VIỆC KINH DOANH BỊ GIÁN ĐOẠN VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP TƯƠNG TỰ), NGAY CẢ KHI ASUS ĐÃ ĐƯỢC THÔNG BÁO VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC THIẾT HẠI TRÊN DO BẤT KỲ SAI SÓT HOẶC LỖI NÀO TRONG SỔ TAY HOẶC SẢN PHẨM NÀY.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ THÔNG TIN TRONG SỔ TAY NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP CHỈ ĐỂ THAM KHẢO VÀ CÓ THỂ THAY ĐỔI BẤT CỨ LÚC NÀO MÀ KHÔNG CẦN THÔNG BÁO CŨNG NHƯ KHÔNG THỂ ĐƯỢC XEM LÀ CAM KẾT CỦA ASUS. ASUS KHÔNG CÓ TRÁCH NHIỆM HOẶC NGHĨA VỤ VỀ MỌI LỖI HOẶC SAI SÓT CÓ THỂ XUẤT HIỆN TRONG SỔ TAY NÀY, KỂ CẢ CÁC SẢN PHẨM VÀ PHẦN MỀM MÔ TẢ TRONG SỔ.

Các sản phẩm và tên công ty xuất hiện trong sổ tay này có thể hoặc không thể là các thương hiệu hoặc bản quyền được đăng ký từ các công ty riêng liên quan, và chỉ được sử dụng để nhận dạng hay chú thích và vì lợi ích của những công ty sở hữu, mà không có mục đích vi phạm.

Mục lục

1 Tìm hiểu router không dây của bạn

1.1	Chào mừng!	7
1.2	Phụ kiện kèm theo sản phẩm	7
1.3	Router không dây của bạn	8
1.4	Bố trí router của bạn	10
1.5	Yêu cầu thiết lập	11

2. Bắt đầu sử dụng

2.1	Thiết lập router	12
	A. Kết nối mạng có dây	12
	B. Kết nối mạng không dây	13
2.2	Thiết lập internet nhanh (QIS) với khả năng tự phát hiện	15
2.3	Kết nối mạng không dây	18

3 Định cấu hình cài đặt chung của Trung tâm chơi game ROG

3.1	Đăng nhập vào GUI web	19
3.2	Bảng điều khiển	21
3.3	Aiprotection Pro	24
	3.3.1 Định cấu hình Aiprotection Pro	25
	3.3.2 Chặn các trang web độc hại	27
	3.3.3 IPS hai chiều	28
	3.3.4 Để phòng và chặn thiết bị nhiễm virus	29
	3.3.5 Thiết lập kiểm soát của cha mẹ	30
3.4	Tăng tốc game	33
	3.4.1 QoS	34
	3.4.2 Lược sử web	35

Mục lục

3.5	Mạng riêng dành cho game.....	36
3.6	Cấu hình game.....	38
3.7	Game Radar.....	40
3.8	Wi-Fi Radar.....	42
	3.8.1 Khảo sát địa điểm Wi-Fi.....	43
	3.8.2 Thống kê kênh không dây.....	44
	3.8.3 Khắc phục sự cố nâng cao.....	44
3.9	VPN.....	45
	3.9.1 VPN Fusion (Hợp nhất VPN).....	46
3.10	Bộ phân tích lưu lượng.....	48
4	Định cấu hình cài đặt nâng cao	
4.1	Sử dụng Sơ đồ mạng.....	49
	4.1.1 Thiết lập cài đặt bảo mật không dây.....	50
	4.1.2 Quản lý các thiết bị khách nối mạng.....	51
	4.1.3 Giám sát thiết bị USB.....	53
	4.1.4 ASUS AiMesh.....	55
4.2	Không dây.....	61
	4.2.1 Chung.....	61
	4.2.2 WPS.....	63
	4.2.3 Cầu nối.....	65
	4.2.4 Bộ lọc MAC không dây.....	67
	4.2.5 Cài đặt RADIUS.....	68
	4.2.6 Chuyên nghiệp.....	69
4.3	Tạo mạng khách.....	73
4.4	LAN.....	75
	4.4.1 LAN IP.....	75
	4.4.2 Máy chủ DHCP.....	76
	4.4.3 Route (Định tuyến).....	78
	4.4.4 IPTV.....	79

Mục lục

4.5	WAN	80
4.5.1	Kết nối internet	80
4.5.2	WAN kép	83
4.5.3	Kích hoạt cổng	84
4.5.4	Máy chủ ảo/Chuyển tiếp cổng	86
4.5.5	DMZ	89
4.5.6	DDNS	90
4.5.7	Truyền qua NAT	91
4.6	Sử dụng Ứng dụng USB	92
4.6.1	Sử dụng AiDisk	93
4.6.2	Sử dụng Trung tâm máy chủ	95
4.6.3	3G/4G	100
4.7	Sử dụng AiCloud 2.0	101
4.7.1	Đĩa đám mây	102
4.7.2	Truy cập thông minh	104
4.7.3	AiCloud Sync (Đồng bộ AiCloud)	105
4.8	IPv6	106
4.9	Tường lửa	107
4.9.1	Cài đặt chung	107
4.9.2	Bộ lọc URL	107
4.9.3	Bộ lọc từ khóa	108
4.9.4	Bộ lọc dịch vụ mạng	109
4.9.5	Tường lửa IPv6	110
4.10	Quản lý	111
4.10.1	Chế độ hoạt động	111
4.10.2	Hệ thống	112
4.10.3	Nâng cấp firmware	113
4.10.4	Phục hồi/Lưu/Tải lên Cài đặt	113

Phụ lục

4.11	Nhật ký hệ thống	114
4.12	Kết nối thông minh	115
4.12.1	Thiết lập kết nối thông minh	115
4.12.2	Quy tắc kết nối thông minh	116

5 Tiện ích

5.1	Phát hiện thiết bị.....	119
5.2	Phục hồi firmware.....	120
5.3	Thiết lập máy chủ in của bạn.....	121
5.3.1	Chia sẻ máy in ASUS EZ.....	121
5.3.2	Sử dụng LPR để chia sẻ máy in.....	125
5.4	Máy chủ tải về.....	130
5.4.1	Định cấu hình cài đặt tải về Bit Torrent	131
5.4.2	Cài đặt NZB.....	132

6 Khắc phục sự cố

6.1	Khắc phục sự cố cơ bản	133
6.2	Những câu hỏi thường gặp (FAQs)	135

Phụ lục

Thông báo.....	144
Thông tin liên hệ ASUS.....	154
Thông tin Đường dây Nóng Toàn cầu về Mạng	155

1 Tìm hiểu router không dây của bạn

1.1 Chào mừng!

Cảm ơn bạn đã mua Router không dây ROG Rapture GT-AX11000! Router không dây GT-AX11000 hợp thời trang tích hợp ba băng tần 2.4GHz, 5GHz-1 và 5 GHz-2 cho phép truyền đồng thời các nội dung HD không dây chất lượng vượt trội; máy chủ SMB, máy chủ UPnP AV và máy chủ FTP cho phép chia sẻ file 24/7; khả năng xử lý 300,000 phiên kết nối; và Công nghệ Mạng Xanh ASUS - cung cấp giải pháp tiết kiệm điện đến 70%.

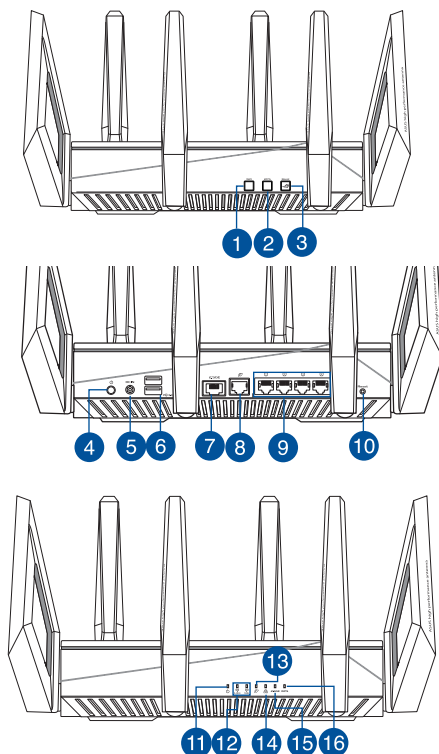
1.2 Phụ kiện kèm theo sản phẩm

- | | |
|--|--|
| <input checked="" type="checkbox"/> Router chơi game ROG Rapture | <input checked="" type="checkbox"/> Adapter AC (điện xoay chiều) |
| <input checked="" type="checkbox"/> Cáp mạng (RJ-45) | <input checked="" type="checkbox"/> Hướng dẫn khởi động nhanh |

LƯU Ý:

- Nếu bất kỳ phụ kiện nào bị hỏng hoặc thiếu, hãy liên hệ với ASUS để được hỗ trợ và tư vấn về kỹ thuật; Tham khảo danh sách Đường Dây Nóng Hỗ Trợ Asus ở mặt sau sổ hướng dẫn sử dụng này.
 - Giữ lại hộp đựng gốc phòng khi sau này bạn cần đến các dịch vụ bảo hành như sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm.
-

1.3 Router không dây của bạn



-
- 1 Nút Bật/Tắt Wi-Fi**
Nhấn nút này để bật/tắt kết nối Wi-Fi.

 - 2 Nút WPS**
Nút này sẽ bật Thuật sĩ WPS.

 - 3 Phím tăng tốc**
Nhấn nút này để bật/tắt đèn LED, kênh DFS, Aura RGB và Game Boost (Tăng tốc trò chơi).

 - 4 Nút nguồn**
Nhấn nút này để bật hoặc tắt nguồn hệ thống.

 - 5 Cổng nguồn (DC-IN)**
Cắm adapter AC kèm theo vào cổng này và kết nối router với nguồn điện.

 - 6 Cổng USB 3.0**
Cắm các thiết bị USB 3.0 dưới dạng ổ đĩa cứng USB hoặc ổ đĩa USB flash vào cổng này.

 - 7 Cổng chơi game 2.5G**
Cắm cáp mạng vào các cổng này để ưu tiên hóa các gói dữ liệu.
-

8	Cổng WAN (Internet) Cắm cáp mạng vào cổng này để thiết lập kết nối WAN.
9	Cổng LAN Cắm cáp mạng vào các cổng này để thiết lập kết nối LAN.
10	Nút khởi động lại Nút này cho phép cài lại hoặc phục hồi hệ thống về cài đặt mặc định gốc.
11	Đèn LED nguồn Tắt: Không có nguồn. Bật: Thiết bị đã sẵn sàng. Nhấp nháy chậm: Chế độ cứu nguy.
12	Đèn LED Wi-Fi 2.4GHz/5GHz Tắt: Không có tín hiệu 2.4GHz/ 5GHz. Bật: Hệ thống không dây đã sẵn sàng. Nhấp nháy: Đang truyền hoặc nhận dữ liệu qua kết nối không dây.
13	Đèn LED WAN (Internet) Đỏ: Không có địa chỉ IP hoặc kết nối vật lý. Bật: Có kết nối vật lý với mạng diện rộng (WAN).
14	Đèn LED LAN Tắt: Không có nguồn hoặc kết nối vật lý. Bật: Có kết nối vật lý với mạng cục bộ (LAN).
15	Đèn LED cổng chơi game 2.5G Tắt: Không có cổng chơi game 2.5G kết nối vật lý. Bật: Có kết nối vật lý với mạng cổng chơi game 2.5G
16	Đèn LED WPS Tắt: Tiến trình xác nhận WPS đã tắt hoặc hoàn tất. Nhấp nháy: Đã kích hoạt tiến trình xác nhận WPS.

LƯU Ý:

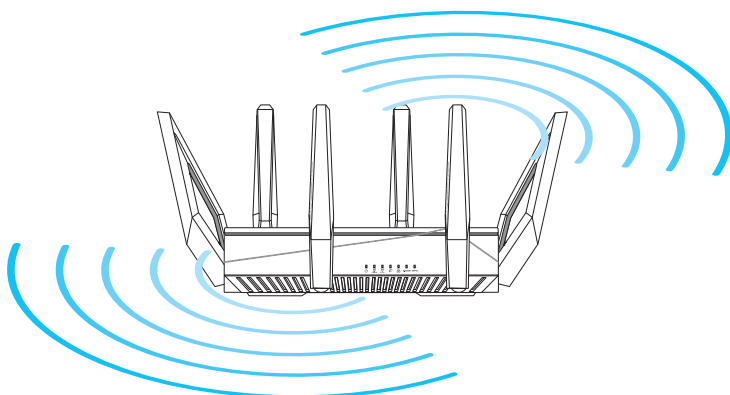
- Chỉ nên sử dụng adapter kèm theo gói sản phẩm của bạn. Sử dụng các adapter khác có thể làm hỏng thiết bị.
- Thông số kỹ thuật:**

Adapter nguồn DC	Đầu ra DC: +19V với dòng điện tối đa 3.42A		
Nhiệt độ hoạt động	0~40°C	Bảo quản	0~70°C
Độ ẩm hoạt động	50~90%	Bảo quản	20~90%

1.4 Bố trí router của bạn

Để truyền tín hiệu không dây tối ưu giữa router không dây và các thiết bị mạng đã kết nối với router, đảm bảo bạn:

- Đặt router không dây ở khu vực trung tâm để phủ sóng mạng không dây tối đa cho các thiết bị mạng.
- Đặt thiết bị cách xa các vật cản kim loại và xa ánh sáng trực tiếp từ mặt trời.
- Đặt thiết bị cách xa các thiết bị Wi-Fi 802.11g hoặc 20MHz, thiết bị ngoại vi máy tính 2.4GHz, thiết bị Bluetooth, điện thoại di động, máy biến áp, động cơ công suất cao, đèn huỳnh quang, lò vi sóng, tủ lạnh và các thiết bị công nghiệp khác để phòng tránh nhiễu hoặc mất tín hiệu.
- Luôn cập nhật lên firmware mới nhất. Truy cập trang web ASUS tại <http://www.asus.com> để tải các bản cập nhật firmware mới nhất.
- Để đảm bảo tín hiệu không dây tốt nhất, hãy chỉnh hướng bốn ăngten tháo rời như minh họa trong bản vẽ dưới đây.



1.5 Yêu cầu thiết lập

Để thiết lập mạng không dây, bạn cần dùng máy tính đáp ứng các yêu cầu hệ thống sau:

- Cổng ethernet RJ-45 (LAN) (10Base-T/100Base-TX/1000BaseTX)
- Chuẩn không dây IEEE 802.11a/b/g/n/ac/ax
- Dịch vụ TCP/IP đã cài đặt
- Trình duyệt web như Internet Explorer, Firefox, Safari hoặc Google Chrome

LƯU Ý:

- Nếu máy tính không tích hợp các tính năng không dây, bạn có thể lắp đặt adapter WLAN IEEE 802.11a/b/g/n/ac/ax vào máy tính để kết nối mạng.
- Với công nghệ ba băng tần, router không dây của bạn hỗ trợ đồng thời các tín hiệu không dây 2.4GHz, 5GHz-1 và 5GHz-2. Điều này cho phép bạn thực hiện các hoạt động liên quan đến internet như lướt web hoặc đọc/viết email qua băng tần 2.4GHz trong khi truyền đồng thời các file âm thanh/video HD như phim hoặc nhạc qua các băng tần 5GHz.
- Một số thiết bị IEEE 802.11n mà bạn muốn kết nối với mạng có thể hoặc không thể hỗ trợ băng tần 5GHz. Tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng thiết bị để biết các thông số kỹ thuật.
- Cáp ethernet RJ-45 dùng để kết nối các thiết bị mạng không được dài quá 100 mét.

LƯU Ý QUAN TRỌNG!

- Một số bộ chuyển đổi không dây có thể gặp sự cố kết nối với bộ thu phát không dây (AP) 802.11ax WiFi.
- Nếu đang gặp sự cố này, đảm bảo bạn đã cập nhật phiên bản driver mới nhất. Kiểm tra trang web hỗ trợ chính thức của nhà sản xuất nơi bạn có thể có được các driver phần mềm, bản cập nhật và những thông tin liên quan khác.
 - Realtek: <https://www.realtek.com/en/downloads>
 - Mediatek: <https://www.mediatek.com/products/connectivity-and-networking/broadband-wifi>
 - Intel: <https://downloadcenter.intel.com/>

2. Bắt đầu sử dụng

2.1 Thiết lập router

QUAN TRỌNG!

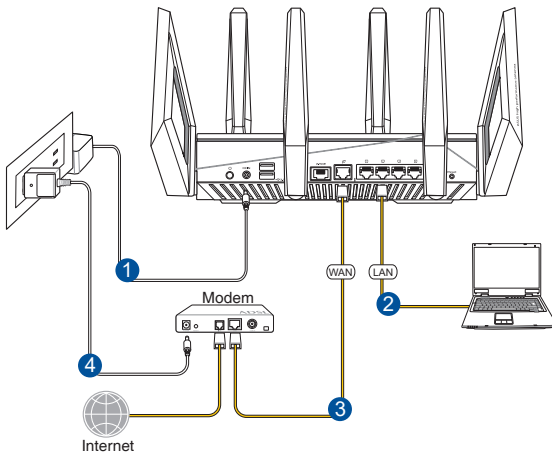
- Sử dụng kết nối có dây khi thiết lập router không dây để tránh các sự cố thiết lập có thể xảy ra.
- Trước khi thiết lập router không dây ASUS, hãy thực hiện như sau:
- Nếu bạn đang thay thế router hiện có, hãy ngắt kết nối nó khỏi mạng.
- Ngắt kết nối cáp/dây điện khỏi thiết lập modem hiện có của bạn. Nếu modem của bạn có pin dự phòng, hãy tháo nó.
- Khởi động lại modem có dây và máy tính của bạn (khuyến dùng).

A. Kết nối mạng có dây

LƯU Ý: Bạn có thể sử dụng cáp thẳng suốt hoặc cáp chéo để kết nối mạng có dây.

Để thiết lập router không dây qua kết nối có dây:

1. Cắm router vào ổ cắm điện và bật nguồn router. Cắm cáp mạng từ máy tính vào cổng LAN trên router.



- GUI (giao diện người dùng đồ họa) web sẽ tự động bật lên khi bạn mở trình duyệt web. Nếu nó không tự động bật lên, hãy nhập <http://router.asus.com>.
- Thiết lập mật khẩu cho router để ngăn chặn truy cập trái phép.

Login Information Setup

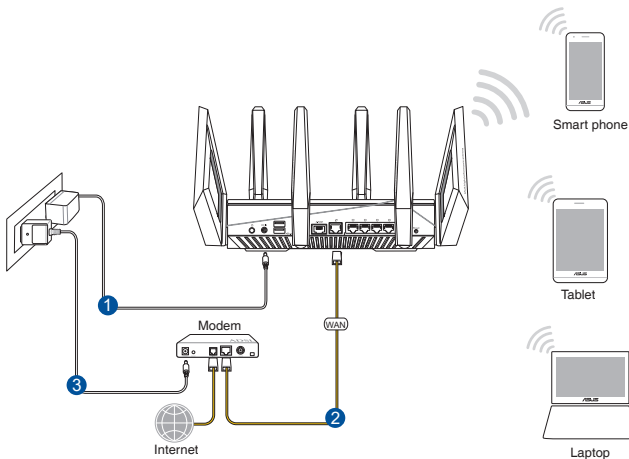
Change the router password to prevent unauthorized access to your ASUS wireless router.

Router Login Name	admin
New Password	
Retype Password	<input type="checkbox"/> Show password

B. Kết nối mạng không dây

Để thiết lập router không dây qua kết nối không dây:

- Cắm router vào ổ cắm điện và bật nguồn router.



- Kết nối với tên mạng (SSID) in trên nhãn sản phẩm ở phía sau router. Để bảo mật mạng tốt hơn, hãy đổi sang SSID duy nhất và gán một mật khẩu.



Tên Wi-Fi 2.4G (SSID):	ASUS_XX_2G
Tên Wi-Fi 5G-1 (SSID):	ASUS_XX_5G
Tên Wi-Fi 5G-2 (SSID):	ASUS_XX_5G_Gaming

* **XX** để cập đến hai số cuối của địa chỉ MAC 2.4GHz. Bạn có thể tìm thấy nó trên nhãn ở mặt sau router ROG GT-AX11000.

3. Một khi đã kết nối, GUI web sẽ tự động bật lên khi bạn mở trình duyệt web. Nếu nó không tự động bật lên, hãy nhập <http://router.asus.com>.
4. Thiết lập mật khẩu cho router để ngăn chặn truy cập trái phép.

LƯU Ý:

- Để biết chi tiết về cách kết nối mạng không dây, tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng adapter WLAN.
- Để thiết lập các cài đặt bảo mật cho mạng của bạn, hãy tham khảo phần **Thiết lập cài đặt bảo mật không dây** ở Chương 3 trong sổ hướng dẫn sử dụng này.

Login Information Setup

Change the router password to prevent unauthorized access to your ASUS wireless router.

Router Login Name:

New Password:

Retype Password: Show password

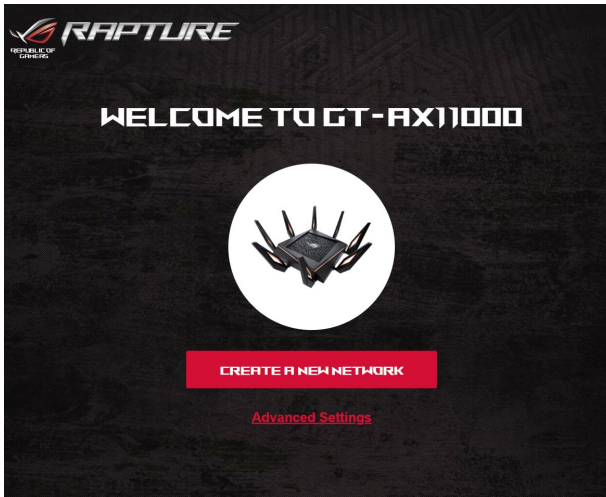
2.2 Thiết lập internet nhanh (QIS) với khả năng tự phát hiện

Chức năng Quick Internet Setup (QIS) (Thiết lập internet nhanh) hướng dẫn bạn cách thiết lập nhanh kết nối internet.

LƯU Ý: Khi thiết lập kết nối internet lần đầu, nhấn nút Reset (Khởi động lại) trên router không dây để thiết lập nó về cài đặt mặc định gốc.

Để sử dụng QIS với khả năng tự phát hiện:

1. Bật trình duyệt web. Bạn sẽ được chuyển hướng sang ASUS Setup Wizard (Thuật sĩ thiết lập ASUS) (Thiết lập internet nhanh). Nếu không, hãy tự nhập <http://router.asus.com>.

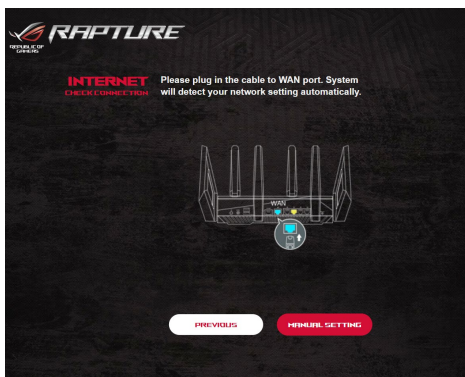


2. Router không dây tự động phát hiện xem loại kết nối ISP (nhà cung cấp dịch vụ internet) của bạn là **Dynamic IP (IP động)**, **PPPoE**, **PPTP** hay **L2TP**. Nhập các thông tin cần thiết cho loại kết nối ISP của bạn.

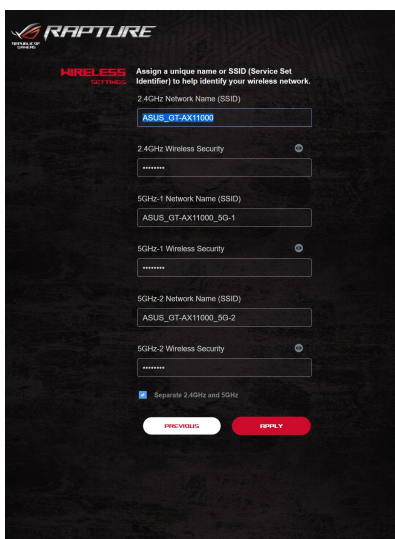
QUAN TRỌNG! Nhập thông tin cần thiết từ ISP của bạn về loại kết nối internet.

LƯU Ý:

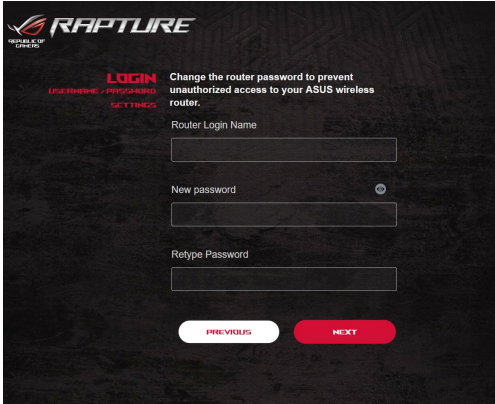
- Tự động phát hiện loại kết nối ISP sẽ xảy ra khi bạn định cấu hình router không dây lần đầu hoặc khi router không dây của bạn được thiết lập về các cài đặt mặc định.
 - Nếu QIS không thể phát hiện loại kết nối internet của bạn, hãy nhấp **Skip to manual setting (Chuyển sang cài đặt thủ công)** và tự thiết lập cài đặt kết nối của bạn.
-



3. Gán tên mạng không dây (SSID) và khóa bảo mật cho kết nối không dây 2.4GHz và 5 GHz của bạn. Nhấp **Apply (Áp dụng)** khi hoàn tất.



4. Trên trang **Login Information Setup (Thiết lập thông tin đăng nhập)**, hãy đổi mật khẩu đăng nhập của router để ngăn chặn việc truy cập trái phép vào router không dây của bạn.





LƯU Ý: Tên người dùng và mật khẩu đăng nhập của router không dây khác với tên mạng (SSID) 2.4GHz/5GHz và khóa bảo mật. Tên người dùng và mật khẩu đăng nhập của router không dây cho phép bạn đăng nhập vào GUI web của router không dây để thiết lập cài đặt cho router không dây. Tên mạng (SSID) 2.4GHz/5GHz và khóa bảo mật cho phép các thiết bị Wi-Fi đăng nhập và kết nối với mạng 2.4GHz/5GHz của bạn.

2.3 Kết nối mạng không dây

Sau khi thiết lập router không dây qua QIS, bạn có thể kết nối máy tính hoặc các thiết bị thông minh khác với mạng không dây.

Để kết nối mạng:

1. Trên máy tính, nhấp biểu tượng mạng  trong vùng thông báo để xem các mạng không dây khả dụng.
2. Chọn mạng không dây bạn muốn kết nối rồi nhấp **Connect (Kết nối)**.
3. Bạn có thể cần nhập khóa bảo mật mạng cho mạng không dây an toàn rồi nhấp **OK**.
4. Đợi khi máy tính thiết lập kết nối thành công với mạng không dây. Tình trạng kết nối sẽ hiển thị và biểu tượng mạng sẽ hiển thị tình trạng  vừa kết nối.

LƯU Ý:

- Tham khảo các chương kế tiếp để biết thêm chi tiết về cách định cấu hình cài đặt mạng không dây của bạn.
 - Tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng thiết bị của bạn để biết thêm chi tiết về cách kết nối thiết bị với mạng không dây.
-

3 Định cấu hình cài đặt chung của Trung tâm chơi game ROG

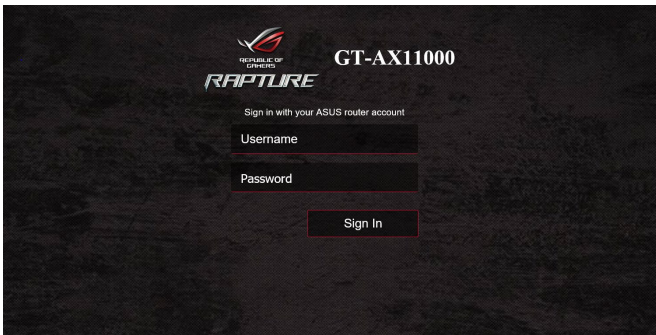
3.1 Đăng nhập vào GUI web

Router không dây ROG tích hợp giao diện người dùng đồ họa (GUI)- ROG Gaming Center (Trung tâm chơi game ROG), vốn cho phép bạn toàn quyền kiểm soát mạng, với thông tin cần biết như trạng thái thiết bị đã kết nối và các giá trị ping máy chủ game trên toàn thế giới và truy cập nhanh vào mọi tính năng chơi game tuyệt vời.

LƯU Ý: Các tính năng này có thể thay đổi tùy theo phiên bản firmware khác nhau.

Để đăng nhập vào GUI web:

1. Trên trình duyệt web của bạn, hãy tự nhập địa chỉ IP mặc định của router không dây: <http://router.asus.com>.
2. Trên trang đăng nhập, nhập tên người dùng mặc định (**admin**) và mật khẩu bạn đã thiết lập trong **2.2 Thiết lập internet nhanh (QIS) bằng tính năng phát hiện tự động**.



3. Giờ bạn có thể sử dụng GUI web để định cấu hình nhiều cài đặt khác nhau của router không dây ASUS.

Các nút lệnh ở phía trên

QIS - Thuật sĩ
kết nối thông
minh

Bảng
điều hướng

Biểu ngữ
thông tin



LƯU Ý: Nếu đang đăng nhập vào GUI web lần đầu, bạn sẽ được tự động chuyển hướng đến trang Thiết lập internet nhanh (QIS).

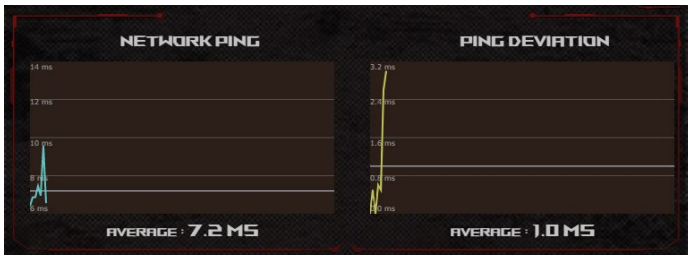
3.2 Bảng điều khiển

Bảng điều khiển cho phép bạn giám sát lưu lượng mạng thời gian thực đối với môi trường kết nối mạng của bạn và phân tích ping mạng thời gian thực cũng như độ lệch ping.

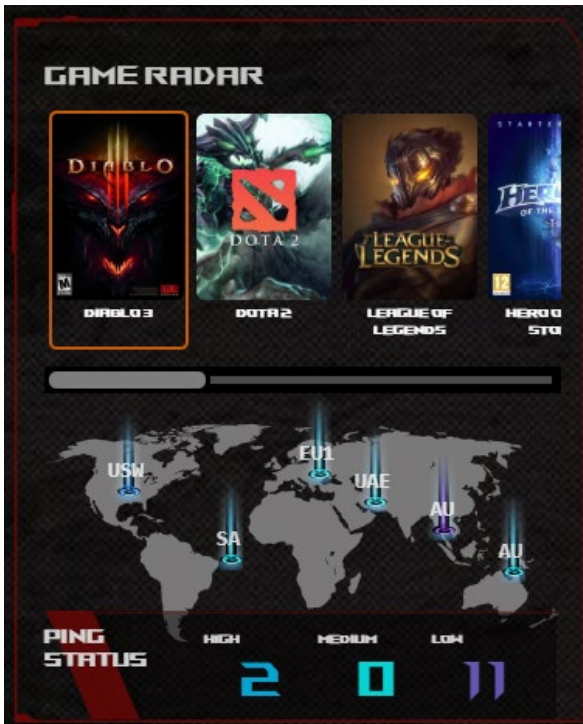


Ping mạng có liên quan đến các trải nghiệm game trực tuyến. Ping cao hơn có nghĩa là độ trễ nhiều hơn đối với các game thời gian thực. Đối với hầu hết các game trực tuyến, ping mạng dưới 99 ms được xem là có chất lượng tốt. Nếu ping mạng dưới 150 ms, chất lượng có thể chấp nhận được. Nói chung, nếu ping mạng cao hơn 150 ms, nó rất khó để chơi game mượt mà.

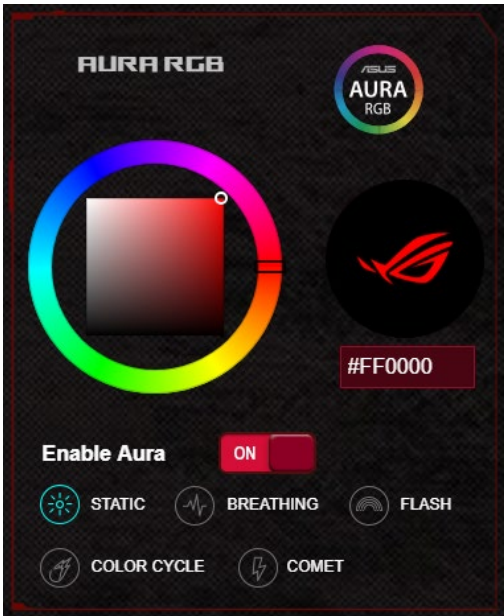
Độ lệch ping cũng có liên quan đáng kể đến các trải nghiệm game trực tuyến. Với độ lệch ping càng lớn thì nó càng dễ gây ra khả năng bật/tắt khi chơi game trực tuyến. Không có vạch giới hạn cho độ lệch ping. Tuy nhiên, độ lệch ping càng nhỏ thì càng tốt.



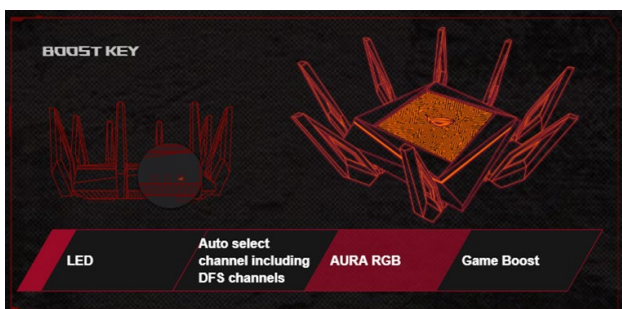
- **Rada trò chơi:** Game Radar từ Bảng điều khiển có thể cho phép bạn xem nhanh thời gian ping cho máy chủ trò chơi cụ thể.



- **Aura RGB:** Cho phép người dùng xác định hoặc bật/tắt Aura RGB từ Bảng điều khiển. Bạn có thể thiết lập bất kỳ màu nào và chọn một trong năm kiểu chiếu sáng.



- **Phím tăng tốc:** Router chơi game ROG Rapture hỗ trợ Boost Key (Khóa tăng tốc) và cho phép người dùng xác định các chức năng của Boost Key từ Bảng điều khiển.
 - Đèn LED bật/tắt
 - Kênh DFS bật/tắt
 - Aura RGB bật/tắt
 - Game Boost: bật/tắt ưu tiên cho gói chơi game.



3.3 Aiprotection Pro

Aiprotection Pro cho phép giám sát thời gian thực nhằm phát hiện phần mềm độc hại, phần mềm gián điệp và truy cập trái phép. Nó cũng lọc các trang web và ứng dụng không mong muốn cho phép bạn định giờ để thiết bị vừa kết nối có thể truy cập internet.

AiProtection

AiProtection with Trend Micro provides real-time network monitoring to detect malware, viruses, and intrusions before they can reach your PC or device. Parental Controls let you schedule times that a connected device is able to access the Internet. You can also restrict unwanted websites and apps.

 **Network Protection**

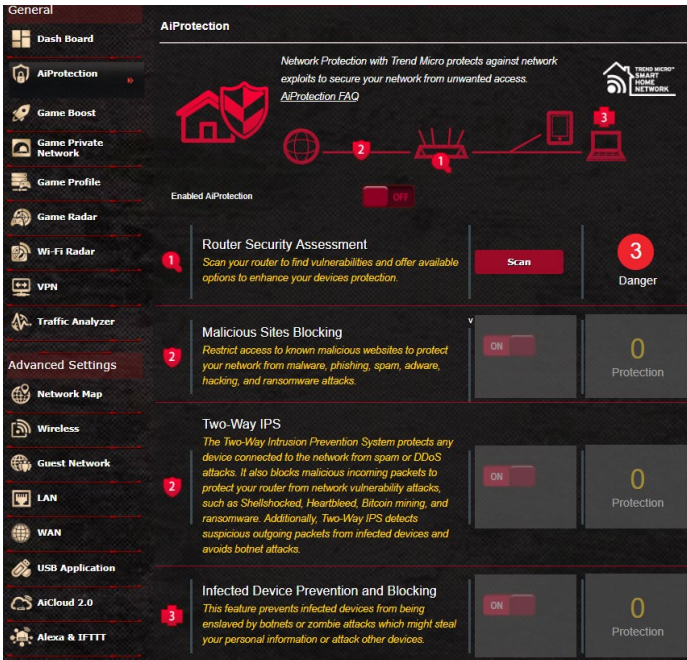
- Router Security Assessment
- Malicious Sites Blocking
- Vulnerability Protection
- Infected Device Prevention and Blocking

 **Parental Controls**

- Time Scheduling
- Web & Apps Filters

3.3.1 Định cấu hình Aiprotection Pro

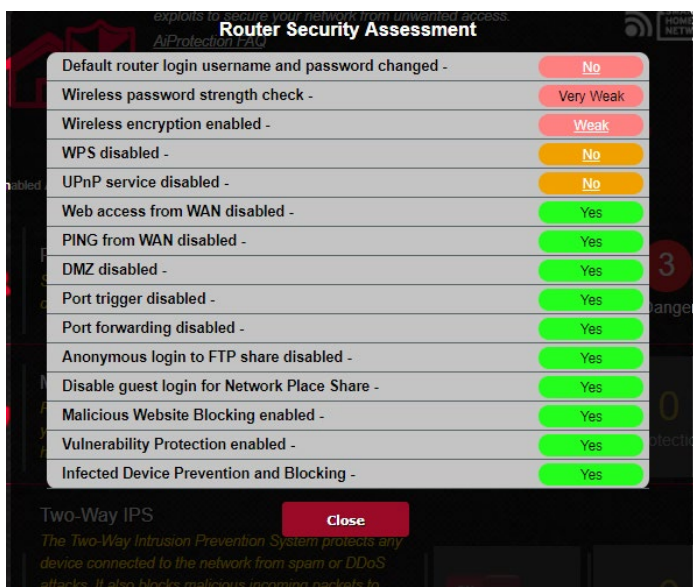
Aiprotection Pro ngăn chặn các hoạt động khai thác mạng và bảo vệ mạng của bạn khỏi bị truy cập trái phép.



Để định cấu hình Aiprotection Pro:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Aiprotection Pro**.
2. Từ trang chính Aiprotection Pro, nhấp **Network Protection (Bảo vệ mạng)**.
3. Từ thẻ Network Protection (Bảo vệ mạng), nhấp **Scan (Dò tìm)**.

Các kết quả dò tìm sẽ hiển thị trên trang **Router Security Assessment (Đánh giá bảo mật router)**.



QUAN TRỌNG! Các mục được đánh dấu bằng **Yes (Có)** trên trang **Router Security Assessment (Đánh giá bảo mật router)** được xem là an toàn.

4. (Tùy chọn) Từ trang **Router Security Assessment (Đánh giá bảo mật router)**, hãy tự định cấu hình các mục được đánh dấu là **No (Không)**, **Weak (Yếu)** hoặc **Very Weak (Rất yếu)**. Để thực hiện thao tác này:
 - a. Nhấp một mục để vào trang cài đặt của mục đó.
 - b. Từ trang cài đặt bảo mật của mục đó, hãy định cấu hình và thực hiện các thay đổi cần thiết rồi nhấp **Apply (Áp dụng)** khi hoàn tất.
 - c. Trở về trang **Router Security Assessment (Đánh giá bảo mật router)** và nhấp **Close (Đóng)** để thoát trang đó.
5. Nhấp **OK** trên thông báo xác nhận.

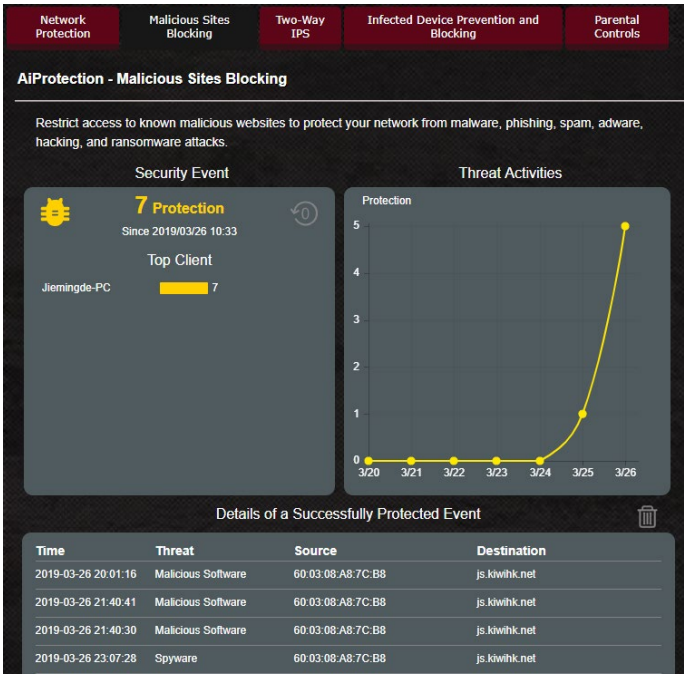
3.3.2 Chặn các trang web độc hại

Tính năng hạn chế truy cập vào các trang web độc hại trong cơ sở dữ liệu đám mây để chế độ bảo vệ luôn được cập nhật.

LƯU Ý: Chức năng này được bật tự động nếu bạn chạy Router Weakness Scan (Dò tìm độ yếu router).

Để bật Malicious Sites Blocking (Chặn các trang web độc hại):

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung)** > **Aiprotection Pro**.
2. Từ trang chính Aiprotection Pro, nhấp **Network Protection (Bảo vệ mạng)**.
3. Từ bảng Malicious Sites Blocking, nhấp **ON (BẬT)**.



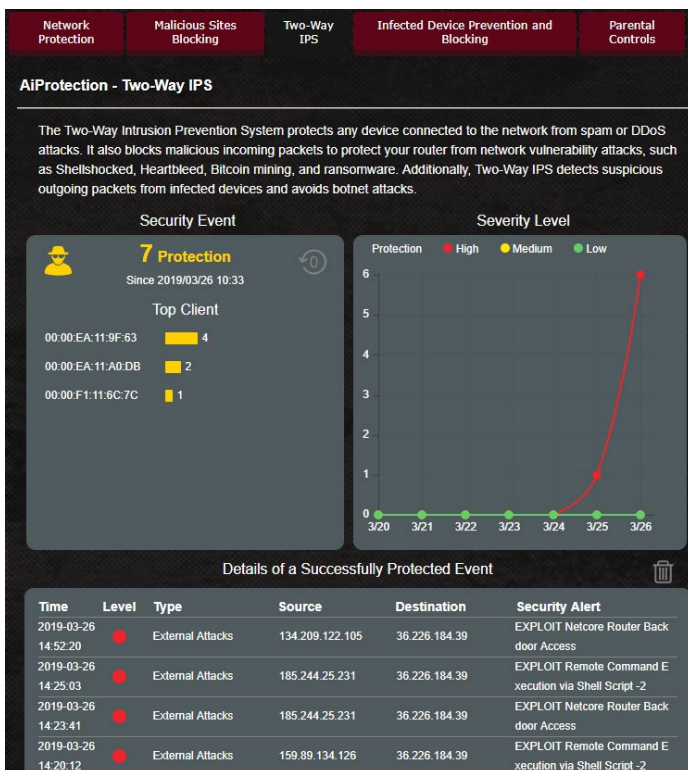
3.3.3 IPS hai chiều

Tính năng này khắc phục các hoạt động khai thác mạng chung trong phạm vi cấu hình router.

LƯU Ý: Chức năng này được bật tự động nếu bạn chạy Router Weakness Scan (Dò tìm độ yếu router).

Để bật IPS hai chiều:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Aiprotection Pro**.
2. Từ trang chính Aiprotection Pro, nhấn **Network Protection (Bảo vệ mạng)**.
3. Từ bảng Two-Way IPS (IPS hai chiều), nhấn **ON (BẬT)**.



3.3.4 Đề phòng và chặn thiết bị nhiễm virus

Tính năng này ngăn chặn không cho các thiết bị nhiễm virus kết nối thông tin cá nhân hoặc tình trạng nhiễm virus với các nhóm bên ngoài.

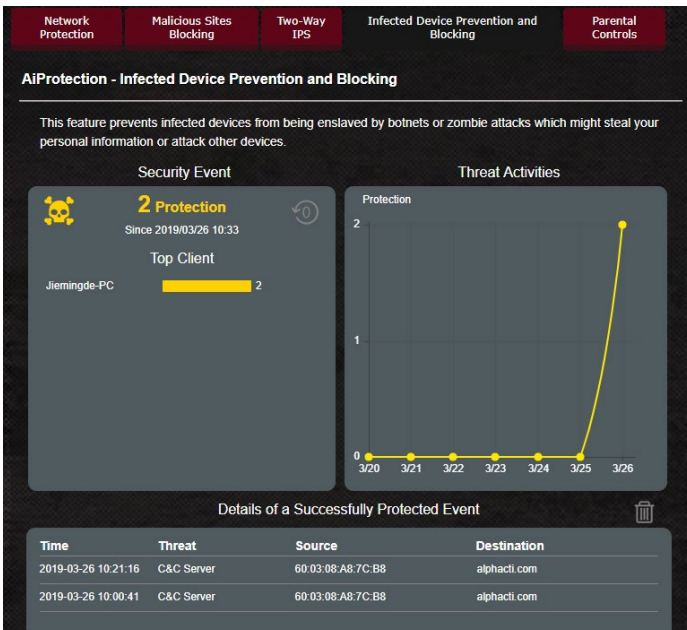
LƯU Ý: Chức năng này được bật tự động nếu bạn chạy Router Weakness Scan (Dò tìm độ yếu router).

Để bật tính năng phòng ngừa và chặn thiết bị nhiễm virus:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Aiprotection Pro**.
2. Từ trang chính Aiprotection Pro, nhấp **Network Protection (Bảo vệ mạng)**.
3. Từ bảng Infected Device Prevention and Blocking (Phòng ngừa và chặn thiết bị nhiễm virus), nhấp **ON (BẬT)**.

Để định cấu hình Ưu tiên cảnh báo:

1. Từ bảng Infected Device Prevention and Blocking, nhấp **Alert Preference (Ưu tiên cảnh báo)**.
2. Chọn hoặc nhập nhà cung cấp email, tài khoản email và mật khẩu rồi nhấp **Apply (Áp dụng)**.



3.3.5 Thiết lập kiểm soát của cha mẹ

Kiểm soát của cha mẹ cho phép bạn kiểm soát giờ truy cập internet hoặc cài giới hạn giờ cho việc sử dụng mạng cho thiết bị khách.

Để bật IPS hai chiều:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Aiprotection Pro**.
2. Từ trang chính Aiprotection Pro, nhấp **Parental Controls (Kiểm soát của cha mẹ)**.

Network Protection Malicious Sites Blocking Two-Way IPS Infected Device Prevention and Blocking Parental Controls

AiProtection - Web & Apps Filters Web & Apps Filters Time Scheduling

Web & Apps Filters allows you to block access to unwanted websites and apps. To use web & apps Filters:

1. In the [Clients Name] column, select the client whose network usage you want to control. The client name can be modified in network map client list.
2. Check the unwanted content categories
3. Click the plus (+) icon to add rule then click apply.

If you want to disable the rule temporarily, uncheck the check box in front of rule.
[Parental Controls FAQ](#)

Web & Apps Filters **ON**


Client List (Max Limit : 16)

<input type="checkbox"/>	Client Name (MAC Address)	Content Category	Add / Delete
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/> Adult Block adult/mature content to prevent children from visiting sites that contain material of a sexual, violent, and illegal nature.	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/> Instant Message and Communication Block instant communication software and messaging apps to prevent children from becoming addicted to social networking sites.	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/> P2P and File Transfer By blocking P2P and File Transferring you can make sure your network has a better quality of data transmission.	
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/> Streaming and Entertainment By blocking streaming and entertainment services you can limit the time your children spend online.	
<input checked="" type="checkbox"/>	ex: 18:31:BF:89:26:E0		<input style="border: 1px solid #ccc; border-radius: 50%; padding: 2px 5px;" type="button" value="+"/>

Bộ lọc web & ứng dụng

Web & Apps Filters (Bộ lọc web & ứng dụng) là tính năng của Kiểm soát của cha mẹ cho phép bạn chặn việc truy cập vào các trang web hoặc ứng dụng không mong muốn.

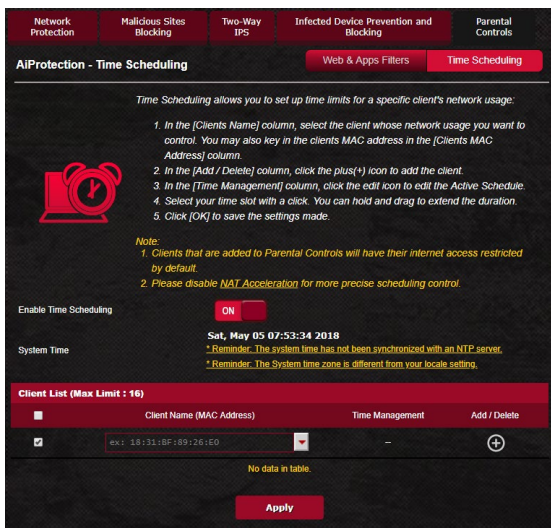
Để định cấu hình Bộ lọc web & ứng dụng:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung)** > **Aiprotection Pro**.
2. Từ trang chính Aiprotection Pro, nhấp biểu tượng **Parental Controls (Kiểm soát của cha mẹ)** để vào thẻ Parental Controls.
3. Từ bảng **Enable Web & Apps Filters (Bật bộ lọc web & ứng dụng)**, nhấp **ON (BẬT)**.
4. Khi báo nhắc End Users License Agreement (EULA) (Thỏa thuận Giấy phép Người dùng Cuối (EULA)) hiển thị, nhấp **I agree (Tôi đồng ý)** để tiếp tục.
5. Từ cột **Client List (Danh sách thiết bị khách)**, chọn hoặc nhập tên thiết bị khách từ ô danh sách sổ xuống.
6. Từ cột **Content Category (Loại nội dung)**, chọn các bộ lọc từ bốn loại chính sau: **Adult (Người lớn)**, **Instant Message and Communication (Tin nhắn nhanh và thông tin liên lạc)**, **P2P and File Transfer (P2P và truyền file)**, và **Streaming and Entertainment (Truyền trực tuyến và giải trí)**.
7. Nhấp  để thêm cấu hình của thiết bị khách.
8. Nhấp **Apply (Áp dụng)** để lưu lại các cài đặt.

Định giờ

Định giờ cho phép bạn cài giới hạn thời gian cho việc sử dụng mạng của thiết bị khách.

LƯU Ý: Đảm bảo giờ của hệ thống được đồng bộ với máy chủ NTP.



Để cài đặt Định giờ:

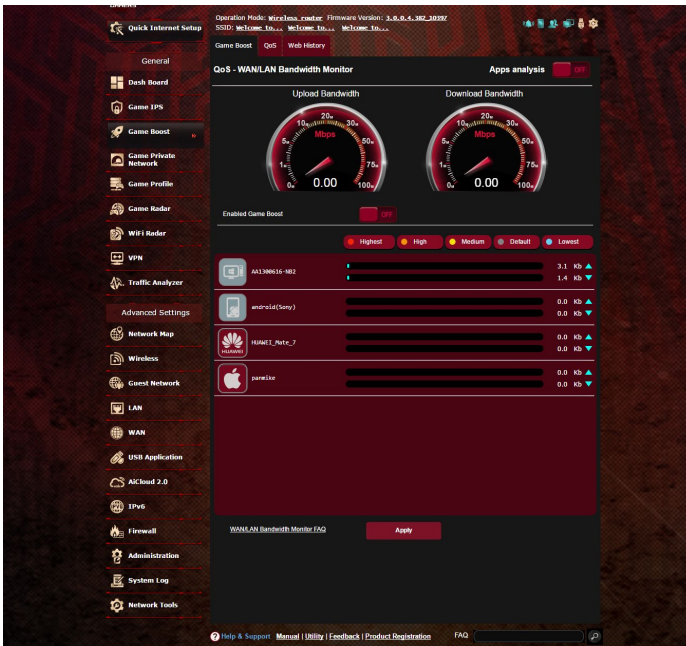
1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Aiprotection Pro > Parental Controls (Kiểm soát của cha mẹ) > Time Scheduling (Định giờ)**.
2. Từ bảng **Enable Time Scheduling (Bật định giờ)**, nhấn **ON (BẬT)**.
3. Từ cột **Clients Name (Tên thiết bị khách)**, chọn hoặc nhập tên thiết bị khách từ ô danh sách xổ xuống.

LƯU Ý: Bạn cũng có thể nhập địa chỉ MAC của thiết bị khách vào cột Client MAC Address (Địa chỉ MAC thiết bị khách). Đảm bảo tên thiết bị khách không chứa các ký tự đặc biệt hoặc khoảng trống vì chúng có thể khiến cho router hoạt động bất thường.

4. Nhấn **+** để thêm cấu hình của thiết bị khách.
5. Nhấn **Apply (Áp dụng)** để lưu lại các cài đặt.

3.4 Tăng tốc game

Tính năng này cho phép bạn bật Tăng tốc game chỉ bằng một cái nhấp chuột. Khi đã bật Tăng tốc game, Router chơi game ROG Rapture sẽ đặt gói dữ liệu chơi game làm ưu tiên hàng đầu nhằm mang lại cho bạn trải nghiệm chơi game tốt nhất.



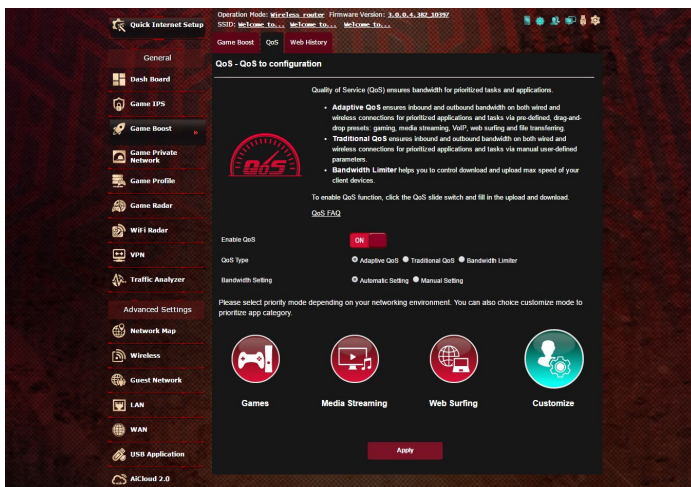
Phân tích ứng dụng

Để bật Apps analysis (Phân tích ứng dụng):

Từ thẻ **Game Boost (Tăng tốc game)**, vào bảng **Apps Analysis (Phân tích ứng dụng)**, và nhấp **ON (BẬT)**.

3.4.1 QoS

Tính năng này đảm bảo băng thông cho các tác vụ và ứng dụng cần ưu tiên.



ĐỂ BẬT chức năng QoS:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Game Boost (Tăng tốc game) > QoS** tab.
2. Từ bảng **Enable QoS (Bật QoS)**, nhấn **ON (BẬT)**.
3. Điền các mục bằng thông tải lên và tải về.

LƯU Ý: Hãy nhận thông tin bằng thông từ nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP). Bạn cũng có thể truy cập <http://speedtest.net> để kiểm tra và có được bằng thông của mình.

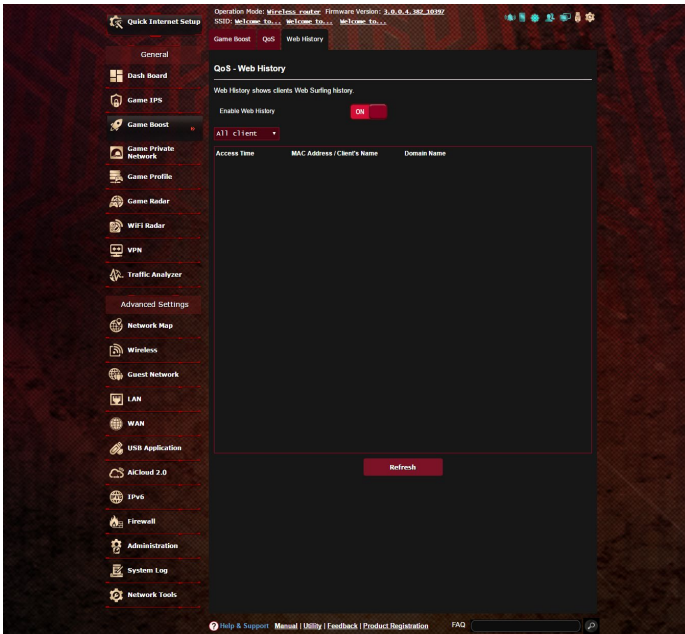
4. Chọn QoS Type (Loại QoS) (Adaptive (Thích ứng), Traditional (Truyền thống) hoặc Bandwidth limiter (Bộ giới hạn băng thông)) cho cấu hình của bạn.

LƯU Ý: Tham khảo thẻ QoS để xác định Loại QoS.

5. Nhấn **Apply (Áp dụng)**

3.4.2 Lược sử web

Tính năng này hiển thị lược sử và các chi tiết về các trang web hoặc URL mà thiết bị khách đã truy cập.



Để xem lược sử web:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Game Boost (Tăng tốc game) > Web History (Lược sử web)**.
2. (Tùy chọn) Nhấp **Refresh (Làm mới)** để xóa hết danh sách.

3.5 Mạng riêng dành cho game

WTFast-powered Gamers Private Network (GPNTM) sẽ giảm thiểu độ trễ game trung bình của bạn và giúp giảm các mức tăng đột biến và thất thoát gói dữ liệu bằng kết nối của bạn. Bạn có thể tận hưởng kết nối nhanh hơn, mượt hơn và phản ứng nhanh hơn với hầu hết mọi game MMO.



Để cập nhật firmware:

1. Bật trình duyệt web và nhập <http://router.asus.com>, nhập tên và mật khẩu đăng nhập mặc định của router (admin/admin) để truy cập ASUSWRT GUI.
2. Vào **Administration (Quản trị) > Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)** rồi nhấp **Check (Kiểm tra)** và thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để nâng cấp firmware.

Bạn cũng có thể tải về firmware mới nhất từ <http://support.asus.com/ServiceHome.aspx> để tự nâng cấp firmware.

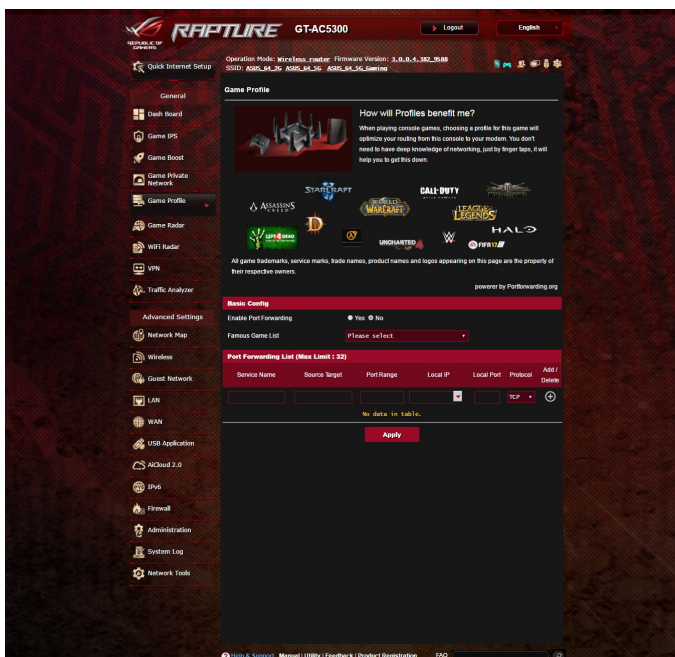
Để sử dụng WTFast

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung)** > **Game Boost (Tăng tốc game)**.
2. Tạo tài khoản WTFast miễn phí qua <https://www.wtfast.com/>.
3. Đăng nhập vào tài khoản WTFast.
4. Từ danh sách **WTFast Rules (Quy tắc WTFast)**, tạo cấu hình cho thiết bị mà bạn muốn sử dụng WTFast GPN.
5. Chọn máy chủ GPN theo địa điểm của bạn hoặc chọn các cài đặt "Auto (Tự động)" và "Apply (Áp dụng)".
6. Kích hoạt cấu hình GPN TRƯỚC KHI bạn bật game.

LƯU Ý: Tài khoản miễn phí hỗ trợ chỉ một thiết bị; nếu bạn muốn nâng cấp lên nhiều thiết bị, nhấp **Upgrade (Nâng cấp)** để thực hiện đăng ký.

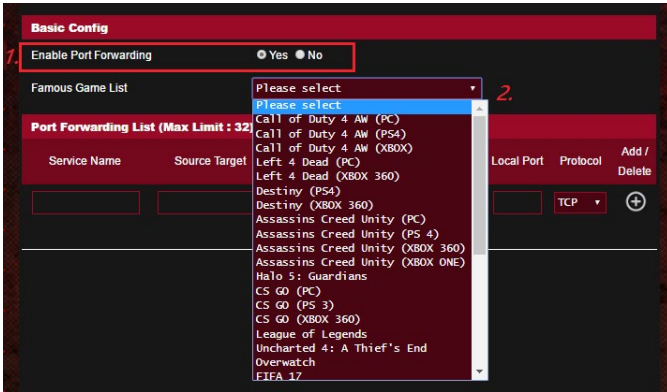
3.6 Cấu hình game


Khi bạn chơi các game bằng PC hoặc bàn điều khiển, có thể xảy ra một số sự cố kết nối do các cài đặt ISP hoặc router trong môi trường của bạn như NAT và các khối cổng. Cấu hình game giúp đảm bảo rằng Router chơi game ROG Rapture hiện không chặn kết nối game.

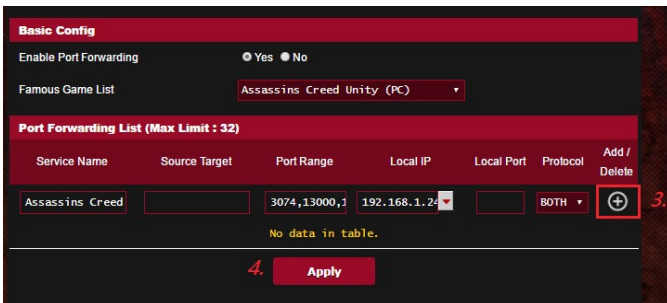


Để sử dụng cấu hình game:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Game Profile (Cấu hình game)** và đánh chọn **Yes (Có)** để bật chuyển tiếp cổng.
2. Chọn một game từ **Famous Game List (Danh sách game nổi tiếng)**, vốn thỉnh thoảng sẽ được cập nhật.

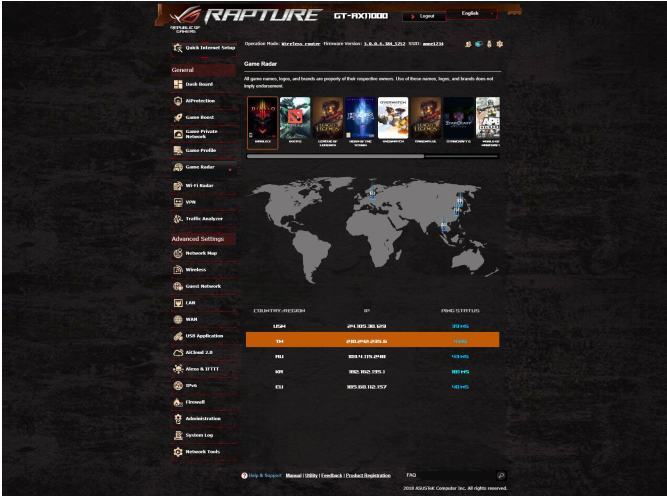


3. Nhấp  để thêm game.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)** để áp dụng mọi cấu hình.



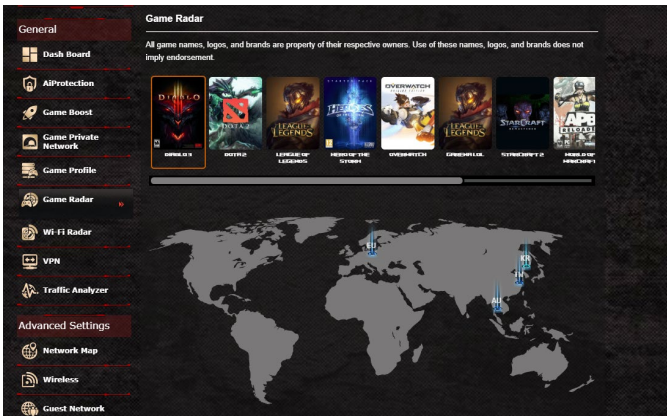
3.7 Game Radar

Game Radar là một công cụ chẩn đoán giúp bạn xác định chất lượng kết nối của các máy chủ cho những game cụ thể.



Để sử dụng Game Radar:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Game Radar** và chọn một game từ danh sách game.

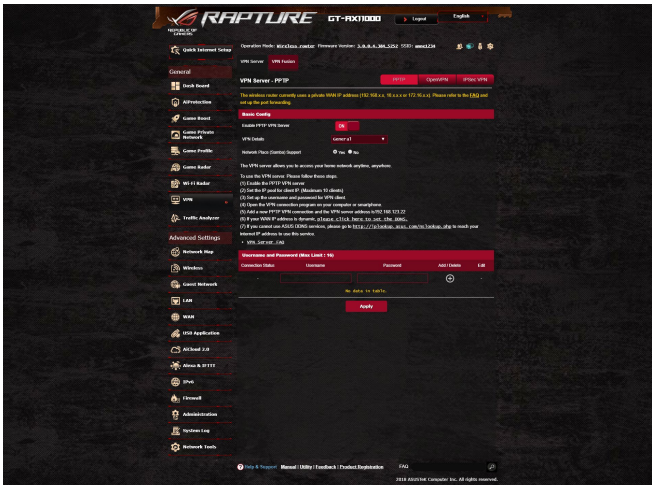


2. Kiểm tra **Ping Status (Trạng thái ping)** của từng máy chủ.
3. Để trải nghiệm chơi game trực tuyến mượt mà, hãy chọn một máy chủ game có trạng thái ping thấp.

3.8 Wi-Fi Radar

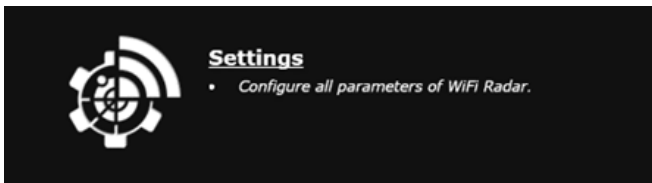
Wi-Fi Radar - một công cụ phân tích nâng cao cho mạng không dây của bạn - dò tìm sâu vào các kênh và dữ liệu gói để khắc phục sự cố.

LƯU Ý: Bật Wi-Fi Radar có thể khiến hiệu suất không dây giảm. Chỉ cần bật Wi-Fi Radar khi cần thiết.



Để sử dụng Wi-Fi Radar:

1. Vào Settings (Cài đặt) và định cấu hình mọi thông số Wi-Fi Radar,
2. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Wi-Fi Radar** và đặt lịch để ghi lại dữ liệu.



2. Nhấp **Start Data Collection (Bắt đầu thu thập dữ liệu)**.
3. Nhấp **Submit (Nộp)** sau khi bạn thiết lập mọi thông số.

Home Site Survey Channel Statistics Advanced Troubleshooting Configure

Settings
Configure all parameters of WiFi Radar

Sample Interval
 5 Second 10 Second 15 Second 20 Second

Start/Stop Data Collection

Start collecting data every
 Sunday Monday Tuesday Wednesday Thursday Friday Saturday
 From To

Database Size MB
 (Please note that, for example, 2 GB's connected using a 5 seconds sample interval run for 1 hour will occupy approximately 1.30 MB of database)
 Once Database size reaches maximum limit Overwrite Older Data Stop DataCollection

Counters

<input checked="" type="checkbox"/> Channel Statistics	<input checked="" type="checkbox"/> Packet Retired
<input checked="" type="checkbox"/> Channel Statistics	<input checked="" type="checkbox"/> Queue Utilization
<input checked="" type="checkbox"/> Rx CRC Errors	<input checked="" type="checkbox"/> Queue Length Precedence
<input checked="" type="checkbox"/> Bad PLCP	<input checked="" type="checkbox"/> Data Throughput
<input checked="" type="checkbox"/> Bad FCS	<input checked="" type="checkbox"/> Physical Rate
<input checked="" type="checkbox"/> Packet Requested	<input checked="" type="checkbox"/> RTS Fail
<input checked="" type="checkbox"/> Packet Stored	<input checked="" type="checkbox"/> Retry Drop
<input checked="" type="checkbox"/> Packet Dropped	<input checked="" type="checkbox"/> RTS Retry
	<input checked="" type="checkbox"/> Acks

Export Database

3.8.1 Khảo sát địa điểm Wi-Fi

WiFi Site Survey (Khảo sát địa điểm Wi-Fi) cho phép bạn dò tìm các mạng không dây trong môi trường của mình.



3.8.2 Thống kê kênh không dây

Tính năng này hiển thị hoạt động sử dụng kênh của mọi băng tần và số liệu thống kê phân phối kênh trong môi trường của bạn.



3.8.3 Khắc phục sự cố nâng cao

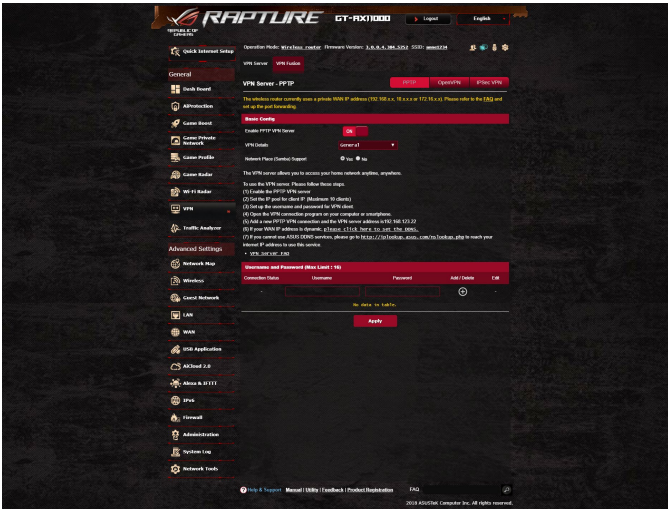
Tính năng này hiển thị số liệu thống kê về sự cố Wi-Fi trong môi trường của bạn.



3.9 VPN

Mạng riêng ảo (VPN) cho phép kết nối an toàn với máy tính từ xa hoặc mạng qua mạng công cộng như internet.

LƯU Ý: Trước khi thiết lập kết nối VPN, bạn sẽ cần địa chỉ IP hoặc tên miền của máy chủ VPN.

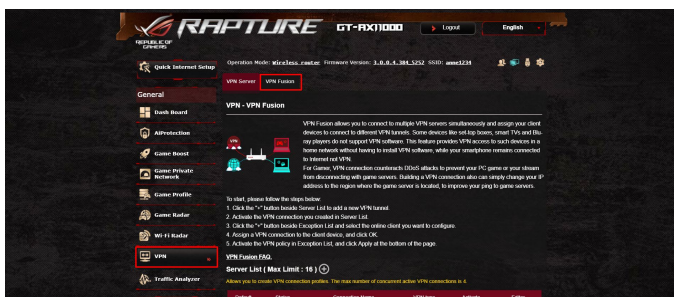


Để thiết lập truy cập máy chủ VPN:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > VPN**.
2. Trên mục **Enable PPTP VPN Server (Bật máy chủ VPN PPTP)**, chọn **ON (BẬT)**.
3. Trên danh sách sổ xuống **VPN Details (Chi tiết VPN)**, chọn **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** để định cấu hình các cài đặt VPN nâng cao như hỗ trợ truyền phát, xác thực, mã hóa MPPE và phạm vi địa chỉ IP thiết bị khách.
4. Trên mục **Network Place (Samba) Support (Hỗ trợ địa điểm mạng (Samba))**, chọn **Yes (Có)**.
5. Nhập tên người dùng và mật khẩu truy cập máy chủ VPN. Nhấp **+**.
6. Nhấp **Apply (Áp dụng)**

3.9.1 VPN Fusion (Hợp nhất VPN)

VPN Fusion cho phép bạn kết nối cùng lúc với nhiều máy chủ VPN và gán các thiết bị máy khách để kết nối với các liên kết mã hóa VPN khác nhau. Một số thiết bị như bộ giải mã tín hiệu tivi, tivi thông minh và đầu phát Blu-ray không hỗ trợ phần mềm VPN. Tính năng này cung cấp quyền truy cập VPN đối với các thiết bị vừa nêu trong mạng gia đình mà không phải cài đặt phần mềm VPN, trong khi smartphone của bạn vẫn được kết nối với internet chứ không phải VPN. Đối với game thủ, kết nối VPN sẽ vô hiệu hóa các vụ tấn công DDoS nhằm ngăn chặn trò chơi PC hoặc luồng thông tin của bạn khỏi bị ngắt kết nối với máy chủ trò chơi. Thiết lập kết nối VPN cũng có thể chỉ cần thay đổi địa chỉ IP của bạn thành khu vực đặt máy chủ trò chơi để cải thiện thời gian ping cho các máy chủ trò chơi.



Để bắt đầu, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Nhấp nút “+” bên cạnh **Server List (D.sách máy chủ)** để thêm liên kết mã hóa VPN mới.
2. Kích hoạt kết nối VPN mà bạn đã tạo trong Server List.
3. Nhấp nút “+” bên cạnh **Exception List (D.sách ngoại lệ)** và chọn máy khách trực tuyến mà bạn muốn định cấu hình.
4. Gán kết nối VPN với thiết bị máy khách và nhấp **OK**.
5. Kích hoạt chính sách VPN trong **Exception List (D.sách ngoại lệ)**, và nhấp **Apply (Áp dụng)** ở phía dưới trang.

Server List (Max Limit : 16)

Allows you to create VPN connection profiles. The max number of concurrent active VPN connections is 4.

Default	Status	Connection Name	VPN type	Activate	Editor
<input checked="" type="checkbox"/>	Connected		Internet		
No data in table.					

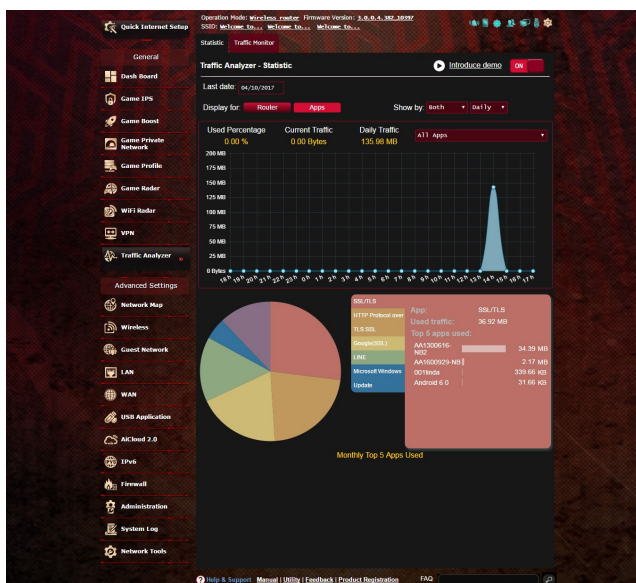
Exception List (Max Limit : 64)

You can add VPN policies to the exception list, so that different client devices can connect to different VPN tunnels.

Client Name (MAC Address)	IP Address	Connection Name	Activate	Delete
No data in table.				
<input type="button" value="Apply"/>				

3.10 Bộ phân tích lưu lượng

Traffic Analyzer (Bộ phân tích lưu lượng) cho bạn cái nhìn tổng quan về những gì đang diễn ra trên mạng trên cơ sở hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng. Nó cho phép bạn nhìn thấy nhanh hoạt động sử dụng băng thông của từng người dùng hoặc thiết bị hay ứng dụng đã dùng, giúp bạn giảm thiểu các sự cố nút thắt cổ chai trong kết nối internet. Đây cũng là cách thức tuyệt vời để giám sát các hoạt động hoặc việc sử dụng internet của người dùng.



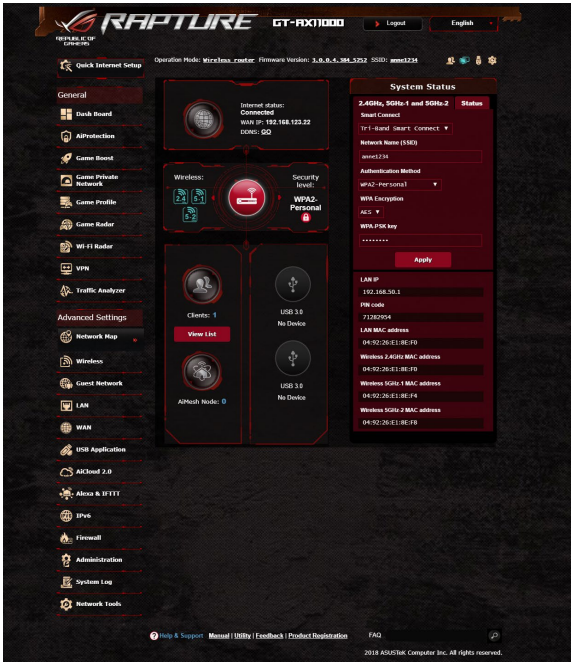
Để định cấu hình bộ phân tích lưu lượng:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Cài đặt chung) > Traffic Analyzer (Bộ phân tích lưu lượng)**.
2. Từ trang chính Traffic Analyzer (Bộ phân tích lưu lượng), bật traffic analyzer statistic (thống kê từ bộ phân tích lưu lượng).
3. Chọn ngày có biểu đồ bạn muốn hiển thị.
4. Trên mục Display for (Hiển thị cho), chọn Router hoặc Apps (Ứng dụng) để hiển thị thông tin lưu lượng mạng.
5. Trên mục Show by (Hiển thị theo), chọn cách bạn muốn hiển thị thông tin lưu lượng mạng.

4 Định cấu hình cài đặt nâng cao

4.1 Sử dụng Sơ đồ mạng

Sơ đồ mạng cho phép bạn định cấu hình cài đặt bảo mật mạng, quản lý các thiết bị khách nối mạng và giám sát thiết bị USB.



4.1.1 Thiết lập cài đặt bảo mật không dây

Để bảo vệ mạng không dây khỏi bị truy cập trái phép, bạn cần định cấu hình cài đặt bảo mật liên quan.

Để thiết lập cài đặt bảo mật không dây:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Network Map (Sơ đồ mạng)**.
2. Trên màn hình Sơ đồ mạng và trong **System status (Tình trạng mạng)**, bạn có thể định cấu hình cài đặt bảo mật không dây như cài đặt SSID, mức bảo mật và mã hóa.

LƯU Ý: Bạn có thể thiết lập những cài đặt bảo mật không dây khác nhau cho các băng tần 2.4GHz và 5GHz.

Cài đặt bảo mật 2.4GHz



The screenshot shows the 'System Status' interface for the 2.4GHz band. At the top, there are tabs for '2.4GHz', '5GHz-1', '5GHz-2', and 'Status', with '2.4GHz' selected. The 'Network Name (SSID)' field contains 'Welcome to test'. The 'Authentication Method' is set to 'WPA2-Personal'. The 'WPA Encryption' is set to 'AES'. The 'WPA-PSK key' field is empty and masked with dots. An 'Apply' button is at the bottom.

Cài đặt bảo mật 5GHz-1



The screenshot shows the 'System Status' interface for the 5GHz-1 band. At the top, there are tabs for '2.4GHz', '5GHz-1', '5GHz-2', and 'Status', with '5GHz-1' selected. The 'Network Name (SSID)' field contains 'Welcome to test_5G'. The 'Authentication Method' is set to 'WPA2-Personal'. The 'WPA Encryption' is set to 'AES'. The 'WPA-PSK key' field is empty and masked with dots. An 'Apply' button is at the bottom.

Cài đặt bảo mật 5GHz-2



The screenshot shows the 'System Status' interface for the 5GHz-2 band. At the top, there are tabs for '2.4GHz', '5GHz-1', '5GHz-2', and 'Status', with '5GHz-2' selected. The 'Network Name (SSID)' field contains 'Welcome to test_5G-2'. The 'Authentication Method' is set to 'WPA2-Personal'. The 'WPA Encryption' is set to 'AES'. The 'WPA-PSK key' field is empty and masked with dots. An 'Apply' button is at the bottom.

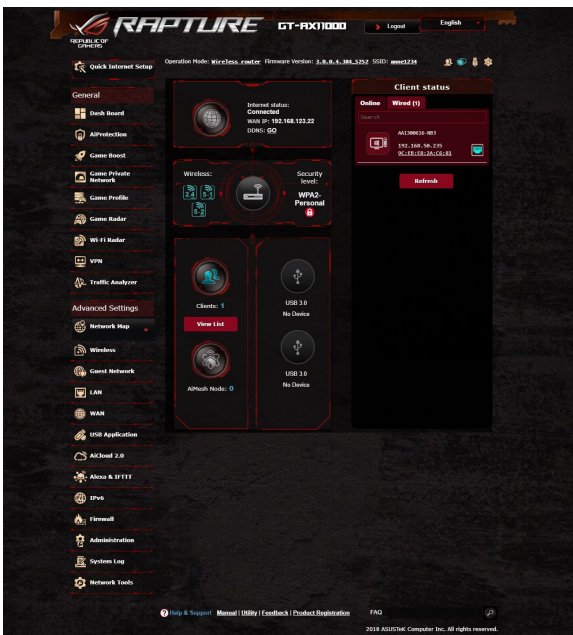
3. Trên mục **Wireless name (SSID) (Tên không dây (SSID))**, nhập tên duy nhất cho mạng không dây của bạn.
4. Từ danh sách **Authentication Method (Cách xác thực) số** xuống, chọn cách xác thực cho mạng không dây của bạn.

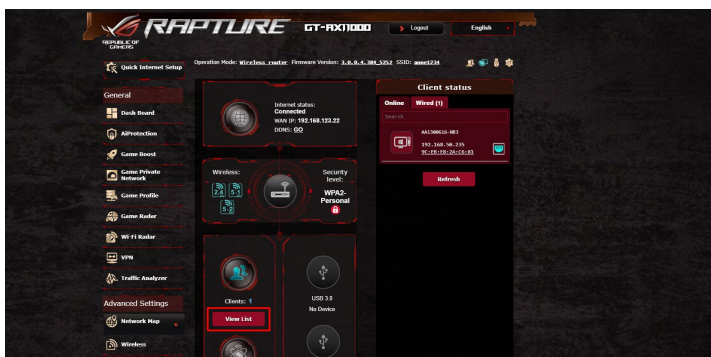
Nếu bạn chọn WPA-Personal (WPA-Cá nhân) hoặc WPA-2 Personal (WPA-2 Cá nhân) làm cách xác thực, hãy nhập khóa WPA-PSK hoặc khóa bảo mật.

QUAN TRỌNG! Chuẩn IEEE 802.11n/ac cấm sử dụng Thông lượng cao với WEP hoặc WPA-TKIP dưới dạng mã truyền thông đơn hướng. Nếu sử dụng các cách mã hóa này, tốc độ dữ liệu của bạn sẽ giảm xuống mức kết nối IEEE 802.11g 54Mbps

5. Nhấp **Apply (Áp dụng)** khi hoàn tất.

4.1.2 Quản lý các thiết bị khách nối mạng





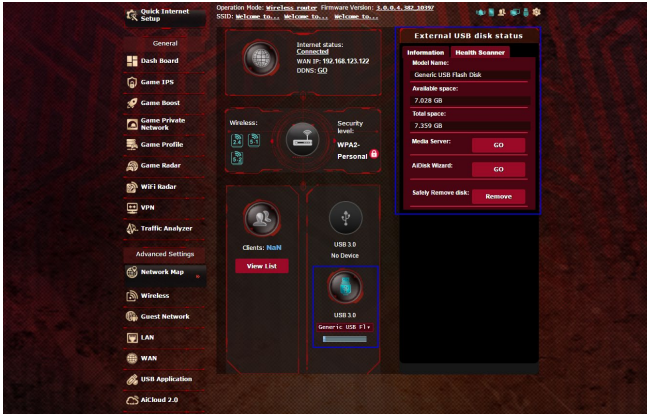
Internet	Icon	Clients Name	Clients IP Address	Clients MAC Address	Interface	Tx Rate (Mbps)	Rx Rate (Mbps)	Access time
		android(Somy)	192.168.1.116	DHCP A0:E4:53:FC:42:CA		433.3	40.5	02:50:55
		HUAMEI_Mate_7	192.168.1.201	DHCP E0:19:1D:EC:62:D7		150	13.5	02:31:02

Để quản lý các thiết bị khách nối mạng:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Network Map (Sơ đồ mạng)**.
2. Trên màn hình **Network Map (Sơ đồ mạng)**, chọn biểu tượng **Clients (Thiết bị khách)** để hiển thị thông tin thiết bị khách nối mạng của bạn.
3. Nhấp View List (Xem danh sách) bên dưới biểu tượng **Clients (Thiết bị khách)** để hiển thị mọi thiết bị khách.
4. Để chặn thiết bị khách truy cập vào mạng của bạn, chọn thiết bị khách đó và nhấp biểu tượng khóa mở.

4.1.3 Giám sát thiết bị USB

Router không dây ASUS cung cấp hai cổng USB để kết nối các thiết bị USB hoặc máy in USB nhằm cho phép bạn chia sẻ các file và máy in với những thiết bị khác trong mạng.



LƯU Ý:

- Để dùng tính năng này, bạn cần cắm thiết bị lưu trữ USB như ổ đĩa cứng USB hoặc ổ đĩa USB flash vào các cổng USB 3.0/2.0 ở phía sau router không dây. Đảm bảo thiết bị lưu trữ USB đã được định dạng và phân khu thích hợp. Tham khảo Danh sách Hỗ trợ Đĩa Plug-n-Share (Cắm vào và chia sẻ) tại <http://event.asus.com/networks/disksupport>
- Các cổng USB hỗ trợ đồng thời hai ổ đĩa USB hoặc một máy in và một ổ đĩa USB.

QUAN TRỌNG! Trước tiên bạn cần tạo tài khoản chia sẻ và giấy phép/quyền truy cập của tài khoản đó để cho phép các thiết bị khác nối mạng truy cập thiết bị USB qua trang FTP/ứng dụng khách FTP bên thứ ba, Trung tâm máy chủ, Samba hoặc AiCloud. Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần **4.6 Dùng ứng dụng USB** và **4.7 Sử dụng AiCloud** trong sổ hướng dẫn sử dụng này.

Để giám sát thiết bị USB:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Chung) > Network Map (Sơ đồ mạng)**.
2. Trên màn hình Network Map (Sơ đồ mạng), chọn biểu tượng **USB Disk Status (Tình trạng ổ đĩa USB)** để hiển thị thông tin thiết bị USB của bạn.
3. Trên mục AiDisk Wizard (Thuật sĩ AiDisk), nhấn **GO (Truy cập)** để thiết lập máy chủ FTP chia sẻ file internet.


GHI CHÚ:

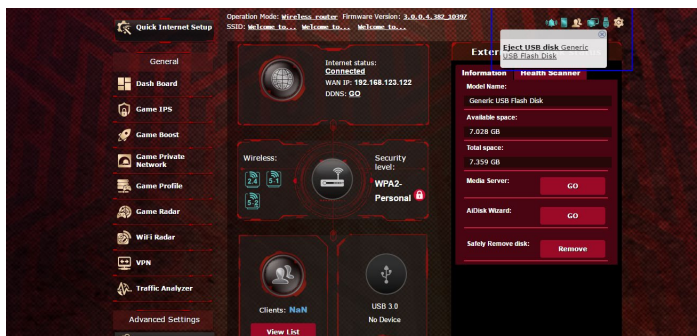
- Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần **4.6.2 Sử dụng trung tâm máy chủ** trong sổ hướng dẫn sử dụng này.
- Router không dây hoạt động với hầu hết các ổ đĩa cứng USB/ổ đĩa flash (dung lượng đến 4TB) và hỗ trợ truy cập đọc-ghi dữ liệu cho định dạng FAT16, FAT32, NTFS và HFS+.

Tháo an toàn ổ đĩa USB

QUAN TRỌNG: Tháo ổ đĩa USB không đúng cách có thể làm hỏng dữ liệu.

Để tháo an toàn ổ đĩa USB:

1. Từ bảng điều hướng, vào **General (Chung) > Network Map (Sơ đồ mạng)**.
2. Ở góc phải phía trên, nhấp  > **Eject USB disk (Nhả ổ đĩa USB)**. Khi ổ đĩa USB được nhả ra thành công, tình trạng USB hiển thị **Unmounted (Đã ngắt)**.



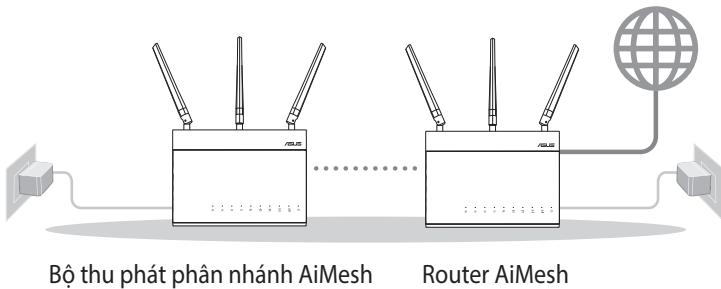
4.1.4 ASUS AiMesh

4.1.4.1 TRƯỚC KHI THIẾT LẬP

Chuẩn bị thiết lập một hệ thống Wi-Fi AiMesh

1. Hai (2) router ASUS (các mẫu có hỗ trợ công nghệ AiMesh <https://www.asus.com/vn/AiMesh/>).
2. Gán chiếc router thứ 1 làm router AiMesh và chiếc router còn lại làm bộ thu phát phân nhánh AiMesh.

LƯU Ý: Nếu bạn có nhiều router AiMesh, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng router có các thông số kỹ thuật cao nhất làm router AiMesh và các router khác làm bộ thu phát phân nhánh AiMesh.



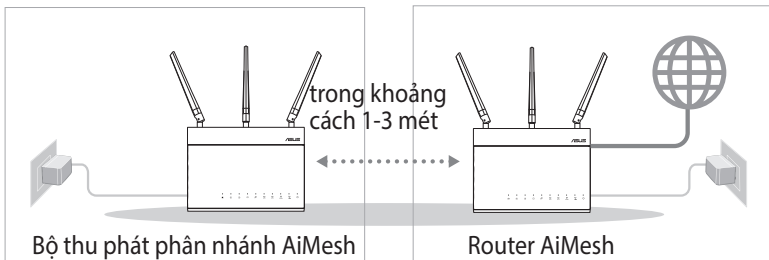
4.1.4.2 CÁC BƯỚC THIẾT LẬP AiMesh

Chuẩn bị

Đặt router và bộ thu phát phân nhánh AiMesh cách nhau từ 1-3 mét trong quá trình thiết lập.

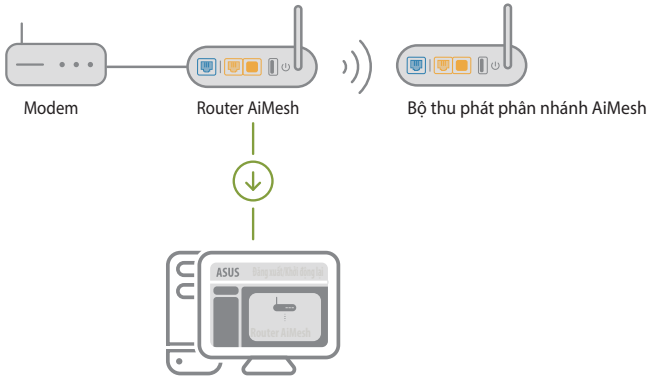
Bộ thu phát phân nhánh AiMesh

Trạng thái mặc định gốc. Duy trì bật nguồn và chờ các cài đặt hệ thống AiMesh.



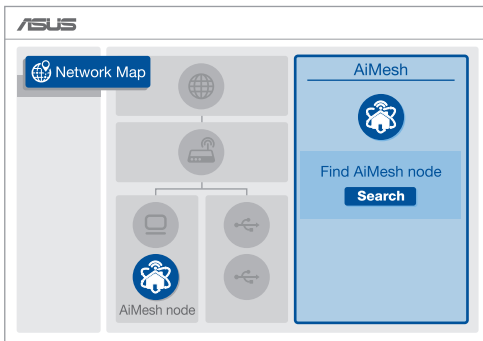
Router AiMesh

- 1) Tham khảo **Hướng dẫn khởi động nhanh** để kết nối router AiMesh với PC và modem của bạn, và sau đó đăng nhập vào GUI web.



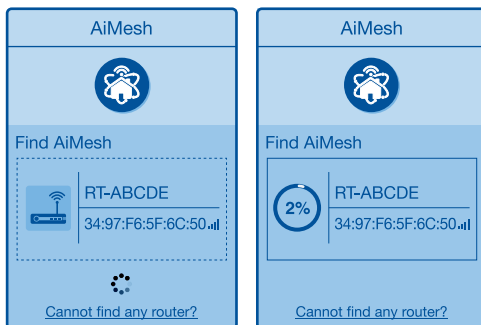
- 2) Vào trang Network Map (Bản đồ mạng), nhấp biểu tượng AiMesh và sau đó dò tìm bộ thu phát phân nhánh AiMesh mở rộng.

LƯU Ý: Nếu bạn không tìm thấy biểu tượng AiMesh ở đây, hãy nhấp vào phiên bản firmware và cập nhật nó.

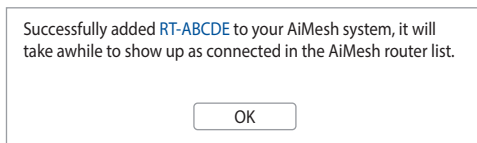


- 3) Nhấp **Search (Dò tìm)**, nó sẽ tự động dò tìm bộ thu phát phân nhánh AiMesh của bạn. Khi bộ thu phát phân nhánh AiMesh hiển thị trên trang này, hãy nhấp nó để thêm vào hệ thống AiMesh.

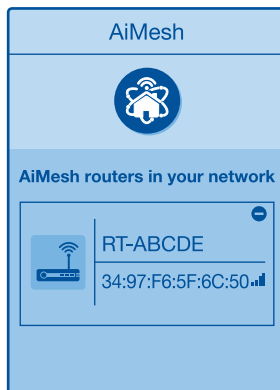
LƯU Ý: Nếu bạn không thể tìm thấy bất kỳ bộ thu phát phân nhánh AiMesh nào, vui lòng vào **KHẮC PHỤC SỰ CỐ**.



- 4) Một thông báo sẽ hiển thị khi quá trình đồng bộ hoàn tất.



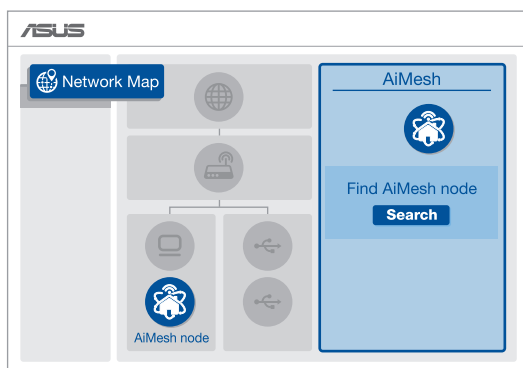
- 5) Xin chúc mừng! Bạn sẽ tìm thấy các trang sau đây hiển thị khi một bộ thu phát phân nhánh AiMesh đã được thêm thành công vào mạng AiMesh.



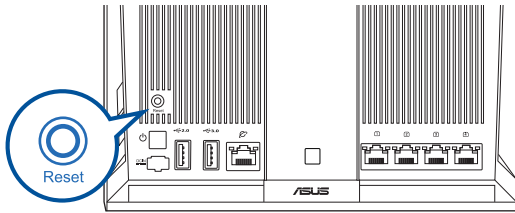
4.1.4.3 KHẮC PHỤC SỰ CỐ

Nếu router AiMesh của bạn không thể tìm thấy bất kỳ bộ thu phát phân nhánh AiMesh nào gần đó hoặc quá trình đồng bộ hóa bị lỗi, hãy kiểm tra các mục sau và thử lại.

- 1) Di chuyển bộ thu phát phân nhánh AiMesh lại gần hơn với router AiMesh. Đảm bảo nó nằm trong khoảng cách 1-3 mét.
- 2) Bộ thu phát phân nhánh AiMesh sẽ được bật nguồn.
- 3) Bộ thu phát phân nhánh AiMesh sẽ được nâng cấp lên firmware hỗ trợ AiMesh.
 - i. Tải về firmware có hỗ trợ AiMesh tại: <https://www.asus.com/vn/AiMesh/>.
 - ii. Bật nguồn bộ thu phát phân nhánh AiMesh và kết nối nó với máy tính qua cáp mạng.
 - iii. Bật GUI web. Bạn sẽ được chuyển hướng sang ASUS Setup Wizard (Thuật sĩ thiết lập ASUS). Nếu không, hãy chuyển sang <http://router.asus.com>.
 - iv. Vào **Administration (Quản lý) > Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**. Nhấp vào **Choose File (Chọn tập tin)** và tải lên firmware có hỗ trợ AiMesh.
 - v. Sau khi tải lên firmware, hãy vào trang Network Map (Bản đồ mạng) để xác nhận xem biểu tượng AiMesh đã xuất hiện hay chưa.



- vi. Nhấn nút reset (cài lại) ở chế độ AiMesh ít nhất trong 5 giây. Nhả nút reset khi đèn LED nguồn đang nhấp nháy chậm.



4.1.4.4 BỐ TRÍ LẠI

HIỆU SUẤT TỐT NHẤT:

Bố trí router và điểm phân nhánh AiMesh ở vị trí tiện lợi nhất.

GHI CHÚ:

- Để giảm thiểu nhiễu sóng, hãy đặt router cách xa các thiết bị như điện thoại di động, thiết bị Bluetooth và lò vi sóng.
- Chúng tôi đề nghị bạn nên đặt router ở vị trí thông thoáng và rộng rãi.



4.1.4.5 FAQ (Hỏi Đáp)

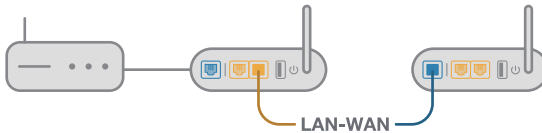
Hỏi 1: Router AiMesh có hỗ trợ chế độ Access Point (Bộ thu phát không dây)?

Trả lời: Có. Bạn có thể chọn thiết lập router AiMesh dưới dạng chế độ router hoặc chế độ bộ thu phát không dây. Vui lòng truy cập GUI web (<http://router.asus.com>) và vào trang **Administration (Quản lý) > Operation Mode (Chế độ hoạt động)**.

Hỏi 2: Tôi có thể thiết lập kết nối có dây giữa các router AiMesh (Ethernet backhaul)?

Trả lời: Có. Hệ thống AiMesh hỗ trợ cả kết nối không dây và có dây giữa router và điểm phân nhánh AiMesh để tối đa hóa thông lượng và sự ổn định. AiMesh phân tích cường độ tín hiệu không dây cho mỗi băng tần có sẵn, và sau đó tự động xác định xem liệu kết nối không dây hoặc có dây có tối ưu để sử dụng như trung tâm kết nối giữa các router hay không.

- 1) Thực hiện theo các bước thiết lập để thiết lập kết nối giữa router và điểm phân nhánh AiMesh thông qua mạng Wi-Fi trước.
- 2) Đặt điểm phân nhánh ở vị trí lý tưởng để phủ sóng tốt nhất. Cắm cáp ethernet từ cổng LAN trên router AiMesh vào cổng WAN trên bộ thu phát phân nhánh AiMesh.

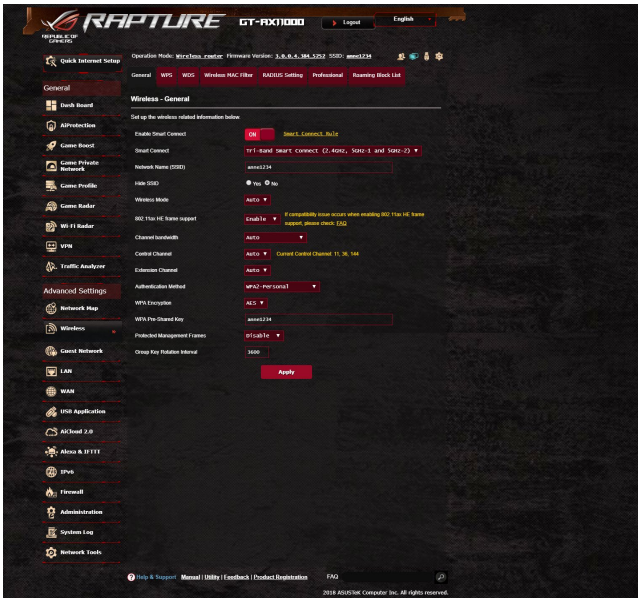


- 3) Hệ thống AiMesh sẽ tự động chọn đường dẫn tối ưu để truyền dữ liệu, dù là kết nối có dây hay không dây.

4.2 Không dây

4.2.1 Chung

Thẻ General (Chung) cho phép bạn định cấu hình cài đặt không dây cơ bản.



Định cấu hình cài đặt không dây cơ bản:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > General (Chung)**.
2. Chọn 2.4GHz hoặc 5GHz làm băng tần cho mạng không dây của bạn.
3. Nếu bạn muốn sử dụng chức năng Kết nối thông minh, chuyển con trượt sang **ON (BẬT)** trong mục **Enable Smart Connect (Bật kết nối thông minh)**. Chức năng này tự động kết nối các thiết bị khách trong mạng của bạn với băng tần thích hợp 2.4GHz hoặc 5GHz để đạt tốc độ tối ưu.

4. Gán tên duy nhất chứa đến 32 ký tự cho SSID (Bộ định danh nhóm dịch vụ) hoặc tên mạng để nhận dạng mạng không dây của bạn. Các thiết bị Wi-Fi có thể nhận dạng và kết nối với mạng không dây qua SSID vừa gán của bạn. Các SSID trên biểu ngữ thông tin được cập nhật mỗi khi bạn lưu các SSID mới vào cài đặt.

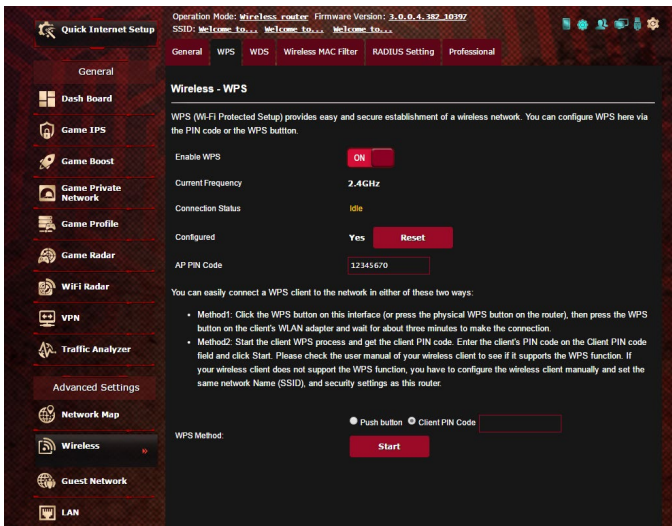
LƯU Ý: Bạn có thể gán những SSID duy nhất cho các băng tần 2.4 GHz và 5GHz.

5. Trong mục **Hide SSID (ẨN SSID)**, chọn **Yes (Có)** để chặn không cho các thiết bị không dây phát hiện SSID của bạn. Khi chức năng này được bật, bạn cần phải tự nhập SSID vào thiết bị không dây để truy cập mạng không dây.
6. Chọn một trong những tùy chọn chế độ không dây này để xác định các loại thiết bị không dây có thể kết nối với router không dây của bạn:
 - **Tự động:** Chọn **Auto (Tự động)** để cho phép các thiết bị 802.11ac, 802.11n, 802.11g và 802.11b kết nối với router không dây.
 - **Chỉ N:** Chọn **N only (Chỉ N)** để tối đa hóa công suất N không dây. Cài đặt này chặn không cho các thiết bị 802.11g và 802.11b kết nối với router không dây.
 - **Truyền thống:** Chọn **Legacy (Truyền thống)** để cho phép các thiết bị 802.11b/g/n kết nối với router không dây. Tuy nhiên, phần cứng vốn hỗ trợ 802.11n sẽ chỉ chạy với tốc độ tối đa là 54Mbps.
7. Chọn kênh hoạt động/điều khiển cho router không dây. Chọn **Auto (Tự động)** để cho phép router không dây tự động chọn kênh có lượng tín hiệu nhiều ít nhất.
8. Chọn băng thông kênh để phù hợp với các tốc độ truyền cao hơn.
9. Chọn cách xác thực.
10. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.2.2 WPS

WPS (Thiết lập bảo vệ Wi-Fi) là chuẩn bảo mật không dây cho phép bạn dễ dàng kết nối các thiết bị với mạng không dây. Bạn có thể định cấu hình chức năng WPS qua mã PIN hoặc nút WPS.

LƯU Ý: Đảm bảo các thiết bị hỗ trợ WPS.



Để bật WPS trên mạng không dây của bạn:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > WPS**.
2. Trong mục **Enable WPS (Bật WPS)**, chuyển con trượt sang **ON (BẬT)**.
3. Theo mặc định WPS sử dụng 2.4GHz. Nếu bạn muốn đổi tần số sang 5GHz, hãy **OFF (TẮT)** chức năng WPS, nhấp **Switch Frequency (Đổi tần số)** trong mục **Current Frequency (Tần số hiện hành)** và **ON (BẬT)** lại WPS.

LƯU Ý: WPS hỗ trợ cách xác thực qua cách mã hóa Open System, WPA-Personal và WPA2-Personal. WPS không hỗ trợ mạng không dây sử dụng cách mã hóa Shared Key, WPA-Enterprise, WPA2-Enterprise và RADIUS.

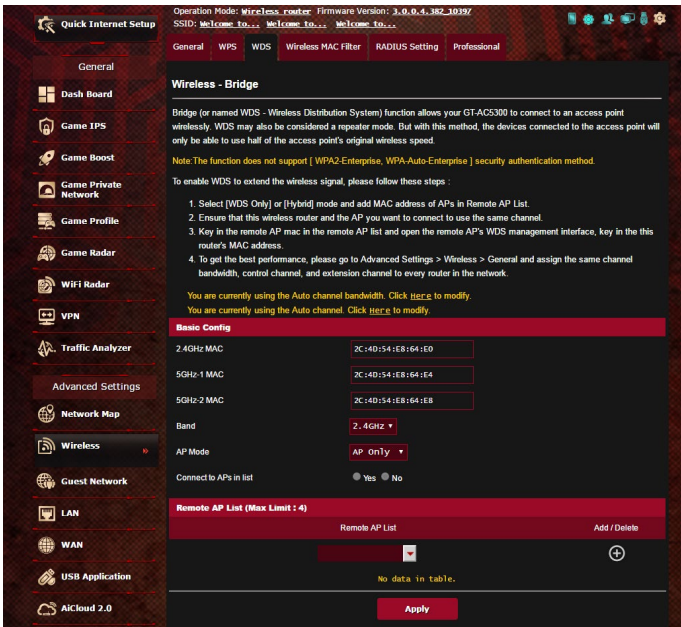
4. Trong mục WPS Method (Phương thức WPS), chọn **Push Button (Nút ấn)** hoặc mã **Client PIN (PIN thiết bị khách)**. Nếu bạn chọn **Push Button (Nút ấn)**, chuyển sang bước 4. Nếu bạn chọn mã **Client PIN (PIN thiết bị khách)**, chuyển sang bước 5.
5. Để thiết lập WPS bằng nút WPS của router, thực hiện các bước sau:
 - a. Nhấp **Start (Bắt đầu)** hoặc nhấn nút WPS nằm ở phía sau router không dây.
 - b. Nhấn nút WPS trên thiết bị không dây của bạn. Nút này thường được nhận dạng qua logo WPS.

LƯU Ý: Kiểm tra thiết bị không dây của bạn hoặc sổ hướng dẫn sử dụng thiết bị để biết vị trí của nút WPS.

- c. Router không dây sẽ dò tìm bất kỳ thiết bị WPS nào khả dụng. Nếu router không dây không tìm thấy bất kỳ thiết bị WPS nào, nó sẽ chuyển sang chế độ chờ.
6. Để thiết lập WPS bằng mã PIN thiết bị khách, thực hiện các bước sau:
 - a. Xác định mã PIN WPS trên sổ hướng dẫn sử dụng thiết bị không dây hoặc trên chính thiết bị.
 - b. Nhập mã PIN thiết bị khách vào ô văn bản.
 - c. Nhấp **Start (Bắt đầu)** để đặt router không dây vào chế độ khảo sát WPS. Các đèn báo LED trên router sẽ nhấp nháy nhanh ba lần cho đến khi hoàn tất thiết lập WPS.

4.2.3 Cầu nối

Bridge (Cầu nối) hoặc WDS (Hệ thống phân phối không dây) cho phép router không dây ASUS kết nối riêng với một bộ thu phát không dây khác, chặn không cho các thiết bị hoặc trạm không dây khác truy cập router không dây ASUS của bạn. Nó cũng có thể được xem như là bộ chuyển tiếp không dây nơi router không dây ASUS của bạn kết nối với một bộ thu phát không dây khác và các thiết bị không dây khác.



Để thiết lập cầu nối không dây:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > WDS.**
2. Chọn băng tần cho cầu nối không dây.


- Trong mục **AP Mode (Chế độ AP)**, chọn một trong các tùy chọn sau:
 - AP Only (Chỉ AP)**: Tắt chức năng Wireless Bridge (Cầu nối không dây).
 - WDS Only (Chỉ WDS)**: Bật chức năng Wireless Bridge (Cầu nối không dây) nhưng chặn không cho các thiết bị/trạm không dây khác kết nối với router.
 - HYBRID**: Bật chức năng Wireless Bridge (Cầu nối không dây) và cho phép các thiết bị/trạm không dây khác kết nối với router.

LƯU Ý: Ở chế độ Hybrid, các thiết bị không dây đã kết nối với router không dây ASUS sẽ chỉ nhận một nửa tốc độ kết nối của Bộ thu phát không dây (AP).

- Trong mục **Connect to APs in list (Kết nối các AP trong danh sách)**, nhấp **Yes (Có)** nếu bạn muốn kết nối với Bộ thu phát không dây có trong Remote AP List (Danh sách AP từ xa).
- Theo mặc định, kênh hoạt động/điều khiển cho cầu nối không dây được cài sang **Auto (Tự động)** để cho phép router tự động chọn kênh với lượng tín hiệu nhiều ít nhất.

Bạn có thể sửa đổi **Control Channel (Kênh điều khiển)** từ thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > General (Chung)**.

LƯU Ý: Việc có sẵn kênh sẽ khác nhau tùy theo quốc gia hoặc khu vực.

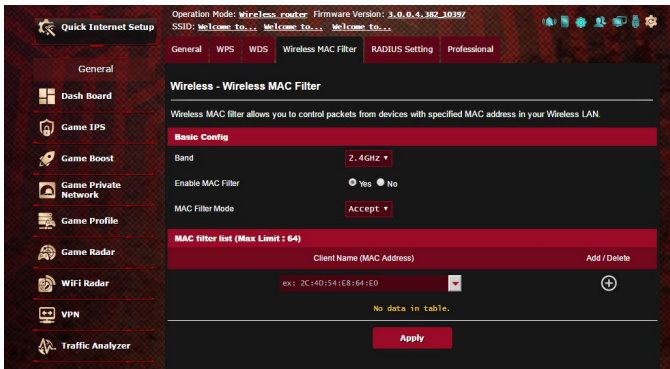
- Trên Remote AP List (Danh sách AP từ xa), nhập địa chỉ MAC và nhấp nút **Add (Thêm)**  để nhập địa chỉ MAC của các Bộ thu phát không dây khả dụng khác.

LƯU Ý: Bất kỳ Bộ thu phát không dây nào đã thêm vào danh sách phải ở trên cùng Kênh điều khiển với router không dây ASUS.


- Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.2.4 Bộ lọc MAC không dây

Bộ lọc MAC không dây cho phép kiểm soát các gói tin được truyền sang địa chỉ MAC (Kiểm soát truy cập truyền thông) đã chọn trên mạng không dây của bạn.

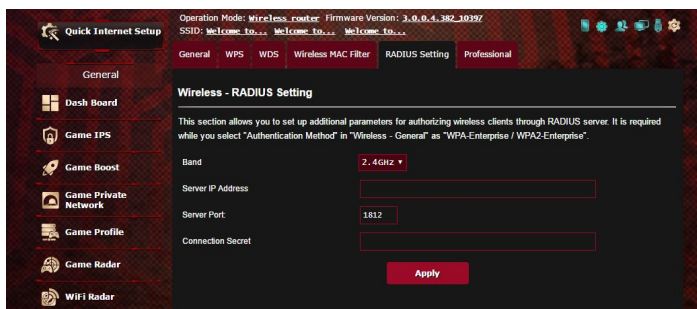


Để thiết lập bộ lọc MAC không dây:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > Wireless MAC Filter (Bộ lọc MAC không dây)**.
2. Chọn **Yes (Có)** trong mục **Enable Mac Filter (Bật bộ lọc MAC)**.
3. Trong danh sách **MAC Filter Mode (Chế độ bộ lọc MAC)** số xuống, chọn **Accept (Chấp nhận)** hoặc **Reject (Từ chối)**.
 - Chọn **Accept (Chấp nhận)** để cho phép các thiết bị trong danh sách bộ lọc MAC truy cập mạng không dây.
 - Chọn **Reject (Từ chối)** để chặn không cho các thiết bị trong danh sách bộ lọc MAC truy cập mạng không dây.
4. Trên danh sách bộ lọc MAC, nhấp nút **Add (Thêm)**  và nhập địa chỉ MAC của thiết bị không dây.
5. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.2.5 Cài đặt RADIUS

Cài đặt RADIUS (Quay số xác thực từ xa trong dịch vụ người dùng) cung cấp lớp bảo mật bổ sung khi bạn chọn cách mã hóa WPA-Enterprise, WPA2-Enterprise hoặc Radius qua 802.1x làm Chế độ xác thực.



Để thiết lập cài đặt RADIUS không dây:

1. Đảm bảo mã xác thực của router không dây được cài sang WPA-Enterprise hoặc WPA2-Enterprise.

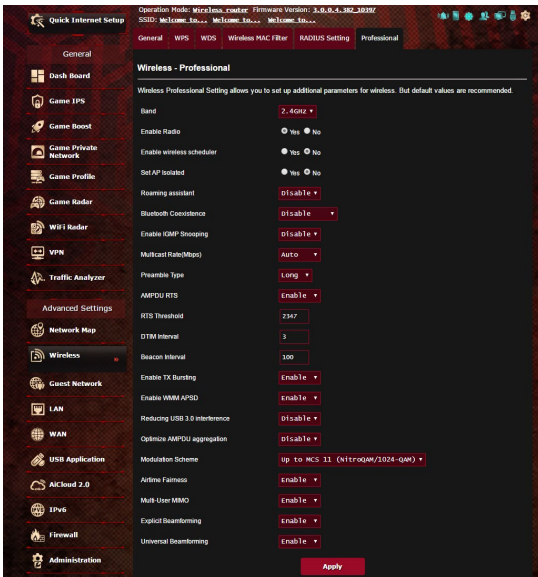
LƯU Ý: Hãy tham khảo phần **4.2.1 Cài đặt chung** để định cấu hình Chế độ xác thực cho router không dây.

2. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > RADIUS Setting (Cài đặt RADIUS)**.
3. Chọn băng tần.
4. Trong mục **Server IP Address (Địa chỉ IP máy chủ)**, nhập Địa chỉ IP của máy chủ RADIUS.
5. Trong mục **Server Port (Cổng máy chủ)**, nhập cổng máy chủ.
6. Trong mục **Connection Secret (Bí mật kết nối)**, gán mật khẩu để truy cập máy chủ RADIUS của bạn.
7. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.2.6 Chuyên nghiệp

Màn hình Professional (Chuyên nghiệp) cung cấp các tùy chọn cấu hình nâng cao.

LƯU Ý: Chúng tôi đề nghị bạn sử dụng các giá trị mặc định trên trang này.



Trong màn hình **Professional Settings (Cài đặt chuyên nghiệp)**, bạn có thể định cấu hình các mục sau:

- **Frequency (Tần số):** Chọn băng tần mà các cài đặt chuyên nghiệp sẽ được áp dụng.
- **Enable Radio (Bật vô tuyến):** Chọn **Yes (Có)** để bật kết nối mạng không dây. Chọn **No (Không)** để tắt kết nối mạng không dây.
- **Date to Enable Radio (weekdays) (Ngày bật vô tuyến (các ngày trong tuần)):** Bạn có thể chọn ngày trong tuần để bật kết nối mạng không dây.
- **Time of Day to Enable Radio (Giờ của ngày bật vô tuyến):** Bạn có thể chỉ rõ phạm vi giờ khi bật kết nối mạng không dây trong tuần.

- **Date to Enable Radio (weekend) (Ngày bật vô tuyến (cuối tuần)):** Bạn có thể chọn ngày cuối tuần để bật kết nối mạng không dây.
- **Time of Day to Enable Radio (Giờ của ngày bật vô tuyến):** Bạn có thể chỉ rõ phạm vi giờ khi bật kết nối mạng không dây trong thời gian cuối tuần.
- **Set AP isolated (Cài AP cách ly):** Mục Cài AP cách ly chặn không cho các thiết bị không dây trên mạng của bạn kết nối với nhau. Tính năng này là hữu ích nếu nhiều khách truy cập thường xuyên kết nối hoặc thoát khỏi mạng của bạn. Chọn **Yes (Có)** để bật tính năng này hoặc chọn **No (Không)** để tắt.
- **Hỗ trợ chuyển vùng:** Trong các cấu hình mạng đòi hỏi dùng nhiều bộ thu phát không dây hoặc bộ chuyển tiếp không dây, các thiết bị khách không dây thỉnh thoảng không thể kết nối tự động với bộ thu phát không dây (AP) chống trộm khả dụng vì chúng vẫn được kết nối với router không dây chính. Bật cài đặt này để thiết bị khách sẽ ngắt kết nối khỏi router không dây chính nếu cường độ tín hiệu nằm dưới ngưỡng quy định và kết nối với tín hiệu mạnh hơn.
- **Bật IGMP Snooping:** Bật chức năng này cho phép IGMP (Giao thức quản lý nhóm internet) được giám sát giữa các thiết bị và tối ưu hóa lưu lượng phát đa phương không dây.
- **Multicast rate (Tốc độ truyền đa phương) (Mbps):** Chọn tốc độ truyền đa phương hoặc nhấp **Disable (Tắt)** để tắt truyền riêng cùng lúc.
- **Preamble Type (Kiểu mở đầu):** Kiểu mở đầu xác định thời lượng mà router đã dùng cho CRC (Sự kiểm tra tính dư vòng). CRC là cách phát hiện các lỗi trong khi truyền tải dữ liệu. Chọn **Short (Ngắn)** cho mạng không dây bạn với lưu lượng mạng cao. Chọn **Long (Lâu)** nếu mạng không dây của bạn bao gồm các thiết bị không dây truyền thống hoặc cũ hơn.
- **AMPDU RTS:** Bật chức năng này cho phép thiết lập một nhóm khung dữ liệu trước khi chúng được truyền phát và sử dụng RTS cho từng AMPDU để kết nối giữa các thiết bị 802.11g và 802.11b.
- **RTS Threshold (Ngưỡng RTS):** Chọn giá trị thấp hơn cho RTS (Request to Send) Threshold (Ngưỡng RTS (Yêu cầu gửi)) để cải thiện kết nối không dây trong mạng không dây đang bận hoặc bị nhiễu sóng với lưu lượng mạng cao hơn và nhiều thiết bị không dây.

- **DTIM Interval (Thời lượng DTIM):** Thời lượng DTIM (Tin báo lưu lượng đã gửi) hoặc Data Beacon Rate (Tốc độ mốc báo dữ liệu) là thời lượng trước khi tín hiệu được gửi cho thiết bị không dây ở chế độ chờ cho biết gói dữ liệu đang chờ gửi đi. Giá trị mặc định là ba miligiây.
- **Beacon Interval (Thời lượng mốc báo):** Thời lượng mốc báo là thời gian giữa DTIM này và DTIM kế tiếp. Giá trị mặc định là 100 miligiây. Giảm giá trị Thời lượng mốc báo cho kết nối không dây không ổn định hoặc cho các thiết bị chuyển vùng.
- **Enable TX Bursting (Bật TX Bursting):** Bật TX Bursting giúp cải thiện tốc độ truyền giữa router không dây và các thiết bị 802.11g.
- **Enable WMM APSD (Bật WMM APSD):** Bật WMM APSD (Truyền tải tiết kiệm nguồn tự động đa phương tiện Wi-Fi) để cải thiện quản lý nguồn giữa các thiết bị không dây. Chọn **Disable (Tắt)** để tắt WMM APSD.
- **Giảm nhiễu sóng USB 3.0:** Bật chức năng này đảm bảo hiệu suất không dây tốt nhất trên băng tần 2.4 GHz. Tắt tính năng này giúp tăng tốc độ truyền phát cổng USB 3.0 và có thể ảnh hưởng đến dải sóng không dây 2.4 GHz.
- **Tối ưu hóa kết hợp AMPDU:** Tối ưu hóa số lượng MPDU tối đa trong một AMPDU và tránh các gói tin bị mất hoặc hỏng trong khi truyền phát qua các kênh không dây dễ bị lỗi
- **Tối ưu hóa nén ack:** Tối ưu hóa số lượng ack tối đa để nén theo dòng.
- **Turbo QAM:** Bật chức năng này cho phép hỗ trợ 256-QAM (MCS 8/9) trên băng tần 2.4GHz để đạt dải tần và thông lượng tốt hơn trên tần số đó.
- **Airtime Fairness (Tách thời gian phát sóng):** Với tính năng tách thời gian phát sóng, tốc độ của mạng không được xác định bằng lưu lượng chậm nhất. Bằng cách phân bổ thời gian đồng đều giữa các thiết bị khách, tính năng Airtime Fairness (Tách thời gian phát sóng) cho phép mỗi đợt truyền phát di chuyển theo tốc độ tiềm năng cao nhất.

- **Explicit Beamforming (Tạo chùm tia rõ ràng):** Cả adapter WLAN và router của thiết bị khách đều hỗ trợ công nghệ tạo chùm tia. Công nghệ này cho phép các thiết bị này kết nối với nhau qua cách ước tính kênh và hướng điều khiển để cải thiện tốc độ tải về và tải lên.
- **Universal Beamforming (Tạo chùm tia chung):** Đối với adapter mạng không dây truyền thống không hỗ trợ tạo chùm tia, router sẽ ước tính kênh và xác định hướng điều khiển để cải thiện tốc độ tải về.

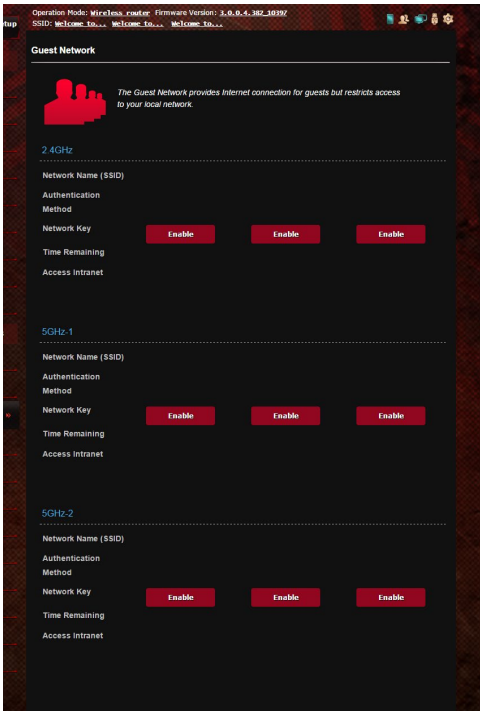
4.3 Tạo mạng khách

Mạng khách cho phép khách truy cập tạm kết nối internet qua cách truy cập các SSID hoặc mạng riêng mà không cho phép truy cập mạng cá nhân của bạn.

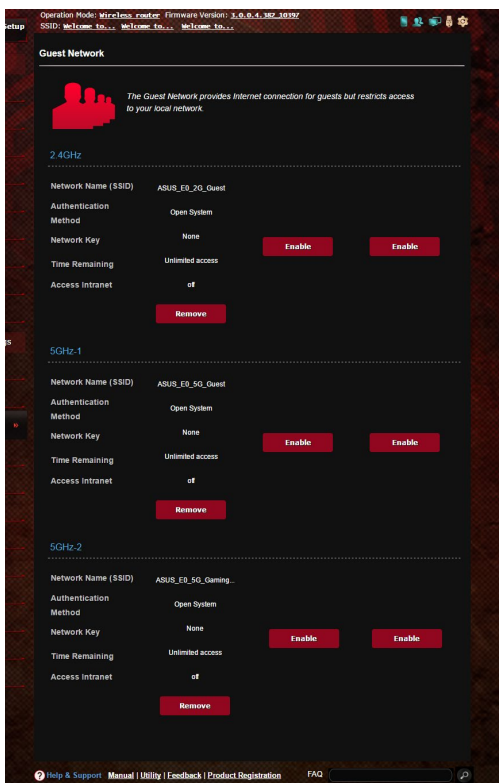
LƯU Ý: GT-AX11000 hỗ trợ đến chín SSID (ba 2.4GHz, ba 5GHz- 1 và ba 5GHz-2).

Để tạo mạng khách:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Guest Network (Mạng khách)**.
2. Trên màn hình Guest Network (Mạng khách), chọn băng tần 2.4Ghz hoặc 5Ghz cho mạng khách mà bạn muốn tạo.
3. Nhấp **Enable (Bật)**.



- Để đổi cài đặt khách, hãy nhấp cài đặt khách mà bạn muốn sửa đổi. Nhấp **Remove (Gỡ bỏ)** để xóa cài đặt khách.
- Gán tên không dây cho mạng tạm thời của bạn trên mục Network Name (SSID) (Tên mạng (SSID))



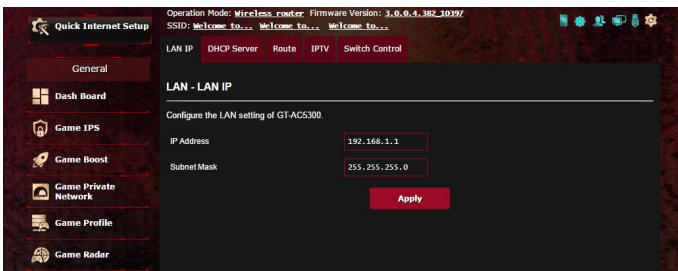
- Chọn cách xác thực.
- Nếu bạn chọn cách xác thực WPA, hãy chọn Mã hóa WPA.
- Chỉ rõ thời gian truy cập hoặc chọn **Limitless (Không hạn chế)**.
- Chọn **Disable (Tắt)** hoặc **Enable (Bật)** trên mục Access Intranet (Truy cập mạng cục bộ).
- Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.4 LAN

4.4.1 LAN IP

Màn hình LAN IP cho phép bạn sửa đổi cài đặt LAN IP của router không dây.

LƯU Ý: Mọi thay đổi đối với địa chỉ LAN IP sẽ được áp dụng trên cài đặt DHCP của bạn.

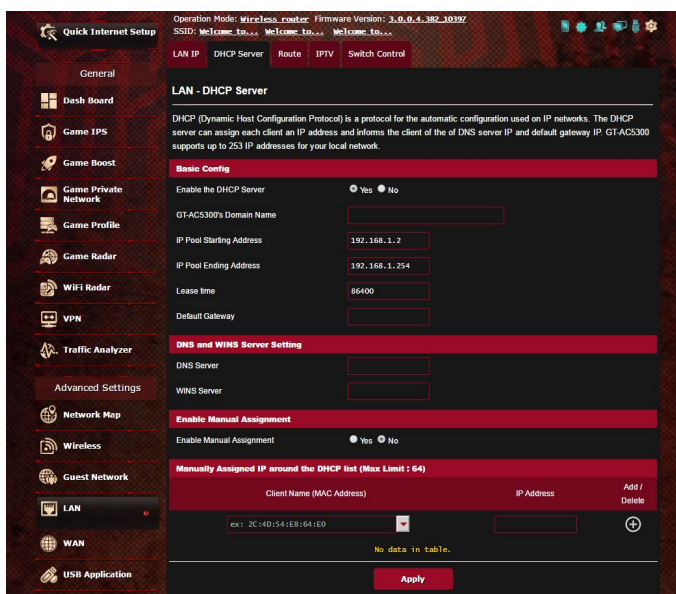


Để sửa đổi cài đặt LAN IP:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > LAN > LAN IP**.
2. Sửa đổi **IP address (Địa chỉ IP)** và **Subnet Mask (Mặt nạ mạng phụ)**.
3. Khi hoàn tất, nhấn **Apply (Áp dụng)**.

4.4.2 Máy chủ DHCP

Router không dây của bạn sử dụng DHCP để tự động gán các địa chỉ IP trên mạng. Bạn có thể chọn phạm vi địa chỉ IP và giờ cho thuê đối với các thiết bị khách trên mạng.



Đề định cấu hình máy chủ DHCP:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **LAN** > **DHCP Server (Máy chủ DHCP)**.
2. Trong mục **Enable the DHCP Server (Bật máy chủ DHCP)**, chọn **Yes (Có)**.
3. Trong ô văn bản **Domain Name (Tên miền)**, nhập tên miền cho router không dây.
4. Trong mục **IP Pool Starting Address (Địa chỉ bắt đầu bộ trữ IP)**, nhập địa chỉ IP bắt đầu.

5. Trong mục **IP Pool Starting Address (Địa chỉ kết thúc bộ trữ IP)**, nhập địa chỉ IP kết thúc.
6. Trong mục **Lease Time (Giờ cho thuê)**, chọn theo giây khi địa chỉ IP vừa gán sẽ hết hạn. Một khi nó đạt đến giới hạn thời gian này, máy chủ sẽ gán một địa chỉ IP mới.

LƯU Ý:

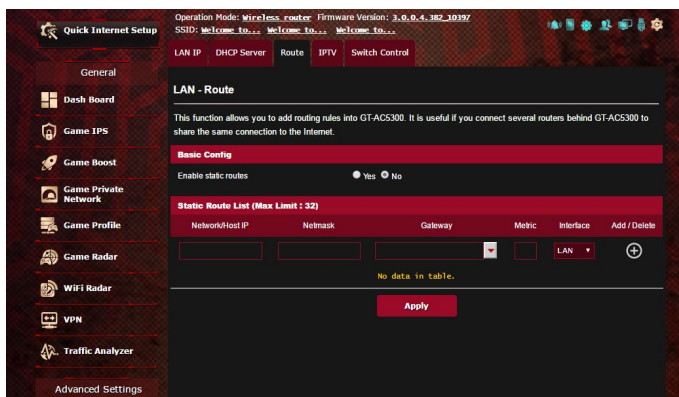
- Chúng tôi đề nghị bạn sử dụng định dạng địa chỉ IP 192.168.1.xxx (nơi mà xxx có thể là số bất kỳ từ 2-254) khi chọn phạm vi địa chỉ IP.
 - Địa chỉ Bắt đầu bộ trữ IP không được dài hơn Địa chỉ kết thúc bộ trữ IP.
-

7. Trong phần **DNS and Server Settings (Cài đặt DNS và máy chủ)**, nhập địa chỉ DNS Server (Máy chủ DNS) và WINS Server (Máy chủ WINS) nếu cần.
8. Router không dây của bạn cũng có thể gán thủ công địa chỉ IP cho các thiết bị trên mạng. Trên mục **Enable Manual Assignment (Bật gán thủ công)**, chọn **Yes (Có)** để gán địa chỉ IP cho các địa chỉ MAC cụ thể trên mạng. Bạn có thể thêm đến 32 Địa chỉ MAC vào danh sách DHCP để gán thủ công.



4.4.3 Route (Định tuyến)

Nếu mạng của bạn sử dụng nhiều hơn một router không dây, bạn có thể định cấu hình bảng định tuyến để chia sẻ cùng dịch vụ internet.

LƯU Ý: Chúng tôi đề nghị bạn không thay đổi cài đặt định tuyến mặc định trừ khi bạn có kiến thức nâng cao về các bảng định tuyến.

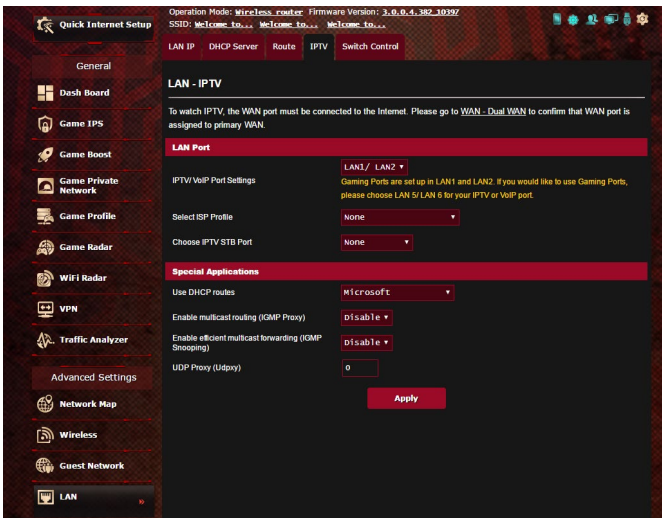


Đề định cấu hình Bảng định tuyến LAN:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **LAN** > **Route (Định tuyến)**.
2. Trên mục **Enable static routes (Bật định tuyến tĩnh)**, chọn **Yes (Có)**.
3. Trên **Static Route List (D.sách định tuyến tĩnh)**, nhập thông tin mạng của các bộ thu phát không dây hoặc nút mạng khác. Nhấp nút **Add (Thêm)**  hoặc **Delete (Xóa)**  để thêm hoặc xóa thiết bị trên danh sách.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.4.4 IPTV

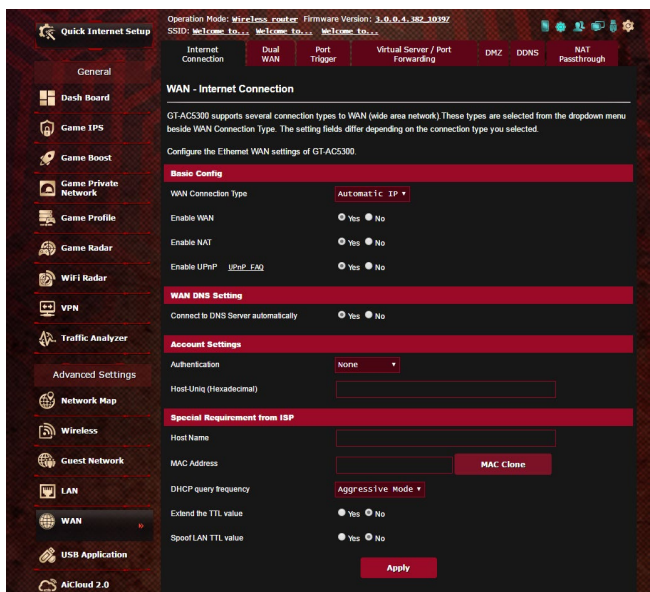
Router không dây hỗ trợ kết nối với các dịch vụ IPTV qua một ISP hoặc LAN. Thẻ IPTV cung cấp các cài đặt cấu hình cần thiết để thiết lập IPTV, VoIP, truyền đa phương và UDP cho dịch vụ của bạn. Liên hệ với ISP để biết thông tin cụ thể liên quan đến dịch vụ của bạn.



4.5 WAN

4.5.1 Kết nối internet

Màn hình Internet Connection (Kết nối internet) cho phép bạn định cấu hình các cài đặt thuộc nhiều loại kết nối WAN khác nhau.



Để định cấu hình các cài đặt kết nối WAN:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **WAN** > **Internet Connection (Kết nối internet)**.
2. Định cấu hình các cài đặt sau. Khi hoàn tất, nhấn **Apply (Áp dụng)**.
 - **WAN Connection Type (Loại kết nối WAN):** Chọn loại Nhà cung cấp dịch vụ internet của bạn. Các lựa chọn gồm **Automatic IP (IP tự động)**, **PPPoE**, **PPTP**, **L2TP** hoặc **static IP (IP tĩnh)**. Liên hệ ISP của bạn nếu router không thể nhận địa chỉ IP hợp lệ hoặc nếu bạn không chắc về loại kết nối WAN.
 - **Enable WAN (Bật WAN):** Chọn **Yes (Có)** để cho phép truy cập internet qua router. Chọn **No (Không)** để tắt kết nối internet.

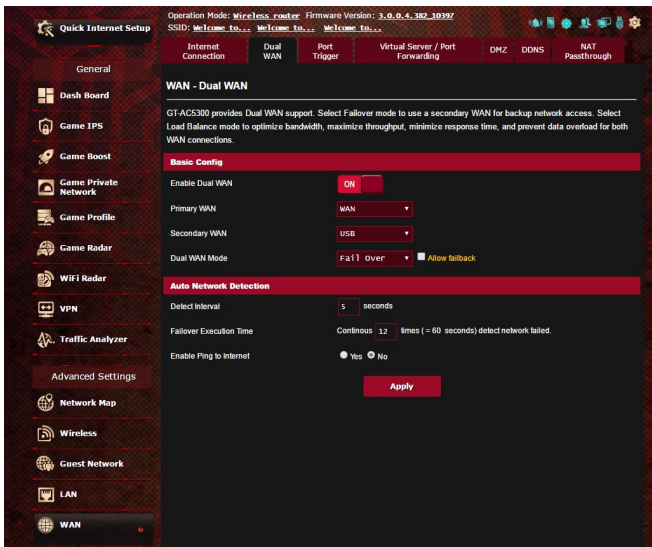
- **Enable NAT (Bật NAT):** NAT (Dịch địa chỉ mạng) là hệ thống nơi mà một IP công cộng (IP WAN) được sử dụng để cho phép các thiết bị khách nối mạng truy cập internet bằng địa chỉ IP riêng trong mạng LAN. Địa chỉ IP riêng của từng thiết bị khách nối mạng được lưu vào bảng NAT và được sử dụng để định tuyến các gói dữ liệu gửi vào.
- **Enable UPnP (Bật UPnP):** UPnP (Cắm và phát chung) cho phép nhiều thiết bị (như router, TV, hệ thống âm thanh nổi, bảng điều khiển game và điện thoại di động) được điều khiển qua mạng dựa trên IP có hoặc không có nút điều khiển trung tâm qua cổng nối. UPnP kết nối các PC thuộc mọi hệ số hình dạng, cung cấp mạng hoàn hảo cho cấu hình và truyền dữ liệu từ xa. Khi sử dụng UPnP, thiết bị mạng mới sẽ được phát hiện tự động. Một khi đã kết nối mạng, các thiết bị có thể được định cấu hình từ xa để hỗ trợ các ứng dụng P2P, game tương tác, hội nghị video, và các máy chủ web hoặc ủy nhiệm. Không như Chuyển tiếp cổng - đòi hỏi bạn phải tự định cấu hình cài đặt cổng, UPnP tự động định cấu hình router để chấp nhận các kết nối vào và yêu cầu trực tiếp với một PC cụ thể trên mạng cục bộ.
- **Connect to DNS Server automatically (Kết nối tự động với máy chủ DNS):** Cho phép router này nhận địa chỉ IP DNS từ ISP tự động. DNS là máy chủ trên internet dịch các tên internet thành các địa chỉ IP bằng số.
- **Authentication (Xác thực):** Mục này có thể được chọn bởi một số ISP. Kiểm tra với ISP của bạn và điền các thông tin nếu cần.
- **Host Name (Tên máy chủ):** Mục này cho phép bạn cung cấp tên máy chủ cho router. Nó thường là yêu cầu đặc biệt từ ISP của bạn. Nếu ISP của bạn đã gán tên máy chủ cho máy tính, hãy nhập tên máy chủ vào đây.

- **MAC Address (Địa chỉ MAC):** Địa chỉ MAC (Kiểm soát truy cập truyền thông) là bộ định danh duy nhất cho thiết bị kết nối mạng của bạn. Một số ISP giám sát địa chỉ MAC của các thiết bị nối mạng kết nối dịch vụ của họ và từ chối mọi thiết bị không nhận dạng cố kết nối. Để tránh các sự cố kết nối do địa chỉ MAC chưa đăng ký, bạn có thể:
 - Liên hệ với ISP và cập nhật địa chỉ MAC liên quan đến dịch vụ ISP của bạn.
 - Sao chép hoặc đổi địa chỉ MAC của router không dây ASUS để khớp với địa chỉ MAC của thiết bị nối mạng trước đó đã được nhận dạng bởi ISP.
- **DHCP query frequency (Tần số truy vấn DHCP):** Đổi cài đặt thời lượng Phát hiện DHCP để tránh quá tải cho máy chủ DHCP.

4.5.2 WAN kép

Router không dây ASUS của bạn cung cấp hỗ trợ WAN kép. Bạn có thể cài tính năng WAN kép cho một trong hai chế độ sau:

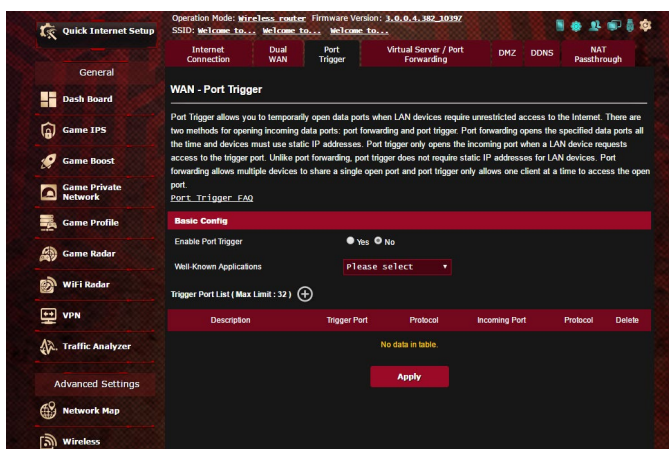
- **Failover Mode (Chế độ chuyển đổi dự phòng):** Chọn chế độ này để sử dụng WAN phụ làm cách truy cập mạng dự phòng.
- **Load Balance Mode (Chế độ cân bằng tải):** Chọn chế độ này để tối ưu hóa băng thông, giảm thiểu thời gian đáp ứng và để phòng quá tải dữ liệu cho cả kết nối WAN chính và phụ.



4.5.3 Kích hoạt cổng



Kích hoạt phạm vi cổng sẽ mở cổng vào xác định sẵn trong thời gian giới hạn bất cứ khi nào một thiết bị khách trên mạng cục bộ thực hiện kết nối ra với cổng đã chọn. Kích hoạt cổng được sử dụng trong các trường hợp sau:

- Hơn một thiết bị cục bộ cần chuyển tiếp cổng cho cùng ứng dụng vào một thời điểm khác nhau.
- Ứng dụng cần các cổng vào cụ thể khác với các cổng ra.



Để thiết lập Kích hoạt cổng:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **WAN** > **Port Trigger (Kích hoạt cổng)**.
2. Trên mục **Enable Port Trigger (Bật kích hoạt cổng)**, chọn **Yes (Có)**.
3. Trên mục **Well-Known Applications (Ứng dụng nổi tiếng)**, chọn các game và dịch vụ web phổ biến để thêm vào Port Trigger List (D.sách kích hoạt cổng).

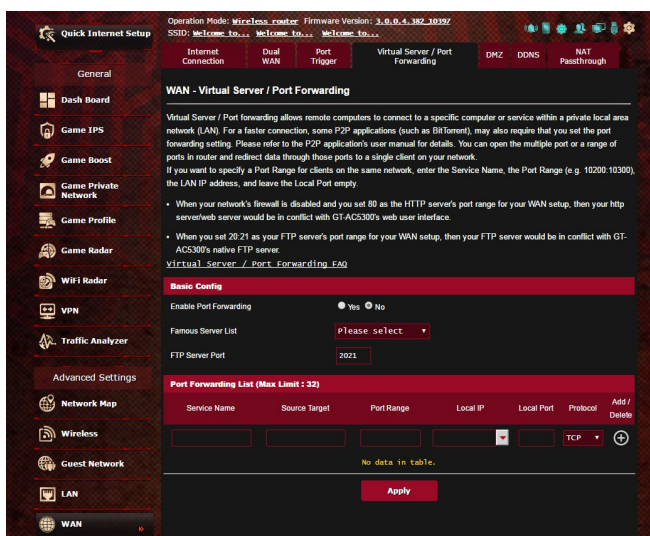
4. Trên bảng **Trigger Port List (D.sách cổng kích)**, nhập các thông tin sau:
 - **Description (Mô tả)**: Nhập tên ngắn hoặc mô tả cho dịch vụ.
 - **Trigger Port (Cổng kích hoạt)**: Chỉ rõ cổng kích hoạt để mở cổng vào.
 - **Protocol (Giao thức)**: Chọn giao thức TCP hoặc UDP.
 - **Incoming Port (Cổng vào)**: Chỉ rõ cổng vào để nhận dữ liệu luồng vào từ internet.
5. Nhấp **Add (Thêm)**  để nhập thông tin kích hoạt cổng vào danh sách. Nhấp nút **Delete (Xóa)**  để xóa mục nhập kích hoạt cổng khỏi danh sách.
6. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.

LƯU Ý:

- Khi kết nối với máy chủ IRC, PC khách sẽ thực hiện kết nối ra bằng phạm vi cổng kích hoạt 66660-7000. Máy chủ IRC sẽ trả lời bằng cách xác nhận tên đăng nhập và tạo kết nối mới với PC khách qua cổng vào.
 - Nếu đã tắt Kích hoạt cổng, router sẽ ngắt kết nối vì nó không thể xác định PC nào đang yêu cầu truy cập IRC. Khi đã bật Kích hoạt cổng, router sẽ gán cổng vào để nhận dữ liệu luồng vào. Cổng vào này sẽ đóng khi đã qua một khoảng thời gian cụ thể vì router không chắc ứng dụng đã được kết thúc khi nào.
 - Kích hoạt cổng chỉ cho phép một thiết bị khách trong mạng sử dụng đồng thời một dịch vụ đặc biệt và một cổng vào cụ thể.
 - Bạn không thể sử dụng cùng một ứng dụng để kích hoạt một cổng trong hơn một PC cùng lúc. Router sẽ chỉ chuyển hướng cổng này trở về máy tính dùng gần nhất để gửi cho router một yêu cầu/kích hoạt.
-

4.5.4 Máy chủ ảo/Chuyển tiếp cổng

Chuyển tiếp cổng là cách để chuyển tiếp lưu lượng mạng từ internet sang một cổng cụ thể hoặc từ phạm vi các cổng cụ thể sang một thiết bị hoặc một số thiết bị trên mạng cục bộ của bạn. Thiết lập Chuyển tiếp cổng trên router cho phép các PC bên ngoài mạng truy cập các dịch vụ cụ thể được cung cấp bởi một PC trong mạng của bạn.



Để thiết lập Chuyển hướng cổng:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > Virtual Server (Máy chủ ảo)/Port Forwarding (Chuyển tiếp cổng)**.
2. Trên mục **Enable Port Forwarding (Bật chuyển tiếp cổng)**, chọn **Yes (Có)**.



3. Trên mục **Famous Server List (D.sách máy chủ nổi tiếng)**, chọn loại dịch vụ bạn muốn truy cập.
4. Trên mục **Famous Game List (D.sách game nổi tiếng)**, chọn game phổ biến bạn muốn truy cập. Mục này liệt kê cổng cần thiết cho game trực tuyến phổ biến mà bạn vừa chọn để hoạt động thích hợp.
5. Trên bảng **Port Forwarding List (D.sách chuyển tiếp cổng)**, nhập các thông tin sau:
 - **Service Name (Tên dịch vụ):** Nhập tên dịch vụ.
 - **Port Range (Phạm vi cổng):** Nếu bạn muốn chỉ rõ Phạm vi cổng cho các thiết bị khách trên cùng mạng, hãy nhập Tên dịch vụ, Phạm vi cổng (vd: 10200:10300), địa chỉ IP LAN, và để trống Local Port (Cổng cục bộ). Phạm vi cổng chấp nhận nhiều định dạng khác nhau như Phạm vi cổng (300:350), các cổng riêng (566,789) hoặc Kết hợp (1015:1024,3021).

LƯU Ý:

- Khi đã tắt tường lửa của mạng và cài 80 làm phạm vi cổng của máy chủ HTTP để thiết lập mạng WAN, thì máy chủ http server/web của bạn sẽ xung đột với giao diện người dùng web của router.
- Mạng sử dụng các cổng để trao đổi dữ liệu, với mỗi cổng được gán một mã cổng và một tác vụ cụ thể. Ví dụ: cổng 80 được dùng cho HTTP. Một cổng cụ thể chỉ có thể được sử dụng cùng lúc bởi một ứng dụng hoặc dịch vụ. Vì vậy, hai PC cố truy cập dữ liệu qua cùng một cổng cùng lúc sẽ bị lỗi. Ví dụ, bạn không thể thiết lập Chuyển tiếp cổng cho cổng 100 đối với hai PC cùng một lúc.

-
- **Local IP (IP cục bộ):** Nhập địa chỉ IP LAN của thiết bị khách.

LƯU Ý: Sử dụng địa chỉ IP tĩnh cho thiết bị khách cục bộ để giúp cho chuyển tiếp cổng hoạt động thích hợp. Tham khảo phần **4.4 LAN** để biết thông tin.

- **Local Port (Cổng cục bộ):** Nhập cổng cụ thể để nhận các gói tin đã chuyển tiếp. Để trống mục này nếu bạn muốn các gói tin vào được chuyển hướng đến phạm vi cổng đã chọn.
 - **Protocol (Giao thức):** Chọn giao thức. Nếu bạn không chắc, chọn **BOTH (CẢ HAI)**.
6. Nhấp **Add (Thêm)**  để nhập thông tin kích hoạt cổng vào danh sách. Nhấp nút **Delete (Xóa)**  để xóa mục nhập kích hoạt cổng khỏi danh sách.
 7. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.

Để kiểm tra xem Chuyển tiếp cổng đã được định cấu hình thành công hay chưa:

- Đảm bảo máy chủ hoặc ứng dụng của bạn đã được thiết lập và đang chạy.
- Bạn sẽ cần một thiết bị khách ngoài mạng LAN nhưng có thể truy cập internet (được gọi là "Thiết bị khách internet"). Thiết bị khách này không được kết nối với router ASUS.
- Trên thiết bị khách internet, hãy sử dụng IP WAN của router để truy cập máy chủ. Nếu chuyển tiếp cổng đã thành công, bạn sẽ có thể truy cập các file hoặc ứng dụng.

Những khác biệt giữa kích hoạt cổng và chuyển tiếp cổng:

- Kích hoạt cổng sẽ hoạt động ngay cả khi chưa thiết lập địa chỉ IP LAN cụ thể. Không giống như chuyển tiếp cổng - cần địa chỉ IP LAN tĩnh, kích hoạt cổng cho phép chuyển tiếp cổng động bằng router. Các phạm vi cổng xác định sẵn được định cấu hình để chấp nhận các kết nối vào trong khoảng thời gian hạn chế. Kích hoạt cổng cho phép nhiều máy tính chạy các ứng dụng thường sẽ cần chuyển tiếp thủ công các cổng giống nhau sang từng PC trên mạng.
- Kích hoạt cổng là an toàn hơn chuyển tiếp cổng vì các cổng vào không phải lúc nào cũng được mở. Chúng được mở chỉ khi một ứng dụng đang thực hiện kết nối ra qua cổng kích hoạt.

4.5.5 DMZ

DMZ ảo hiển thị một thiết bị khách trên internet, cho phép thiết bị khách này nhận mọi gói tin luồng vào được chuyển hướng sang Mạng cục bộ của bạn.

Lưu lượng luồng vào từ internet thường bị hủy bỏ và được chuyển sang một thiết bị khách cụ thể nếu chuyển tiếp cổng hoặc kích hoạt cổng đã được định cấu hình trên mạng. Trong cấu hình DMZ, một thiết bị khách nối mạng nhận mọi gói tin luồng vào.

Thiết lập DMZ trên mạng là hữu ích khi bạn cần dùng các cổng đang mở hoặc muốn lưu trữ tên miền, web hoặc máy chủ email.

CHÚ Ý: Mở tất cả các cổng trên thiết bị khách với internet khiến cho mạng dễ bị tấn công từ bên ngoài. Hãy lưu ý đến các nguy cơ bảo mật liên quan khi sử dụng DMZ.

Để thiết lập DMZ:

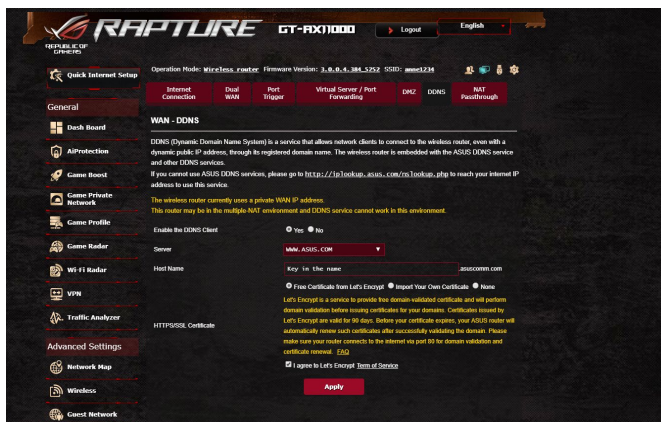
1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > DMZ**.
2. Định cấu hình cài đặt sau. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.
 - **Địa chỉ IP của Trạm lộ thiên:** Nhập địa chỉ IP LAN của thiết bị khách vốn sẽ cung cấp dịch vụ DMZ và sẽ được hiển thị trên internet. Đảm bảo thiết bị khách máy chủ có địa chỉ IP tĩnh.

Để xóa DMZ:

1. Xóa địa chỉ IP LAN của thiết bị khách khỏi ô văn bản **IP Address of Exposed Station (Địa chỉ IP của trạm lộ thiên)**.
2. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.5.6 DDNS

Thiết lập DDNS (DNS động) cho phép bạn truy cập router từ bên ngoài mạng qua Dịch vụ ASUS DDNS đã cung cấp hoặc một dịch vụ DDNS khác.



Để thiết lập DDNS:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > DDNS**.
2. Định cấu hình các cài đặt sau. Khi hoàn tất, nhấn **Apply (Áp dụng)**.
 - **Enable the DDNS Client (Bật thiết bị khách DDNS):** Bật DDNS để truy cập router ASUS qua tên DNS thay vì địa chỉ IP WAN.
 - **Server and Host Name (Máy chủ và Tên máy chủ):** Chọn ASUS DDNS hoặc DDNS khác. Nếu bạn muốn sử dụng ASUS DDNS, hãy điền Tên máy chủ theo định dạng xxx.asuscomm.com (xxx là tên máy chủ của bạn).
 - Nếu bạn muốn sử dụng dịch vụ DDNS khác, nhấn **FREE TRIAL (DÙNG THỬ MIỄN PHÍ)** và đăng ký trực tuyến trước. Điền các mục **User Name (Tên đăng nhập)** hoặc **E-mail Address (Địa chỉ email)** và **Password (Mật khẩu)** hoặc **DDNS Key (Khóa DDNS)**.

- **Enable wildcard (Bật ký tự đại diện):** Bật ký tự đại diện nếu dịch vụ DDNS của bạn cần dùng.

GHI CHÚ:

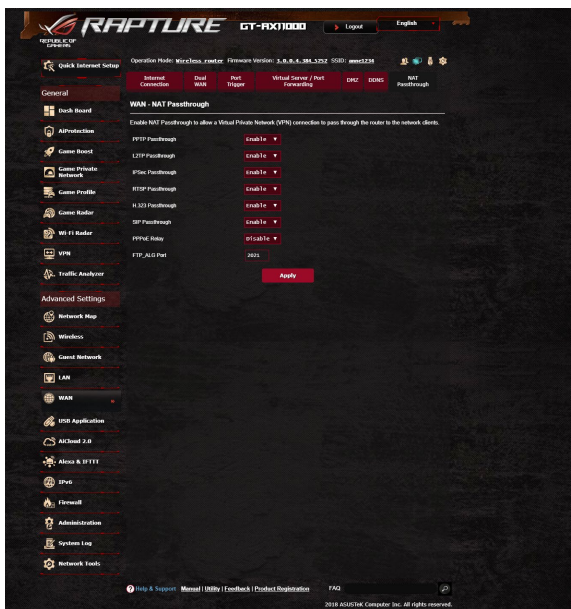
Dịch vụ DDNS sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi router không dây đang sử dụng địa chỉ IP WAN riêng (192.168.x.x, 10.x.x.x hoặc 172.16.x.x), như được chỉ rõ bởi văn bản màu vàng.
- Router có thể đang hoạt động trên mạng sử dụng nhiều bảng NAT.

4.5.7 Truyền qua NAT

Truyền qua NAT cho phép kết nối Virtual Private Network (VPN) (Mạng riêng ảo) để truyền qua router đến các thiết bị khách nối mạng. Truyền qua PPTP, Truyền qua L2TP, Truyền qua IPsec và Truyền qua RTSP đã được bật theo mặc định.

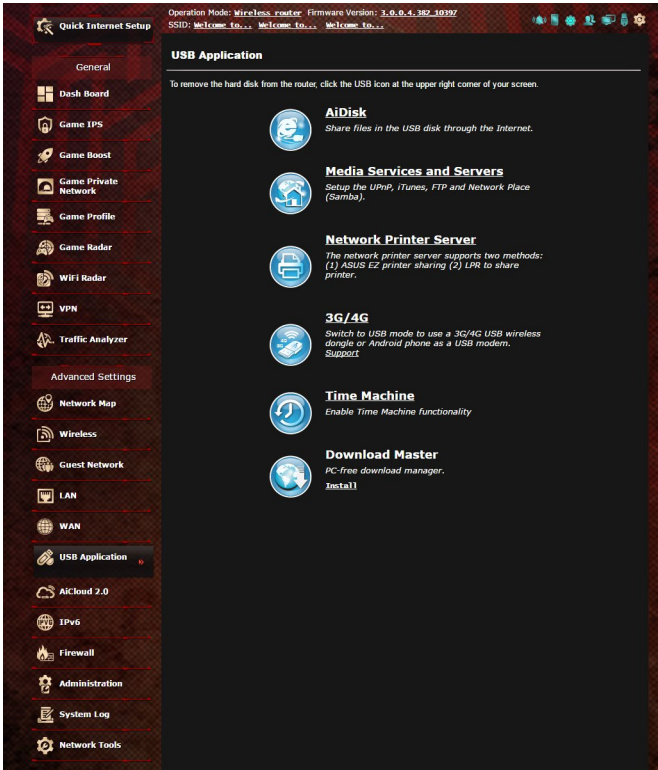
Để bật/tắt cài đặt Truyền qua NAT, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > WAN > NAT Passthrough (Truyền qua NAT)**. Khi hoàn tất, nhấp **Apply (Áp dụng)**.



4.6 Sử dụng Ứng dụng USB

Chức năng Ứng dụng USB cung cấp các menu phụ AiDisk, Trung tâm máy chủ, Máy chủ máy in mạng và Máy chủ tải về.

QUAN TRỌNG! Để sử dụng các chức năng máy chủ, bạn cần cắm thiết bị lưu trữ USB như ổ đĩa cứng USB hoặc ổ đĩa USB flash vào các cổng USB 2.0 ở phía sau router không dây. Đảm bảo thiết bị lưu trữ USB đã được định dạng và phân khu thích hợp. Tham khảo trang web ASUS tại <http://event.asus.com/2009/networks/disksupport/> để xem bảng hỗ trợ hệ thống file.

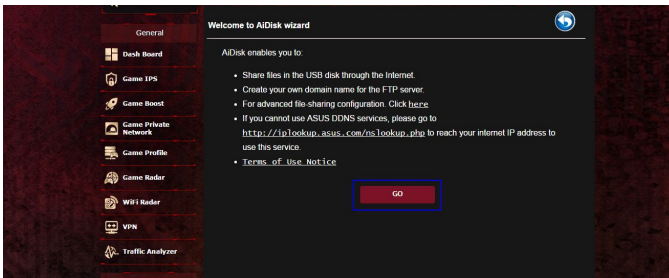


4.6.1 Sử dụng AiDisk

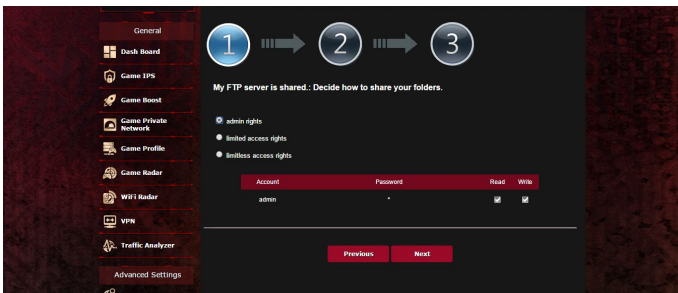
AiDisk cho phép bạn chia sẻ các file lưu trữ trên thiết bị USB vừa kết nối qua internet. AiDisk cũng hỗ trợ bạn với việc thiết lập ASUS DDNS và máy chủ FTP.

Để sử dụng AiDisk:

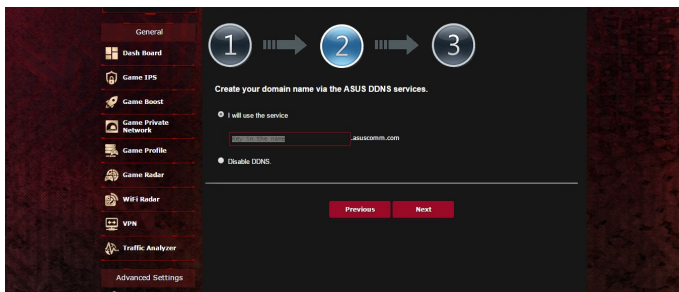
1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > USB application (Ứng dụng USB)** rồi nhấp biểu tượng **AiDisk**.
2. Từ màn hình Welcome to AiDisk wizard (Chào mừng đến với thuật sĩ AiDisk), nhấp **Go (Truy cập)**.



3. Chọn các quyền truy cập mà bạn muốn gán với các thiết bị khách truy cập dữ liệu chia sẻ của bạn.



4. Tạo tên miền của bạn qua các dịch vụ ASUS DDNS, đọc Điều khoản dịch vụ và sau đó chọn **Tôi sẽ sử dụng dịch vụ và chấp nhận Điều khoản dịch vụ** và nhập tên miền của bạn. Khi hoàn tất, nhấn **Next (Kế tiếp)**.



Bạn cũng có thể chọn **Skip ASUS DDNS settings (Bỏ qua cài đặt ASUS DDNS)** rồi nhấn **Next (Kế tiếp)** để bỏ qua cài đặt DDNS.

5. Nhấn **Finish (Hoàn tất)** để hoàn tất cài đặt.
6. Để truy cập trang FTP vừa tạo, bật trình duyệt web hoặc tiện ích thiết bị khách FTP bên thứ ba và nhập liên kết (**ftp://<domain name>.asuscomm.com**) mà bạn đã tạo trước đó.

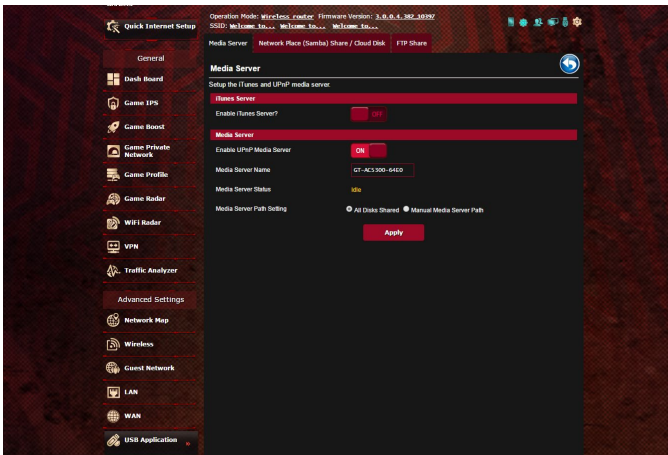
4.6.2 Sử dụng Trung tâm máy chủ

Trung tâm máy chủ cho phép bạn chia sẻ các file media từ ổ đĩa USB qua thư mục Máy chủ media, dịch vụ chia sẻ Samba hoặc dịch vụ chia sẻ FTP. Bạn cũng có thể định cấu hình các cài đặt khác cho ổ đĩa USB trong Trung tâm dịch vụ.

Sử dụng Máy chủ media

Router không dây của bạn cho phép những thiết bị hỗ trợ DLNA truy cập các file đa phương tiện từ ổ đĩa USB đã kết nối với router không dây.

LƯU Ý: Trước khi sử dụng chức năng Máy chủ media DLNA, hãy kết nối thiết bị của bạn với mạng từ GT-AX11000.

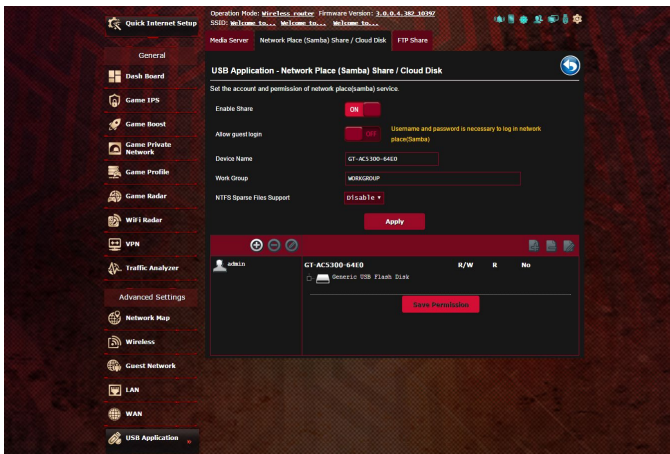


Để bật trang cài đặt Máy chủ media, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > USB application (Ứng dụng USB) > Media Services (Dịch vụ media) và Servers (Máy chủ) > Media Servers (Máy chủ media)**. Tham khảo các nội dung sau để xem mô tả các mục:

- **Bật máy chủ iTunes?:** Chọn ON/OFF (BẬT/TẮT) để bật/tắt Máy chủ iTunes.
- **Bật máy chủ media DLNA?:** Chọn ON/OFF (BẬT/TẮT) để bật/tắt Máy chủ media DLNA.
- **Tình trạng máy chủ media:** Hiển thị tình trạng máy chủ media.
- **Cài đặt đường dẫn máy chủ media:** Chọn **All Disks Shared (Mọi đĩa đã chia sẻ)** hoặc **Manual Media Server Path (Đường dẫn máy chủ media thủ công)**.

Sử dụng dịch vụ Chia sẻ Network Place (Samba)

Chia sẻ Network Place (Samba) cho phép bạn thiết lập các tài khoản và giấy phép cho dịch vụ Samba.




Để sử dụng chia sẻ Samba:

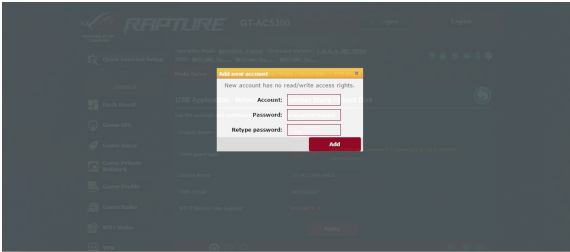
1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **USB application (Ứng dụng USB)** > **Media Services (Dịch vụ media)** và **Servers (Máy chủ)** > **Network Place (Samba) Share/Cloud Disk (Chia sẻ Network Place (Samba)/Đĩa đám mây)**.

LƯU Ý: Chia sẻ Network Place (Samba) được bật theo mặc định.


2. Thực hiện theo các bước bên dưới để thêm, xóa hoặc sửa đổi tài khoản.

Để tạo tài khoản mới:

- Nhấp  để thêm tài khoản mới.
- Trong các mục **Account (Tài khoản)** và **Password (Mật khẩu)**, nhập tên và mật khẩu cho thiết bị khách nối mạng của bạn. Nhập lại mật khẩu để xác nhận. Nhấp **Add (Thêm)** để thêm tài khoản vào danh sách.

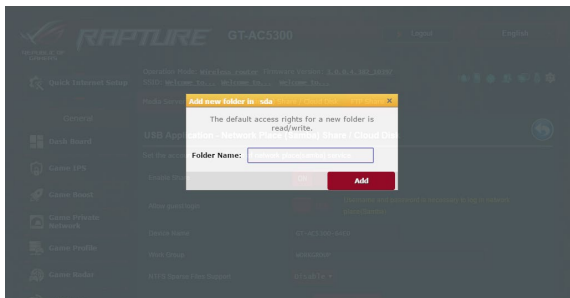


Để xóa tài khoản hiện có:

- Chọn tài khoản bạn muốn xóa.
- Nhấp .
- Khi được báo nhắc, nhấp **Delete (Xóa)** để xác nhận xóa tài khoản.

Để thêm thư mục:

- Nhấp .
- Nhập tên thư mục và nhấp **Add (Thêm)**. Thư mục vừa tạo sẽ được thêm vào danh sách thư mục.



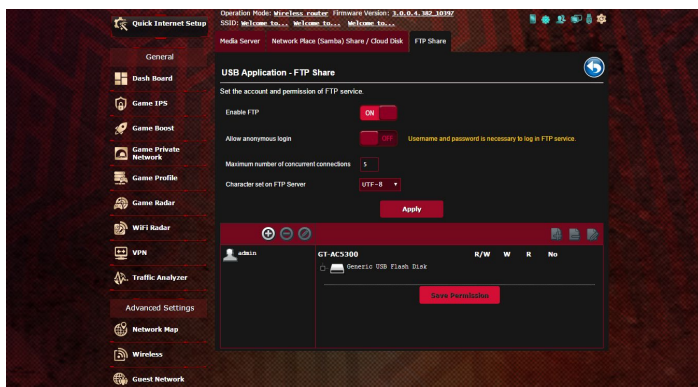
3. Từ danh sách thư mục, chọn loại giấy phép truy cập mà bạn muốn gán cho các thư mục cụ thể:
 - **R/W:** Chọn tùy chọn này để gán truy cập đọc/ghi dữ liệu.
 - **R:** Chọn tùy chọn này để gán truy cập chỉ đọc dữ liệu.
 - **Không:** Chọn tùy chọn này nếu bạn không muốn chia sẻ thư mục file cụ thể.
4. Chạm **Apply (Áp dụng)** để áp dụng các thay đổi.

Sử dụng dịch vụ Chia sẻ FTP

Chia sẻ FTP cho phép máy chủ FTP chia sẻ các file từ ổ đĩa USB với các thiết bị khác qua mạng cục bộ hoặc qua internet.

QUAN TRỌNG:

- Đảm bảo bạn đã tháo an toàn ổ đĩa USB. Tháo ổ đĩa USB không đúng cách có thể làm hỏng dữ liệu.
- Để tháo an toàn ổ đĩa USB, tham khảo phần **Tháo an toàn ổ đĩa USB** trong **4.1.3 Giám sát thiết bị USB**.



Để sử dụng dịch vụ Chia sẻ FTP:

LƯU Ý: Đảm bảo bạn đã thiết lập máy chủ FTP qua AiDisk. Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần **4.6.1 Sử dụng AiDisk**.

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > USB application (Ứng dụng USB) > Media Services (Dịch vụ media) và Servers (Máy chủ) > FTP Share (Chia sẻ FTP)**.
2. Từ danh sách thư mục, chọn loại quyền truy cập mà bạn muốn gán cho các thư mục cụ thể:
 - **R/W:** Chọn để gán truy cập đọc/ghi dữ liệu cho thư mục cụ thể.
 - **W:** Chọn để gán truy cập chỉ ghi dữ liệu cho thư mục cụ thể.
 - **R:** Chọn để gán truy cập chỉ đọc dữ liệu cho thư mục cụ thể.
 - **Không:** Chọn tùy chọn này nếu bạn không muốn chia sẻ thư mục cụ thể.
3. Nếu thích, bạn có thể cài mục **Allow anonymous login (Cho phép đăng nhập giấu tên)** sang **ON (BẬT)**.
4. Trong mục **Maximum number of concurrent connections (Số lượng kết nối đồng thời tối đa)**, nhập số lượng thiết bị có thể kết nối đồng thời với máy chủ FTP.
5. Chạm **Apply (Áp dụng)** để xác nhận các thay đổi.
6. Để truy cập máy chủ FTP, nhập liên kết **ftp://<hostname>.asuscomm.com** và tên đăng nhập và mật khẩu của bạn vào trình duyệt web hoặc tiện ích FTP bên thứ ba.

4.6.3 3G/4G

Bạn có thể kết nối các modem USB 3G/4G với GT-AX11000 để cho phép truy cập internet.

LƯU Ý: Để có danh sách các modem USB đã chứng nhận, hãy truy cập: <http://event.asus.com/2009/networks/3gsupport/>

Để thiết lập truy cập internet 3G/4G:

1. Từ bảng điều hướng, nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > USB application (Ứng dụng USB) > 3G/4G**.
2. Trong mục **Enable USB Modem (Bật modem USB)**, chọn **Yes (Có)**.
3. Thiết lập các mục sau:
 - **Địa điểm:** Chọn địa điểm của nhà cung cấp dịch vụ 3G/4G từ danh sách sổ xuống.
 - **ISP:** Chọn Nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) từ danh sách sổ xuống.
 - **Dịch vụ APN (Tên bộ thu phát không dây) (tùy chọn):** Liên hệ nhà cung cấp dịch vụ 3G/4G để biết thông tin chi tiết.
 - **Mã truy cập và mã PIN:** Mã truy cập và mã pin của nhà cung cấp 3G/4G dùng để kết nối mạng.

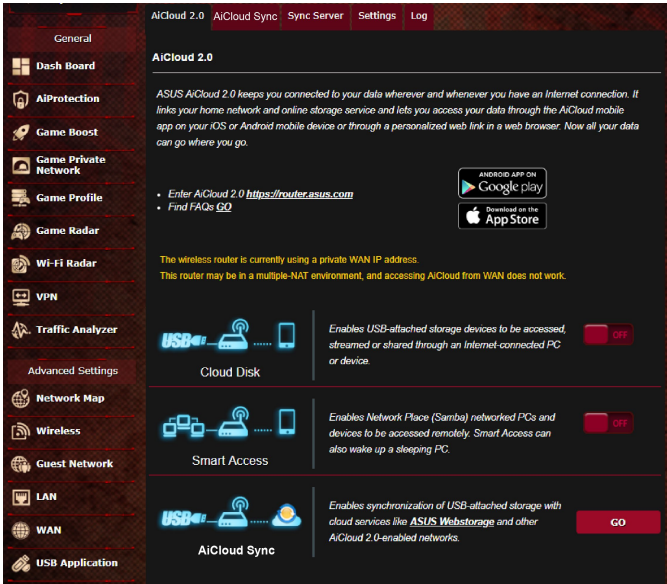
LƯU Ý: Mã PIN có thể khác nhau tùy theo nhà cung cấp.

- **Tên đăng nhập/Mật khẩu:** Tên đăng nhập và mật khẩu sẽ được cung cấp bởi nhà khai thác mạng 3G/4G.
 - **Adapter USB:** Chọn adapter USB 3G/4G từ danh sách sổ xuống. Nếu bạn không chắc về mẫu adapter USB hoặc mẫu này không được liệt kê trong các tùy chọn, hãy chọn **Auto (Tự động)**.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

LƯU Ý: Router sẽ khởi động lại để các cài đặt có hiệu lực.

4.7 Sử dụng AiCloud 2.0

AiCloud 2.0 là ứng dụng dịch vụ đám mây cho phép bạn lưu, đồng bộ, chia sẻ và truy cập các file của mình.



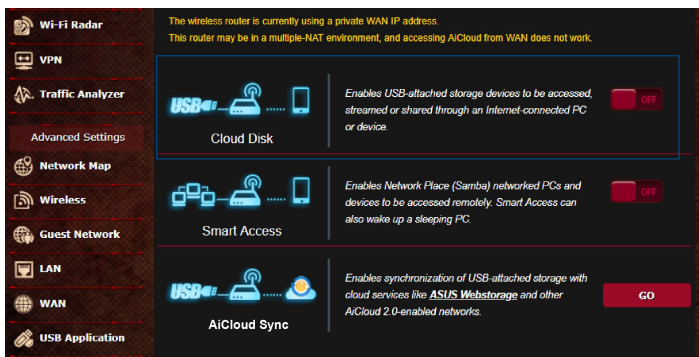
Để sử dụng AiCloud:

1. Từ Google Play Store hoặc Apple Store, tải về và cài đặt ứng dụng ASUS AiCloud vào thiết bị thông minh của bạn.
2. Kết nối thiết bị thông minh với mạng của bạn. Thực hiện theo các hướng dẫn để hoàn tất quy trình thiết lập AiCloud.

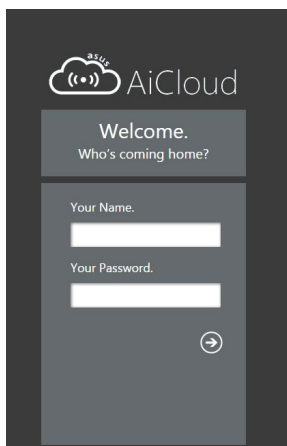
4.7.1 Đĩa đám mây

Để tạo đĩa đám mây:

1. Cắm thiết bị lưu trữ USB vào router không dây.
2. Bật **Cloud Disk** (Đĩa đám mây).

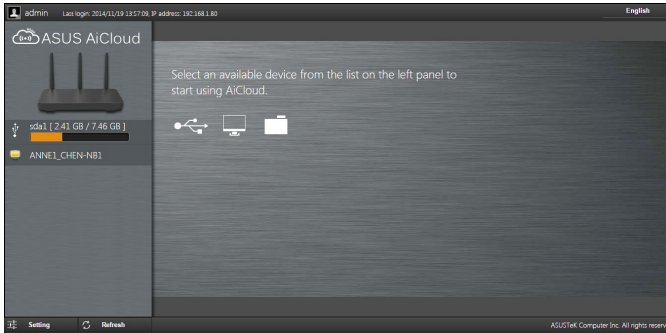


3. Truy cập <https://router.asus.com> và nhập tài khoản và mật khẩu đăng nhập router. Để trải nghiệm sử dụng tốt hơn, chúng tôi đề nghị bạn sử dụng trình duyệt **Google Chrome** hoặc **Firefox**.



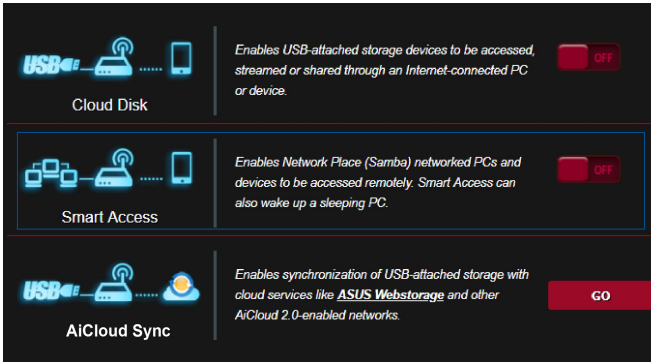
4. Giờ bạn có thể bắt đầu truy cập các file Đĩa đám mây trên những thiết bị đã nối mạng.

LƯU Ý: Khi truy cập các thiết bị đã nối mạng, bạn phải tự nhập tên đăng nhập và mật khẩu cho thiết bị vì chúng sẽ không được lưu lại bởi AiCloud vì lý do bảo mật.



4.7.2 Truy cập thông minh

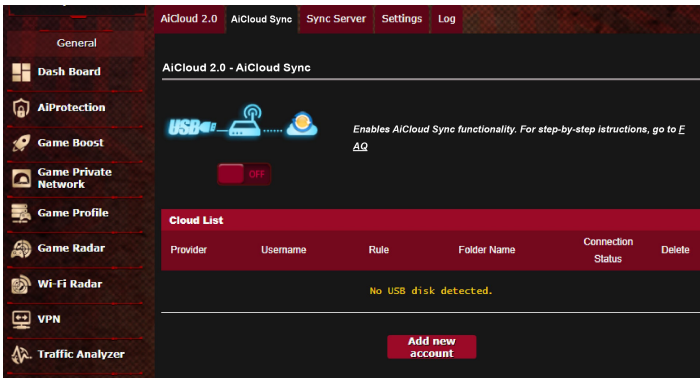
Chức năng Smart Access (Truy cập thông minh) cho phép bạn dễ dàng truy cập mạng gia đình qua tên miền của router.



LƯU Ý:

- Bạn có thể tạo tên miền cho router bằng ASUS DDNS Để biết thêm chi tiết, tham khảo phần **4.5.6 DDNS**.
 - Theo mặc định, AiCloud cung cấp kết nối HTTPS an toàn. Nhập [https://\[yourASUSDDNSname\].asuscomm.com](https://[yourASUSDDNSname].asuscomm.com) để sử dụng Đĩa đám mây và Truy cập thông minh rất an toàn.
-

4.7.3 AiCloud Sync (Đồng bộ AiCloud)

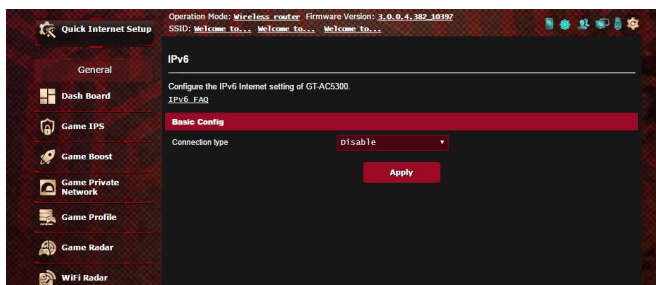


Để sử dụng Đồng bộ AiCloud:

1. Bật AiCloud, nhấp **AiCloud Sync (Đồng bộ AiCloud) > Go (Truy cập)**.
2. Chọn **ON (BẬT)** để bật Đồng bộ AiCloud.
3. Nhấp **Add new account (Thêm tài khoản mới)**.
4. Nhập mật khẩu tài khoản ASUS WebStorage và chọn thư mục bạn muốn đồng bộ với WebStorage.
5. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.8 IPv6

Router không dây này hỗ trợ định địa chỉ IPv6, một hệ thống hỗ trợ nhiều địa chỉ IP hơn. Tuy nhiên, chuẩn này chưa được sử dụng rộng rãi. Liên hệ ISP nếu dịch vụ internet của bạn hỗ trợ IPv6.



Để thiết lập IPv6:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > IPv6**.
2. Chọn **Connection Type (Loại kết nối)** của bạn. Các tùy chọn cấu hình khác nhau tùy theo loại kết nối đã chọn của bạn.
3. Nhập các cài đặt IPv6 LAN và DNS.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

LƯU Ý: Hãy tham khảo ISP liên quan đến thông tin IPv6 cụ thể về dịch vụ internet của bạn.

4.9 Tường lửa

Router không dây có thể hoạt động như tường lửa phần cứng cho mạng của bạn.

LƯU Ý: Tính năng Firewall (Tường lửa) được bật theo mặc định.

4.9.1 Cài đặt chung

Để thiết lập các cài đặt tường lửa cơ bản:


1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Firewall (Tường lửa) > General (Chung)**.
2. Trên mục **Enable Firewall (Bật tường lửa)**, chọn **Yes (Có)**.
3. Trên mục bảo vệ **Enable DoS (Bật Dos)**, chọn **Yes (Có)** để bảo vệ mạng của bạn khỏi các vụ tấn công DoS (Từ chối dịch vụ) dù điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu suất của router.
4. Bạn cũng có thể giám sát các gói tin được trao đổi giữa kết nối LAN và WAN. Trên mục loại Logged packets (Gói tin đăng nhập), chọn **Dropped (Đã ngắt)**, **Accepted (Đã chấp nhận)** hoặc **Both (Cả hai)**.
5. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.9.2 Bộ lọc URL

Bạn có thể chọn các từ khóa hoặc địa chỉ web để ngăn chặn truy cập vào các URL cụ thể.

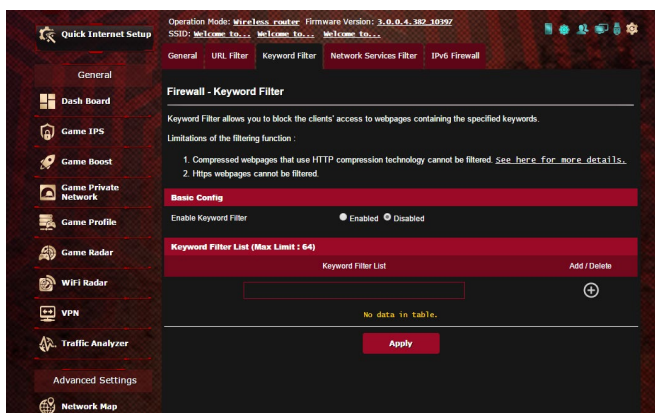
LƯU Ý: Bộ lọc URL dựa trên truy vấn DNS. Nếu thiết bị khách nối mạng đã truy cập trang web như <http://www.abcxxx.com>, trang web này sẽ không bị chặn (bộ nhớ cache DNS trong hệ thống sẽ lưu trữ các trang web đã truy cập trước đó). Để xử lý sự cố này, hãy xóa sạch bộ nhớ cache DNS trước khi thiết lập Bộ lọc URL.

Để thiết lập bộ lọc URL:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **Firewall (Tường lửa)** > **URL Filter (Bộ lọc URL)**.
2. Trên mục **Enable URL Filter (Bật bộ lọc URL)**, chọn **Enabled (Đã bật)**.
3. Nhập URL và nhấn nút .
4. Nhấn **Apply (Áp dụng)**.

4.9.3 Bộ lọc từ khóa

Bộ lọc từ khóa chặn truy cập vào các trang web chứa những từ khóa đã chọn.



Để thiết lập bộ lọc từ khóa:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **Firewall (Tường lửa)** > **Keyword Filter (Bộ lọc từ khóa)**.
2. Trên mục **Enable Keyword Filter (Bật bộ lọc từ khóa)**, chọn **Enabled (Đã bật)**.

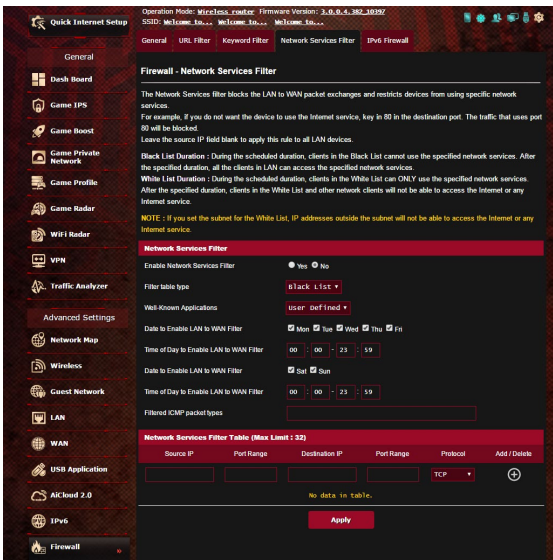
3. Nhập một từ hay cụm từ và nhấn nút **Add (Thêm)**.
4. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

LƯU Ý:


- Bộ lọc ký tự dựa trên truy vấn DNS. Nếu thiết bị khách nối mạng đã truy cập trang web như <http://www.abcxxx.com>, trang web này sẽ không bị chặn (bộ nhớ cache DNS trong hệ thống sẽ lưu trữ các trang web đã truy cập trước đó). Để xử lý sự cố này, hãy xóa sạch bộ nhớ cache DNS trước khi thiết lập Bộ lọc từ khóa.
- Không thể lọc các trang web đã nén qua cách nén HTTP. Không thể chặn các trang HTTPS bằng bộ lọc từ khóa.

4.9.4 Bộ lọc dịch vụ mạng

Bộ lọc dịch vụ mạng chặn trao đổi gói tin giữa LAN với WAN và giới hạn các thiết bị khách nối mạng truy cập các dịch vụ web cụ thể như Telnet hoặc FTP.

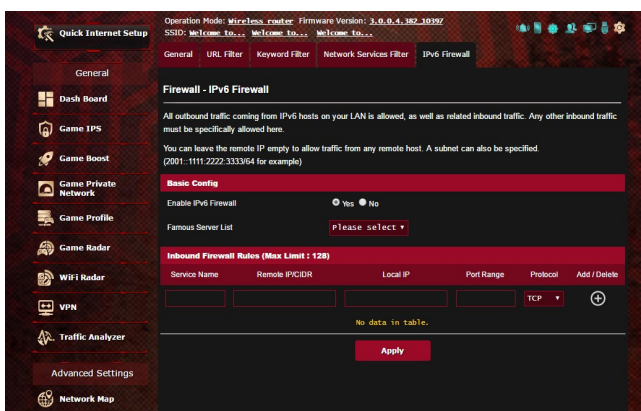


Để thiết lập bộ lọc Dịch vụ mạng:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Firewall (Tường lửa) > Network Service Filter (Bộ lọc dịch vụ mạng)**.
2. Trên mục **Enable Network Services Filter (Bật bộ lọc dịch vụ mạng)**, chọn **Yes (Có)**.
3. Chọn loại Filter table (Bảng bộ lọc). **Black List (D.sách đen)** chặn các dịch vụ mạng đã chọn. **White List (D.sách trắng)** chỉ giới hạn truy cập vào các dịch vụ mạng đã chọn.
4. Chỉ rõ ngày giờ khi các bộ lọc sẽ hoạt động.
5. Để chọn Dịch vụ mạng cần lọc, nhập Source IP (IP nguồn), Destination IP (IP đích), Port Range (Phạm vi cổng) và Protocol (Giao thức). Nhấp nút .
6. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.9.5 Tường lửa IPv6

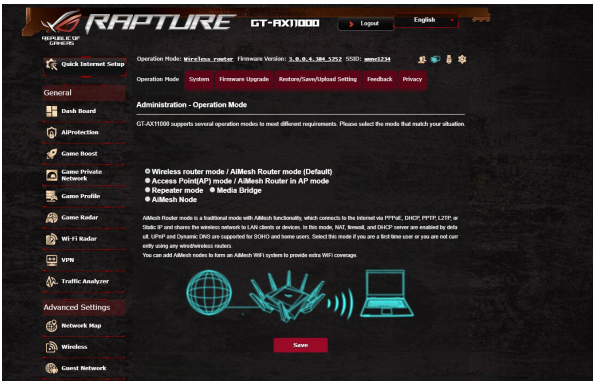
Theo mặc định, router không dây ASUS của bạn chặn mọi lưu lượng vào không mong muốn. Chức năng Tường lửa IPv6 cho phép lưu lượng vào đến từ các dịch vụ đã chọn để truyền qua mạng của bạn.



4.10 Quản lý

4.10.1 Chế độ hoạt động

Trang Operation Mode (Chế độ hoạt động) cho phép bạn chọn chế độ thích hợp cho mạng của bạn.



Để thiết lập chế độ hoạt động:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Administration (Quản lý) > Operation Mode (Chế độ hoạt động)**.
2. Chọn một trong các chế độ hoạt động sau:
 - **Wireless router mode (default) (Chế độ router không dây (mặc định)):** Ở chế độ router không dây, router không dây kết nối với internet và cho phép truy cập internet vào các thiết bị có sẵn trên mạng cục bộ riêng.
 - **Access Point mode (Chế độ bộ thu phát không dây):** Ở chế độ này, router tạo một mạng không dây mới trên mạng hiện có.
 - **Media Bridge (Cầu nối phương tiện):** Thiết lập này cần dùng hai router không dây. Router thứ hai hoạt động như một cầu nối phương tiện nơi mà nhiều thiết bị như TV thông minh và bảng điều khiển game có thể được kết nối qua ethernet.
 - **Chế độ bộ khuếch đại:** Ở Repeater mode, GT-AX1000 kết nối với mạng không dây hiện có để mở rộng phạm vi phủ sóng mạng không dây. Ở chế độ này, các chức năng tường lửa, chia sẻ IP và NAT đều được tắt.
 - **Chế độ AiMesh:** Thiết lập này đòi hỏi ít nhất hai router ASUS hỗ

trợ chế độ AiMesh. Bật chế độ AiMesh và đăng nhập vào giao diện người dùng (UI) web của router AiMesh để dò tìm các nút AiMesh gần đó để kết nối hệ thống AiMesh của bạn. Hệ thống AiMesh cung cấp phạm vi phủ sóng toàn ngôi nhà và khả năng quản lý tập trung.

3. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

LƯU Ý: Router sẽ khởi động lại khi bạn đổi các chế độ.

4.10.2 Hệ thống

Trang **System (Hệ thống)** cho phép bạn định cấu hình các cài đặt router không dây.

Để thiết lập các cài đặt hệ thống:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Administration (Quản lý) > System (Hệ thống)**.
2. Bạn có thể định cấu hình các cài đặt sau:
 - **Change router login password (Đổi mật khẩu đăng nhập router):** Bạn có thể đổi mật khẩu và tên đăng nhập cho router không dây bằng cách nhập tên và mật khẩu mới.
 - **Time Zone (Múi giờ):** Chọn múi giờ cho công việc của bạn.
 - **NTP Server (Máy chủ NTP):** Router không dây có thể truy cập máy chủ NTP (Giao thức giờ mạng) để đồng bộ hóa giờ.
 - **Enable Telnet (Bật Telnet):** Nhấp **Yes (Có)** để bật các dịch vụ Telnet trên mạng. Nhấp **No (Không)** để tắt Telnet.
 - **Authentication Method (Cách xác thực):** Bạn có thể chọn giao thức HTTP, HTTPS hoặc cả hai để bảo mật truy cập router.
 - **Enable Web Access from WAN (Bật truy cập web từ WAN):** Chọn **Yes (Có)** để cho phép các thiết bị ngoài mạng truy cập các cài đặt GUI của router không dây. Chọn **No (Không)** để ngăn chặn truy cập.
 - **Allow only specified IP address (Chỉ cho phép địa chỉ IP đã chọn):** Nhấp **Yes (Có)** nếu bạn muốn chọn địa chỉ IP của các thiết bị được phép truy cập các cài đặt GUI của router không dây từ WAN.
 - **Client List (D.sách thiết bị khách):** Nhập địa chỉ IP WAN của các thiết bị nối mạng cho phép truy cập các cài đặt router không dây. Danh sách này sẽ được sử dụng nếu bạn đã nhấp **Yes (Có)** trong mục **Only allow specific IP (Chỉ cho phép IP cụ thể)**.
3. Nhấp **Apply (Áp dụng)**.

4.10.3 Nâng cấp firmware

LƯU Ý: Tải về firmware mới nhất từ trang web ASUS tại <http://www.asus.com>.

Để nâng cấp firmware:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Administration (Quản lý) > Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**.
 2. Trong mục **New Firmware File (File firmware mới)**, nhấp **Browse (Duyệt)** để xác định file tải về.
 3. Nhấp **Upload (Tải lên)**.
-

GHI CHÚ:

- Khi hoàn tất tiến trình tải lên, hãy đợi trong giây lát để hệ thống khởi động lại.
 - Nếu tiến trình nâng cấp bị lỗi, router không dây sẽ tự động vào chế độ cứu nguy và đèn báo LED nguồn ở phía trước bắt đầu nhấp nháy chậm. Để phục hồi hoặc khôi phục hệ thống, hãy tham khảo phần **5.2 Phục hồi firmware**.
-

4.10.4 Phục hồi/Lưu/Tải lên Cài đặt

Để phục hồi/lưu/tải lên cài đặt router không dây:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Administration (Quản lý) > Restore/Save/Upload Setting (Phục hồi/Lưu/Tải lên cài đặt)**.
 2. Chọn các tác vụ bạn muốn thực hiện:
 - Để phục hồi về cài đặt mặc định gốc, nhấp **Restore (Phục hồi)**, và nhấp **OK** trong thông báo xác nhận.
 - Để lưu các cài đặt hệ thống hiện hành, nhấp **Save (Lưu)**, chuyển sang thư mục nơi bạn định lưu file và nhấp **Save (Lưu)**.
 - Để phục hồi từ file cài đặt hệ thống đã lưu, nhấp **Browse (Duyệt)** để xác định file của bạn rồi nhấp **Upload (Tải lên)**.
-

LƯU Ý: Nếu các sự cố xảy ra, hãy tải về phiên bản firmware mới nhất và định cấu hình cài đặt mới. Không phục hồi router về các cài đặt mặc định.

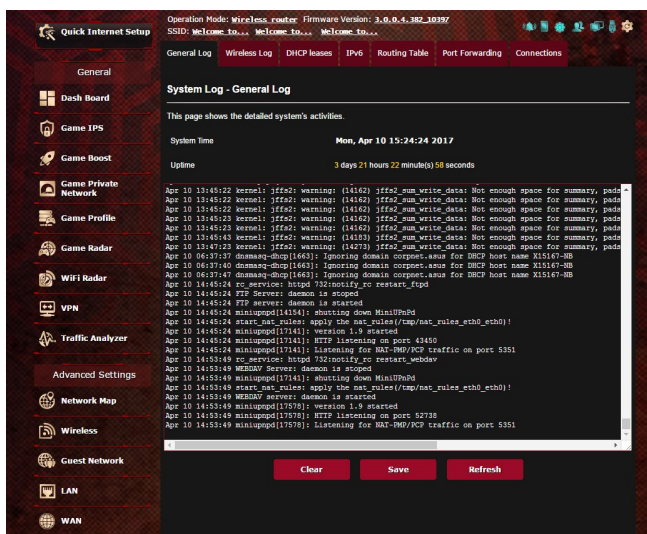
4.11 Nhật ký hệ thống

Nhật ký hệ thống chứa các hoạt động mạng đã ghi lại của bạn.

LƯU Ý: Nhấp ký hệ thống sẽ cài lại khi router được khởi động lại hoặc tắt nguồn.

Để xem nhật ký hệ thống:

1. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > System Log (Nhật ký hệ thống)**.
2. Bạn có thể xem các hoạt động mạng bằng một trong các thẻ sau:
 - General Log (Nhật ký chung)
 - DHCP Leases (Cho thuê DHCP)
 - Wireless Log (Nhật ký không dây)
 - Port Forwarding (Chuyển tiếp cổng)
 - Routing Table (Bảng định tuyến)



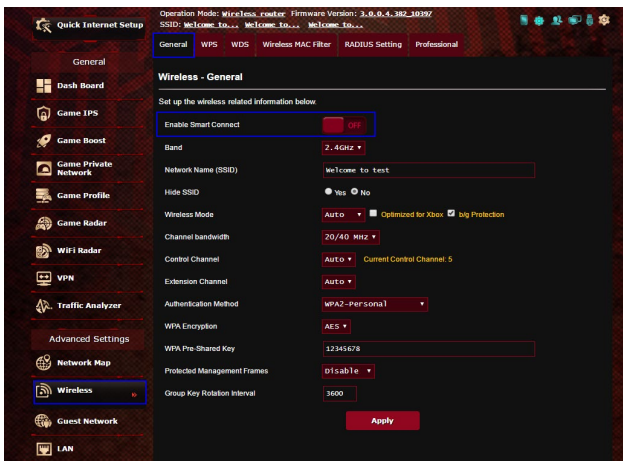
4.12 Kết nối thông minh

Smart Connect (Kết nối thông minh) được thiết kế để tự điều hướng các thiết bị khách sang một trong ba tần số vô tuyến (một 2.4 GHz, một 5 GHz dải thấp, một 5 GHz dải cao) để tối đa hóa tổng hoạt động sử dụng thông lượng không dây.

4.12.1 Thiết lập kết nối thông minh

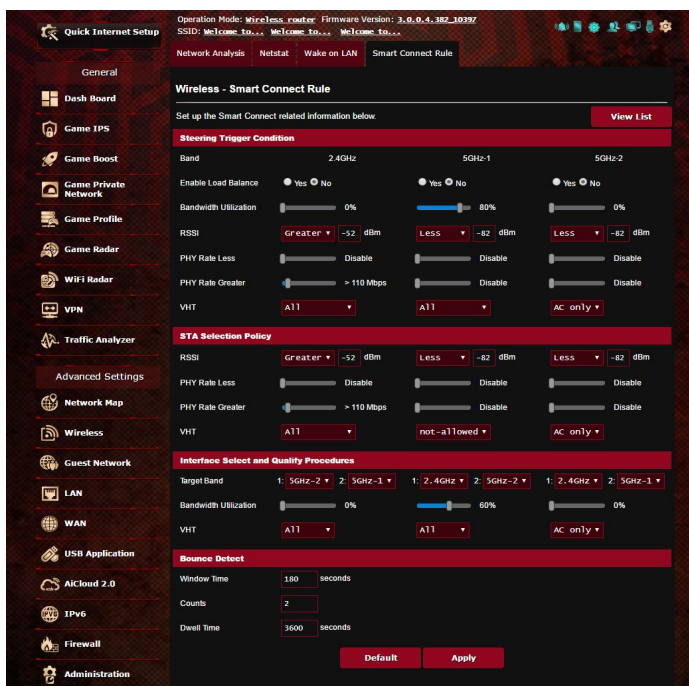
Bạn có thể bật Kết nối thông minh từ GUI (Giao diện người dùng đồ họa) web bằng hai cách sau:

- **Qua màn hình Wireless (Không dây)**
1. Trên trình duyệt web của bạn, hãy tự nhập địa chỉ IP mặc định của router không dây: <http://router.asus.com>.
 2. Trên trang đăng nhập, nhập tên người dùng (**admin**) và mật khẩu (**admin**) mặc định rồi nhấp OK. Trang QIS sẽ tự khởi động.
 3. Từ bảng điều hướng, vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > General (Chung)**.
 4. Chuyển thanh trượt sang **ON (BẬT)** trong mục **Enable Smart Connect (Bật kết nối thông minh)**. Chức năng này tự động kết nối các thiết bị khách trong mạng của bạn với băng tần thích hợp để đạt tốc độ tối ưu.



4.12.2 Quy tắc kết nối thông minh

ASUSWRT cung cấp các cài đặt điều kiện mặc định để khởi động cơ chế chuyển đổi. Bạn cũng có thể thay đổi các điều kiện khởi động theo môi trường kết nối mạng xung quanh. Để đổi các cài đặt, vào thẻ **Smart Connect Rule (Quy tắc kết nối thông minh)** trên màn hình Network Tools (Công cụ mạng).

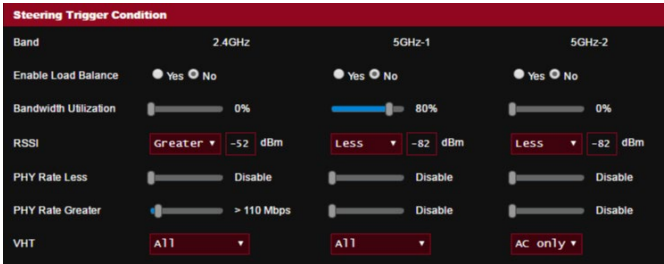


Các nút điều khiển Quy tắc kết nối thông minh được chia thành bốn mục:

- Steering Trigger Condition (Điều khiển tình trạng kích hoạt)
- STA Selection Policy (Chính sách lựa chọn STA)
- Interface Select and Qualify Procedures (Chọn giao diện và xác định quy trình)
- Bounce Detect (Phát hiện trả về)

Steering Trigger Condition (Điều khiển tình trạng kích hoạt)

Bộ nút điều khiển này thiết lập tiêu chuẩn để bắt đầu điều hướng băng tần.



- **Sử dụng băng thông**

Khi sử dụng băng thông vượt quá tỷ lệ này, việc điều hướng sẽ được bắt đầu.

- **Enable Load Balance (Bật cân bằng tải)**

Chức năng này kiểm soát cân bằng tải.

- **RSSI**

Nếu mức tín hiệu nhận được của mọi thiết bị khách liên quan đáp ứng tiêu chuẩn này, việc điều hướng sẽ được kích hoạt.

- **PHY Rate Less (Tỷ lệ PHY ít hơn)/PHY Rate Greater (Tỷ lệ PHY nhiều hơn)**

Các nút điều khiển này xác định các tỷ lệ liên kết STA vốn kích hoạt điều hướng băng tần.

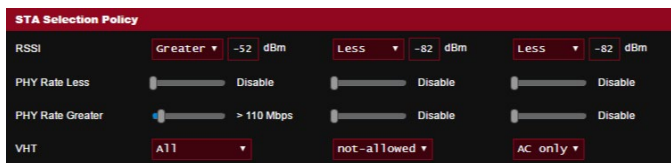
- **VHT**

Nút điều khiển này xác định cách xử lý các thiết bị khách 802.11ac và không phải 802.11ac.

- **ALL (TẤT CẢ)** (mặc định) có nghĩa là mọi loại thiết bị khách đều có thể kích hoạt điều hướng.
- **AC only (Chỉ AC)** có nghĩa là một thiết bị khách phải hỗ trợ chuẩn 802.11ac để kích hoạt điều hướng.
- **Not-allowed (Không được phép)** có nghĩa là chỉ các thiết bị khách không phải 802.11ac mới có thể kích hoạt điều hướng, vd: 802.11a/b/g/n.

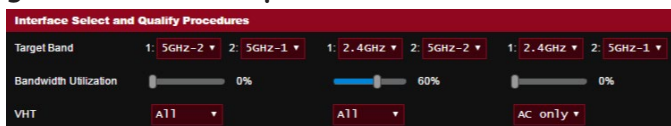
STA Selection Policy (Chính sách lựa chọn STA)

Một khi đã kích hoạt điều hướng, ASUSWRT sẽ tuân thủ STA Selection Policy (Chính sách lựa chọn STA) để chọn một thiết bị khách (STA) sẽ được điều hướng sang dải tần thích hợp nhất.



Interface Select and Qualify Procedures (Chọn giao diện và xác định quy trình)

Các nút điều khiển này xác định nơi thiết bị khách vừa điều hướng sẽ kết thúc. Nút điều khiển **Target Band (Dải tần mục tiêu)** chỉ rõ lựa chọn mục tiêu điều hướng thứ nhất và thứ hai. Các thiết bị khách đáp ứng tiêu chuẩn Chính sách lựa chọn STA về tần số vô tuyến sẽ được điều hướng sang mục tiêu đầu tiên nếu **Bandwidth Utilization (Sử dụng băng thông)** nhỏ hơn giá trị đã thiết lập. Nếu không, thiết bị khách sẽ được chuyển sang tần số vô tuyến **Target Band (Dải tần mục tiêu)**.



Bounce Detect (Phát hiện trả về)

Bộ nút điều khiển này xác định tần suất có thể điều hướng một thiết bị khách. Tính năng này được thiết kế để ngăn chặn các thiết bị khách liên tục di chuyển xung quanh. Tuy nhiên, nó không ngăn chặn các thiết bị khách tự ngắt kết nối, hoặc xem chúng là thiết bị trả về nếu chúng ngăn chặn. Mỗi thiết bị khách có thể được điều hướng **N Counts (N lần đếm)** trong mức **Window Time (Thời gian trên cửa sổ)**. Khi đạt mức Count limit (Giới hạn đếm), thiết bị khách sẽ không được điều hướng lại cho **Dwell Time (Thời gian Dwell)**.



5 Tiện ích

LƯU Ý:

- Tải về và cài đặt các tiện ích của router không dây từ trang web ASUS:
 - Phát hiện thiết bị v1.4.7.1 tại <http://dlcdnet.asus.com/pub/ASUS/LiveUpdate/Release/Wireless/Discovery.zip>
 - Phục hồi firmware v1.9.0.4 tại <http://dlcdnet.asus.com/pub/ASUS/LiveUpdate/Release/Wireless/Rescue.zip>
 - Tiện ích máy in Windows v1.0.5.5 tại <http://dlcdnet.asus.com/pub/ASUS/LiveUpdate/Release/Wireless/Printer.zip>
 - Các tiện ích này không được hỗ trợ trên HĐH MAC.
-

5.1 Phát hiện thiết bị

Phát hiện thiết bị là tiện ích WLAN ASUS giúp phát hiện thiết bị router không dây ASUS, và cho phép bạn định cấu hình các cài đặt nối mạng không dây.

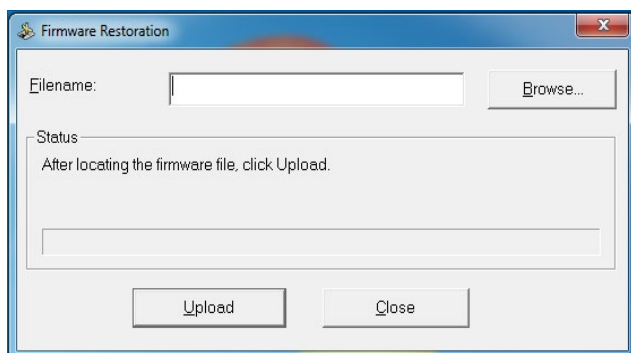
ĐỂ BẬT TIỆN ÍCH Device Discovery (Phát hiện thiết bị):

- Từ màn hình nền máy tính, nhấp **Start (Bắt đầu) > All Programs (Mọi chương trình) > ASUS Utility (Tiện ích ASUS) > ASUS Wireless Router (Router không dây) > Device Discovery (Phát hiện thiết bị)**.

LƯU Ý: Khi cài router sang chế độ Access Point (Bộ thu phát không dây), bạn cần dùng tiện ích Phát hiện thiết bị để nhận địa chỉ IP của router.

5.2 Phục hồi firmware

Phục hồi firmware được sử dụng trên Router không dây ASUS vốn đã bị lỗi trong quá trình nâng cấp firmware liên quan. Nó tải lên firmware mà bạn đã chọn. Tiến trình mất khoảng ba đến bốn phút.



QUAN TRỌNG: Bật chế độ cứu nguy trên router trước khi sử dụng tiện ích Phục hồi firmware.

LƯU Ý: Tính năng này không được hỗ trợ trên HĐH MAC.

Để bật chế độ cứu nguy và sử dụng tiện ích Phục hồi firmware:

1. Ngắt router không dây khỏi nguồn điện.
2. Giữ nút Reset (Khởi động lại) ở phía sau và đồng thời cắm lại router không dây vào nguồn điện. Nhả nút Reset (Khởi động lại) khi đèn LED nguồn ở phía trước nhấp nháy chậm - cho biết router không dây đang ở chế độ cứu nguy.

- Cài IP tĩnh trên máy tính và sử dụng các mục sau để thiết lập cài đặt TCP/IP:

IP address (Địa chỉ IP): 192.168.1.x

Subnet mask (Mặt nạ mạng phụ): 255.255.255.0

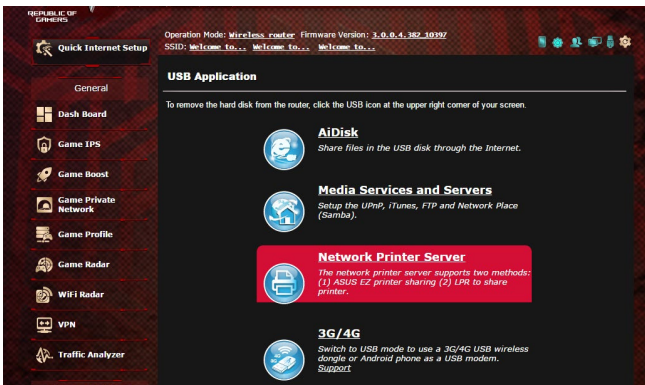
- Từ màn hình nền máy tính, nhấn **Start (Bắt đầu) > All Programs (Mọi chương trình) > ASUS Utility (Tiện ích ASUS) GT-AX11000 Wireless Router (Router không dây GT-AX11000) > Firmware Restoration (Phục hồi firmware).**
- Chọn file firmware rồi nhấn **Upload (Tải lên).**

LƯU Ý: Đây là tiện ích nâng cấp firmware và bạn không thể sử dụng tiện ích này trên Router không dây ASUS đang hoạt động. Các nâng cấp firmware thông thường phải được thực hiện qua giao diện web. Tham khảo **Chương 4: Định cấu hình cài đặt nâng cao** để biết thêm chi tiết.

5.3 Thiết lập máy chủ in của bạn

5.3.1 Chia sẻ máy in ASUS EZ

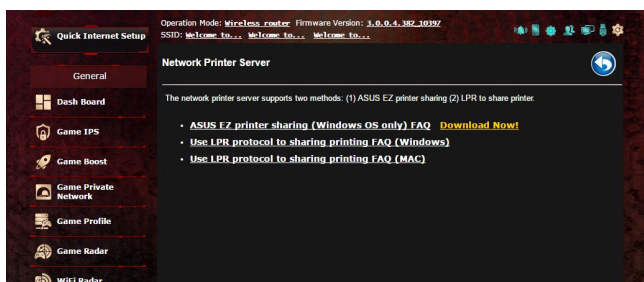
Tiện ích Chia sẻ in ASUS EZ cho phép bạn kết nối máy in USB với cổng USB trên router không dây và thiết lập máy chủ in. Điều này cho phép các thiết bị khách nối mạng của bạn in và dò tìm các file qua mạng không dây.



LƯU Ý: Chức năng máy chủ in được hỗ trợ trên Windows® 7/8/8.1/10.

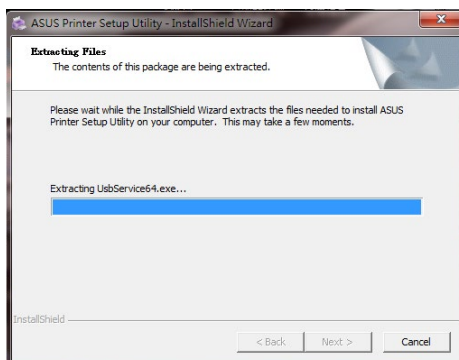
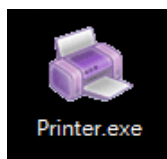
Để thiết lập chế độ chia sẻ Máy in EZ:

1. Từ bảng điều hướng, vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > USB Application (Ứng dụng USB) > Network Printer Server (Máy in chủ qua mạng)**.
2. Nhấp **Download Now (Tải về ngay)!** để tải về tiện ích máy in mạng.

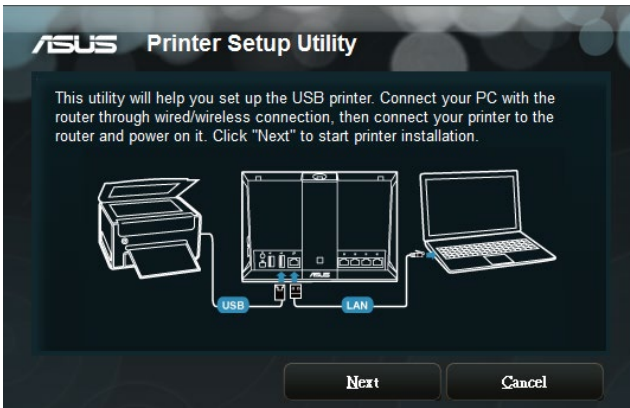


LƯU Ý: Tiện ích máy in mạng được chỉ được hỗ trợ trên Windows® 7/8/8.1/10. Để cài đặt tiện ích trên HĐH Mac, chọn **Use LPR protocol for sharing printer (Dùng giao thức LPR để chia sẻ máy in)**.

3. Giải nén file tải về và nhấp biểu tượng Máy in để chạy chương trình thiết lập máy in mạng.



- Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để thiết lập phần cứng rồi nhấn **Next (Kế tiếp)**.

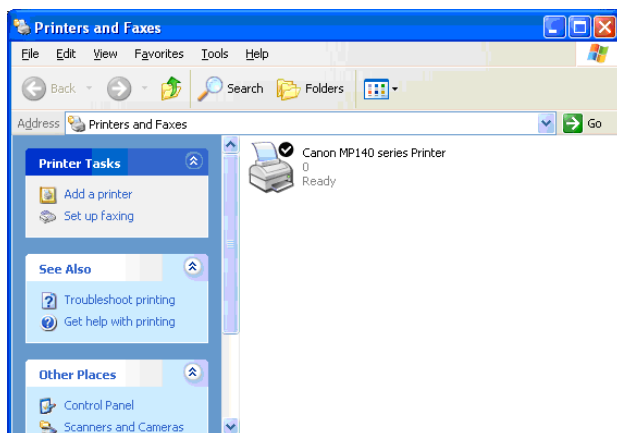


- Đợi vài phút để tiến trình thiết lập ban đầu hoàn tất. Nhấn **Next (Kế tiếp)**.
- Nhấn **Finish (Hoàn tất)** để hoàn tất cài đặt.

- Thực hiện theo các hướng dẫn HĐH Windows® để cài đặt driver máy in.



- Sau khi cài đặt xong driver máy in, các thiết bị khách nối mạng có thể sử dụng máy in ngay.



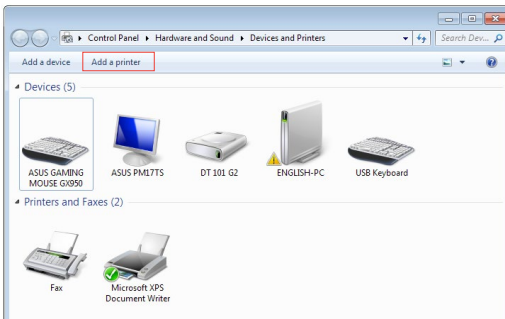
5.3.2 Sử dụng LPR để chia sẻ máy in

Bạn có thể chia sẻ máy in với các máy tính chạy hệ điều hành Windows® và MAC bằng LPR/LPD (Line Printer Remote/Line Printer Daemon).

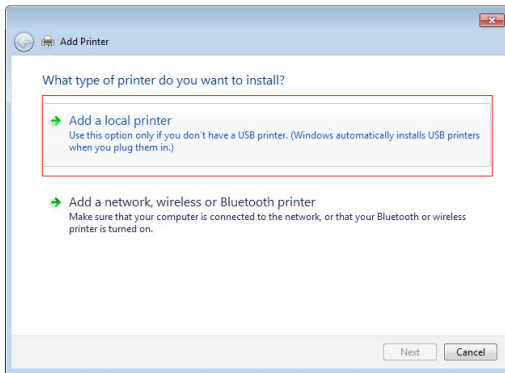
Chia sẻ máy in LPR

Để chia sẻ máy in LPR:

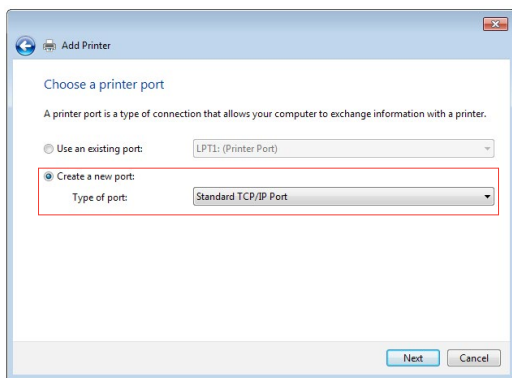
1. Từ màn hình nền Windows®, nhấp **Start (Bắt đầu) > Devices and Printers (Thiết bị và Máy in) > Add a printer (Thêm máy in)** để chạy **Add Printer Wizard (Thuật sĩ thêm máy in)**.



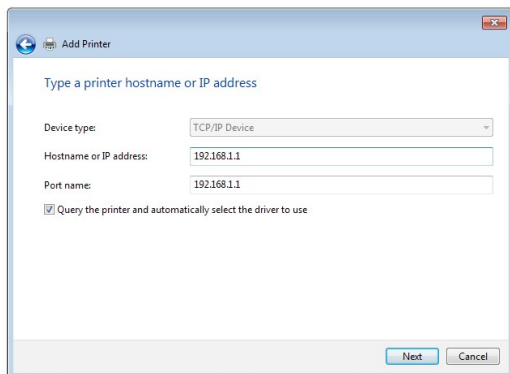
2. Chọn **Add a local printer (Thêm máy in cục bộ)** rồi nhấp **Next (Kế tiếp)**.



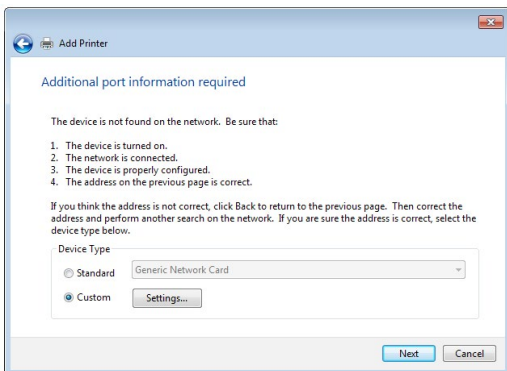
3. Chọn **Create a new port (Tạo cổng mới)** rồi cài **Type of Port (Loại cổng)** sang **Standard TCP/IP Port (Cổng TCP/IP chuẩn)**. Nhấp **New Port (Cổng mới)**.



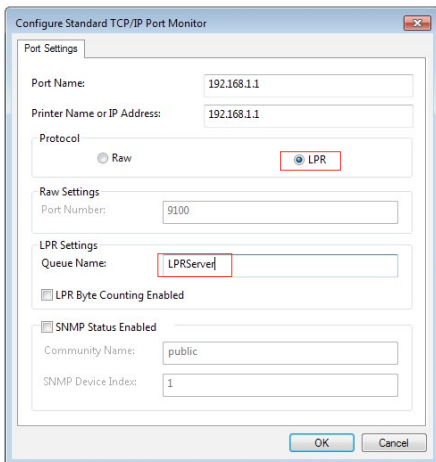
4. Trong mục **Hostname or IP address (Tên máy chủ hoặc địa chỉ IP)**, nhập địa chỉ IP của router không dây rồi nhấp **Next (Kế tiếp)**.



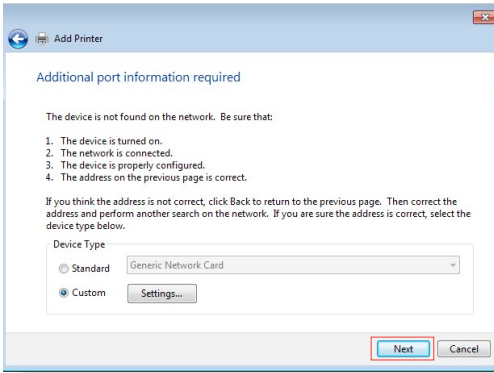
5. Chọn **Custom (Tùy biến)** rồi nhấn **Settings (Cài đặt)**.



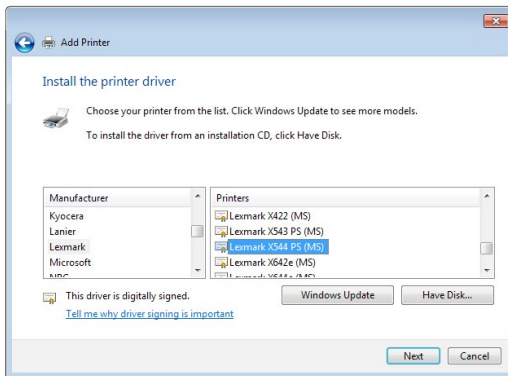
6. Cài **Protocol (Giao thức)** sang **LPR**. Trong mục **Queue Name (Tên chuỗi)**, nhập **LPRServer** rồi nhấn **OK** để tiếp tục.



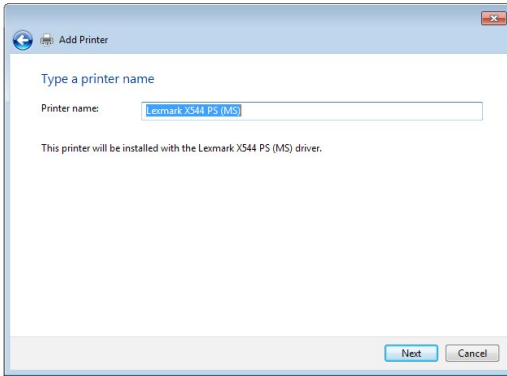
7. Nhấp **Next (Kế tiếp)** để hoàn tất thiết lập cổng TCP/IP chuẩn.



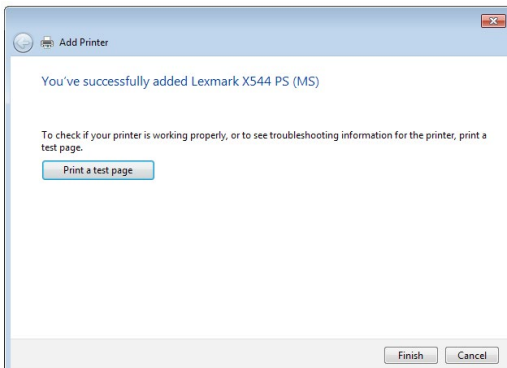
8. Cài đặt driver máy in từ danh sách mẫu mã từ nhà cung cấp. Nếu máy in của bạn không có trong danh sách, nhấp **Have Disk (Dùng ổ đĩa)** để tự cài đặt các driver máy in từ đĩa CD hoặc file.



9. Nhấp **Next (Kế tiếp)** để chấp nhận tên mặc định cho máy in.



10. Nhấp **Finish (Hoàn tất)** để hoàn tất cài đặt.



5.4 Máy chủ tải về

Download Master (Máy chủ tải về) là tiện ích giúp bạn tải về các file ngay cả khi laptop hoặc các thiết bị khác bị tắt.

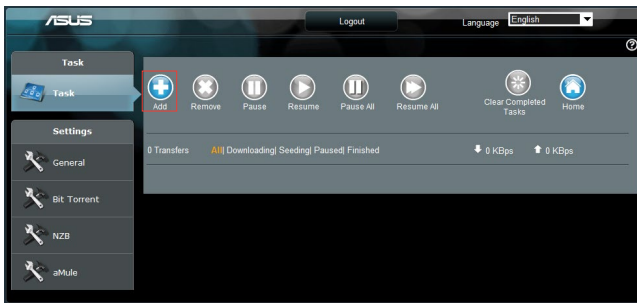
LƯU Ý: Bạn cần thiết bị USB đã kết nối router không dây để sử dụng Máy chủ tải về.

Để sử dụng Máy chủ tải về:

1. Nhấp **General (Chung)** > **USB application (Ứng dụng USB)** > **Download Master (Máy chủ tải về)** để tải về và cài đặt tiện ích tự động.

LƯU Ý: Nếu có hơn một ổ đĩa USB, chọn thiết bị USB bạn muốn tải các file về.

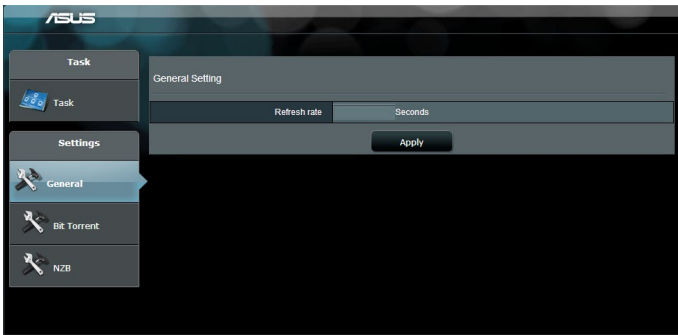
2. Sau khi hoàn tất tiến trình tải về, nhấp biểu tượng Máy chủ tải về để bắt đầu sử dụng tiện ích.
3. Nhấp **Add (Thêm)** để thêm tác vụ tải về.



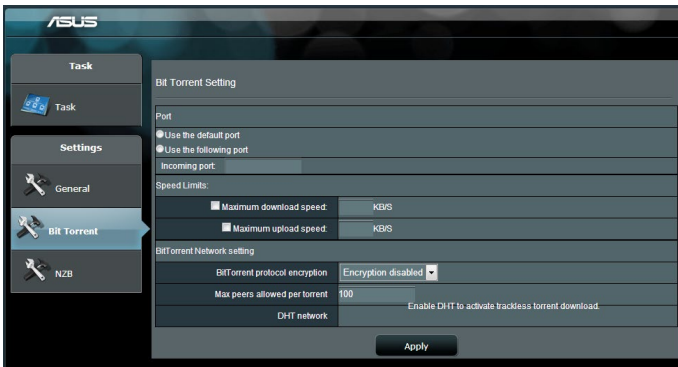
4. Chọn loại tải về như BitTorrent, HTTP hoặc FTP. Cung cấp file torrent hoặc URL để bắt đầu tải về.

LƯU Ý: Để biết chi tiết về Bit Torrent, tham khảo phần **5.4.1 Định cấu hình cài đặt tải về Bit Torrent**.

- Sử dụng bảng điều hướng để định cấu hình các cài đặt nâng cao.



5.4.1 Định cấu hình cài đặt tải về Bit Torrent

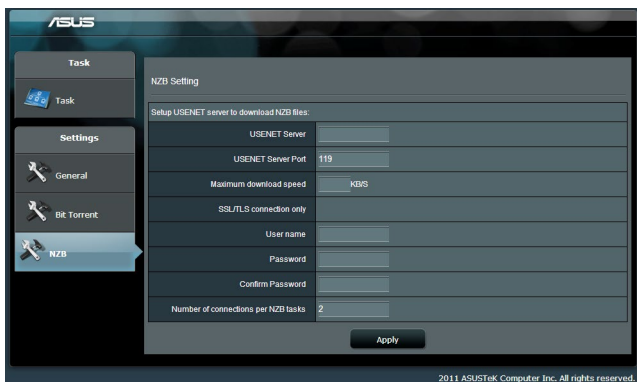


Để định cấu hình cài đặt tải về Bit Torrent:

- Từ bảng điều hướng của Download Master (Máy chủ tải về), nhấp **Bit Torrent** để bật trang **Bit Torrent Setting (Cài đặt Bit Torrent)**.
- Chọn một cổng cụ thể cho tác vụ tải về của bạn.
- Để đề phòng nghẽn mạng, bạn có thể giới hạn các tốc độ tải lên và tải về tối đa trong **Speed Limits (Giới hạn tốc độ)**.
- Bạn có thể giới hạn số lượng tối đa của các thiết bị ngang hàng được phép và bật hoặc tắt mã hóa file trong khi tải về.

5.4.2 Cài đặt NZB

Bạn có thể thiết lập máy chủ USENET để tải về các file NZB. Sau khi nhập các cài đặt USENET, nhấn **Apply (Áp dụng)**.



6 Khắc phục sự cố

Chương này cung cấp giải pháp cho các sự cố mà bạn có thể gặp phải với router. Nếu bạn gặp phải các sự cố chưa được đề cập trong chương này, hãy truy cập trang hỗ trợ ASUS tại:

<https://www.asus.com/support> để biết thêm thông tin về sản phẩm và chi tiết liên lạc của Đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật ASUS.

6.1 Khắc phục sự cố cơ bản

Nếu bạn đang gặp phải các sự cố với router, hãy thử các bước cơ bản sau trong phần này trước khi tìm kiếm thêm giải pháp.

Nâng cấp firmware lên phiên bản mới nhất.

1. Bật GUI web. Vào thẻ **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)** > **Administration (Quản lý)** > **Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**. Nhấp **Check (Kiểm tra)** để kiểm tra xem firmware mới nhất có sẵn hay không.
2. Nếu firmware mới nhất có sẵn, hãy truy cập trang web toàn cầu ASUS tại https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_BIOS/ để tải về firmware mới nhất.
3. Từ trang **Firmware Upgrade (Nâng cấp firmware)**, nhấp **Browse (Duyệt)** để xác định file firmware.
4. Nhấp **Upload (Tải lên)** để nâng cấp firmware.

Khởi động lại mạng của bạn theo trình tự sau:

1. Tắt modem.
2. Ngắt kết nối modem.
3. Tắt router và các máy tính.
4. Kết nối lại modem.
5. Bật modem rồi đợi trong 2 phút.
6. Bật router rồi đợi trong 2 phút.
7. Bật các máy tính.

Kiểm tra xem các cáp ethernet của bạn đã được cắm thích hợp hay chưa.

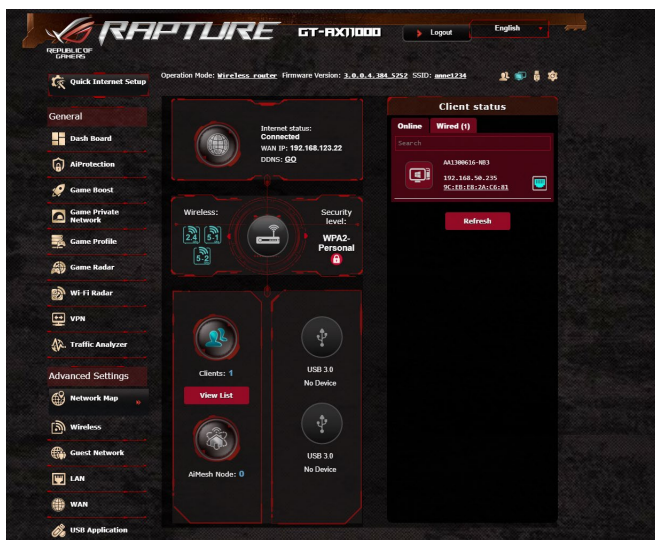
- Khi đã cắm thích hợp cáp ethernet kết nối router với modem, đèn LED WAN sẽ bật lên.
- Khi đã cắm thích hợp cáp kết nối máy tính đã bật với router, đèn LED LAN tương ứng sẽ bật lên.

Kiểm tra xem cài đặt không dây trên máy tính có khớp với cài đặt trên máy tính hay không.

- Khi bạn kết nối máy tính với router qua mạng không dây, đảm bảo SSID (tên mạng không dây), cách mã hóa và mật khẩu phải đúng.

Kiểm tra xem các cài đặt mạng của bạn có đúng không.

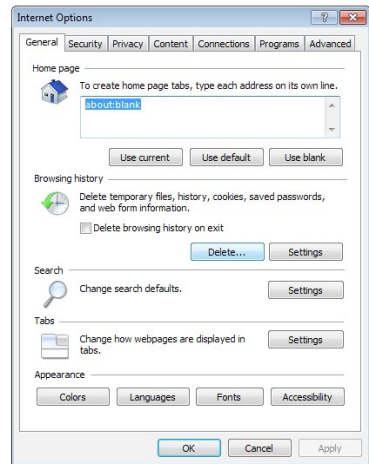
- Từng thiết bị khách trên mạng phải có một địa chỉ IP hợp lệ. ASUS đề nghị bạn nên sử dụng máy chủ DHCP của router không dây để gán địa chỉ IP cho các máy tính trên mạng.
- Một số nhà cung cấp dịch vụ modem có dây yêu cầu bạn sử dụng địa chỉ MAC của máy tính được đăng ký lần đầu trên tài khoản. Bạn có thể xem địa chỉ MAC trên trang GUI web, **Network Map (Sơ đồ mạng) > Clients (Thiết bị khách)**, và di chuyển con trỏ chuột lên thiết bị của bạn trong **Client Status (Tình trạng thiết bị khách)**.



6.2 Những câu hỏi thường gặp (FAQs)

Tôi không thể truy cập GUI của router bằng trình duyệt web

- Nếu máy tính của bạn được kết nối mạng có dây, hãy kiểm tra kết nối cáp ethernet và tình trạng đèn LED như mô tả ở phần trước.
- Đảm bảo bạn đang sử dụng thông tin đăng nhập chính xác. Tên đăng nhập và mật khẩu mặc định gốc là “admin/admin”. Đảm bảo phím Caps Lock đã được tắt khi bạn nhập thông tin đăng nhập.
- Xóa các cookie và file trong trình duyệt web của bạn. Đối với Internet Explorer 8, thực hiện theo các bước sau:
 1. Bật Internet Explorer 8 rồi nhấp **Tools (Công cụ) > Internet Options (Tùy chọn internet)**.
 2. Trong thẻ **General (Chung)**, dưới **Browsing history (Lược sử duyệt)**, nhấp **Delete (Xóa)...**, chọn **Temporary Internet Files (File internet tạm)** và **Cookies** rồi nhấp **Delete (Xóa)**.



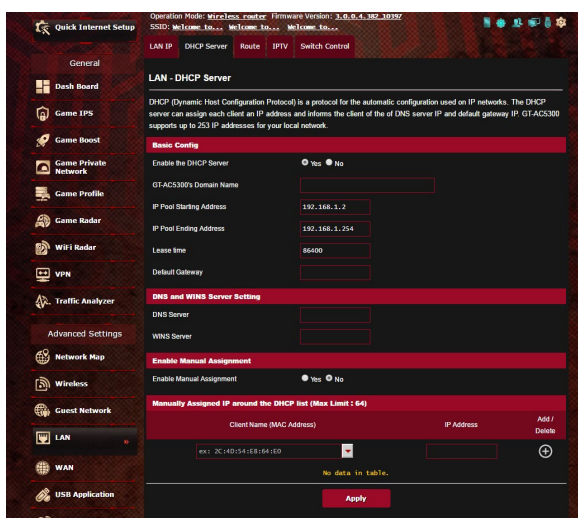
LƯU Ý:

- Các lệnh xóa cookie và file sẽ khác nhau tùy theo trình duyệt web.
- Tắt cài đặt máy chủ ủy nhiệm, hủy kết nối qua điện thoại và thiết lập cài đặt TCP/IP để nhận các địa chỉ IP tự động. Để biết thêm chi tiết, tham khảo Chương 1 trong sổ hướng dẫn sử dụng này.
- Đảm bảo bạn sử dụng các cáp ethernet CAT5e hoặc CAT6.

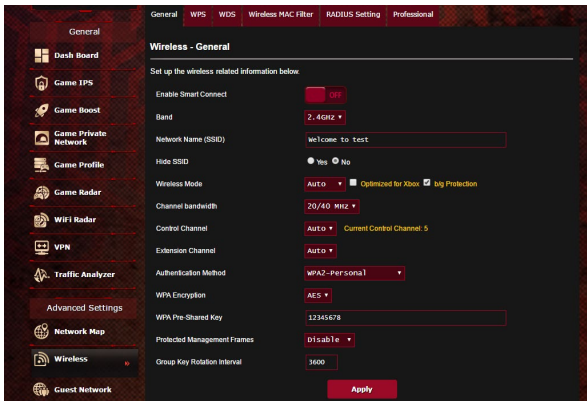
Máy khách không thể thiết lập kết nối không dây với router.

LƯU Ý: Nếu đang gặp các sự cố kết nối với mạng 5Ghz, đảm bảo thiết bị không dây của bạn hỗ trợ 5Ghz hoặc tích hợp các tính năng băng tần kép.

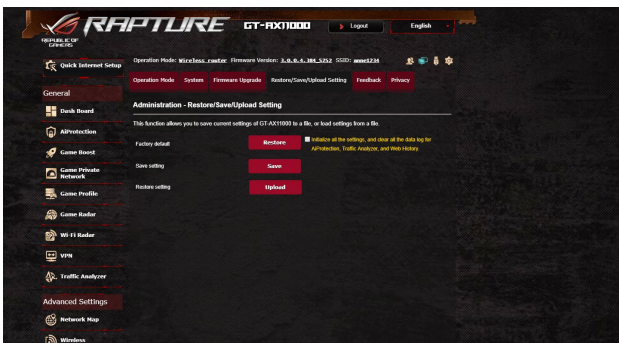
- **Ngoài vùng phủ sóng:**
 - Di chuyển router đến gần hơn với thiết bị khách không dây.
 - Thử chỉnh các ăngten của router sang hướng tốt nhất như mô tả ở phần **1.4 Bố trí router của bạn.**
- **Máy chủ DHCP đã bị tắt:**
 1. Bật GUI web. Vào **General (Chung) > Network Map (Sơ đồ mạng) > Clients (Thiết bị khách)** và dò tìm thiết bị bạn muốn kết nối với router.
 2. Nếu bạn không tìm thấy thiết bị trong **Network Map (Sơ đồ mạng)**, hãy vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > LAN > DHCP Server (Máy chủ)**, d.sách **Basic Config (Cấu hình cơ bản)**, chọn **Yes (Có)** trên **Enable the DHCP Server (Bật máy chủ DHCP)**.



- SSID đã bị ẩn. Nếu thiết bị của bạn có thể tìm thấy các SSID từ những router khác nhưng không tìm thấy SSID cho router của bạn, hãy vào **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao) > Wireless (Không dây) > General (Chung)**, chọn **No (Không)** trên **Hide SSID (Ẩn SSID)**, và chọn **Auto (Tự động)** trên **Control Channel (Kênh điều khiển)**.



- Nếu bạn đang sử dụng adapter LAN không dây, kiểm tra xem kênh không dây đang dùng có tương thích với các kênh có sẵn trong nước/khu vực của bạn hay không. Nếu không, hãy chỉnh kênh, băng thông kênh và chế độ không dây.
- Nếu vẫn không thể kết nối không dây với router, bạn có thể cài lại router về cài đặt mặc định gốc. Trong GUI của router, nhấp **Administration (Quản lý) > Restore/Save/Upload Setting (Phục hồi/Lưu/Tải lên cài đặt)** và nhấp **Restore (Phục hồi)**.



Không thể truy cập internet.

- Kiểm tra xem router của bạn có thể kết nối với địa chỉ IP mạng WAN từ nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP) hay không. Để thực hiện điều này, bật GUI web và vào **General (Chung)** > **Network Map (Sơ đồ mạng)**, và kiểm tra **Internet Status (Tình trạng internet)**.
- Nếu router không thể kết nối với địa chỉ IP WAN của ISP, thử khởi động lại mạng của bạn như mô tả ở phần **Khởi động lại mạng theo trình tự sau** trong **Khắc phục sự cố cơ bản**.



- Thiết bị đã bị chặn qua chức năng Kiểm soát cha mẹ. Vào **General (Chung)** > **Aiprotection Pro** > **Parental Control (Kiểm soát cha mẹ)** và nhìn xem thiết bị có nằm trên danh sách hay không. Nếu thiết bị được liệt kê trong **Client Name (Tên thiết bị khách)**, tháo thiết bị bằng nút **Delete (Xóa)** hoặc chỉnh Time Management Settings (Cài đặt quản lý giờ).
- Nếu vẫn không thể truy cập internet, thử khởi động lại máy tính và kiểm tra các mục IP address (địa chỉ IP) và gateway address (địa chỉ cổng nối) của mạng.
- Kiểm tra các đèn báo tình trạng modem ADSL và router không dây. Nếu đèn LED WAN trên router không dây chưa bật, kiểm tra xem mọi loại cáp đã được cắm thích hợp chưa.

Bạn đã quên SSID (tên mạng) hoặc mật khẩu mạng

- Thiết lập SSID và khóa mã hóa mới qua kết nối có dây (cáp ethernet). Bật web GUI, vào **Network Map (Sơ đồ mạng)**, nhấp biểu tượng router, nhập SSID và khóa mã hóa mới và sau đó nhấp **Apply (Áp dụng)**.
- Cài lại router của bạn về cài đặt mặc định. Bật web GUI, vào **Administration (Quản lý)** > **Restore/Save/Upload Setting (Phục hồi/Lưu/Tải lên cài đặt)** và nhấp **Restore (Phục hồi)**. Cả tên đăng nhập và mật khẩu mặc định đều là "admin".

Cách phục hồi hệ thống về cài đặt mặc định?

- Vào **Administration (Quản lý) > Restore/Save/Upload Setting (Phục hồi/Lưu/Tải lên cài đặt)** và nhấn **Restore (Phục hồi)**.

Sau đây là cài đặt mặc định gốc:

User Name (Tên đăng nhập):	admin
Password (Mật khẩu):	admin
Enable DHCP (Bật DHCP):	Có (nếu đã cắm cáp WAN)
IP address (Địa chỉ IP):	http://router.asus.com (hoặc 192.168.1.1)
Domain Name (Tên miền):	(Trống)
Subnet Mask (Mặt nạ mạng phụ):	255.255.255.0
DNS Server 1 (Máy chủ DNS 1):	192.168.1.1
DNS Server 2 (Máy chủ DNS 2):	(Trống)
SSID (2.4GHz):	ASUS
SSID (5GHz):	ASUS_5G

Không thể nâng cấp firmware.

Bật chế độ cứu nguy và chạy tiện ích Phục hồi firmware. Tham khảo phần **5.2 Phục hồi firmware** để biết cách sử dụng tiện ích Phục hồi firmware.

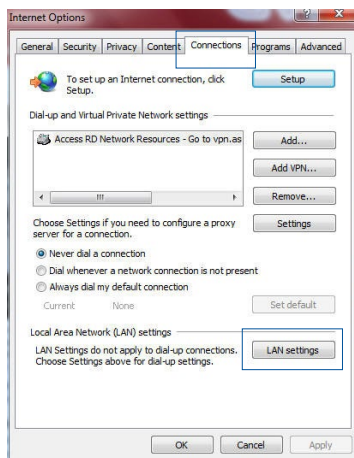
Không thể truy cập GUI web

Trước khi định cấu hình router không dây của bạn, thực hiện các bước mô tả trong phần này cho máy tính chủ và các thiết bị khách nối mạng.

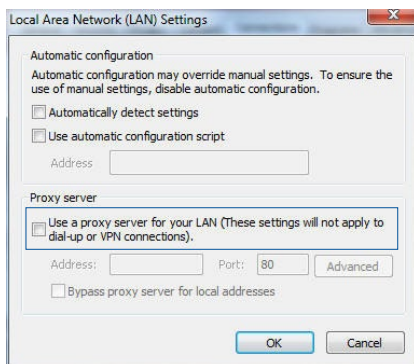
A. Tắt máy chủ ủy nhiệm, nếu đã bật.

Windows® 7

1. Nhấp **Start (Bắt đầu)** > **Internet Explorer** để bật trình duyệt này.
2. Nhấp thẻ **Tools (Công cụ)** > **Internet options (Tùy chọn internet)** > **Connections (Kết nối)** > **LAN settings (Cài đặt LAN)**.

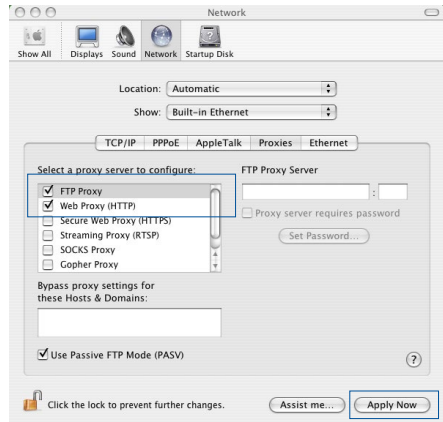


3. Từ màn hình Local Area Network (LAN) Settings (Cài đặt mạng cục bộ (LAN)), bỏ chọn **Use a proxy server for your LAN (Dùng máy chủ ủy nhiệm cho LAN)**.
4. Nhấp **OK** khi hoàn tất.



HĐH MAC

1. Từ trình duyệt Safari, nhấn **Safari** > **Preferences (Ưu tiên)** > **Advanced (Nâng cao)** > **Change Settings (Thay đổi cài đặt)...**
2. Từ màn hình Network (Mạng), bỏ chọn **FTP Proxy** và **Web Proxy (HTTP)**.
3. Nhấn **Apply Now (Áp dụng ngay)** khi hoàn tất.

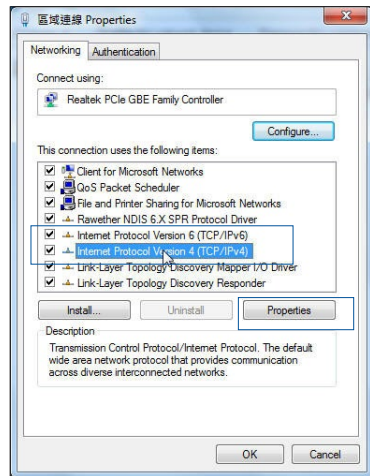


LƯU Ý: Tham khảo tính năng trợ giúp trên trình duyệt để biết chi tiết về cách tắt máy chủ ủy nhiệm.

B. Thực hiện cài đặt TCP/IP để tự động nhận địa chỉ IP.

Windows® 7

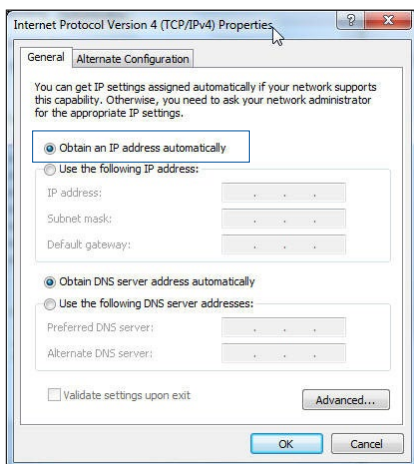
1. Nhấn **Start (Bắt đầu)** > **Control Panel (Bảng điều khiển)** > **Network and Internet (Mạng và internet)** > **Network and Sharing Center (Trung tâm mạng và chia sẻ)** > **Manage network connections (Quản lý các kết nối mạng)**.
2. Chọn **Internet Protocol Version 4 (TCP/IPv4)** hoặc **Internet Protocol Version 6 (TCP/IPv6)**, sau đó nhấn **Properties (Thuộc tính)**.




- Để nhận các cài đặt IP IPv4 tự động, chọn **Obtain an IP address automatically (Nhận địa chỉ IP tự động)**.

Để nhận các cài đặt IP IPv6 tự động, chọn **Obtain an IPv6 address automatically (Nhận địa chỉ IPv6 tự động)**.

- Nhấp **OK** khi hoàn tất.



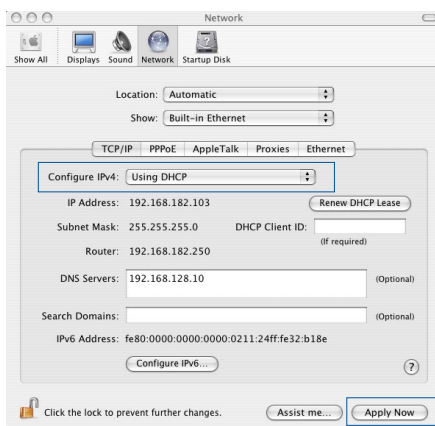
HHH MAC

- Nhấp biểu tượng Apple  nằm ở góc trái phía trên màn hình của bạn.

- Nhấp **System Preferences (Ưu tiên hệ thống) > Network (Mạng) > Configure (Định cấu hình)...**

- Từ thẻ **TCP/IP**, chọn **Using DHCP (Sử dụng DHCP)** trong d.sách **Configure IPv4 (Định cấu hình IPv4)** sổ xuống.

- Nhấp **Apply Now (Áp dụng ngay)** khi hoàn tất.

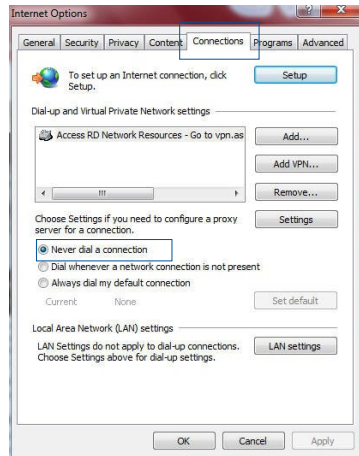


LƯU Ý: Tham khảo tính năng trợ giúp và hỗ trợ trên hệ điều hành để biết chi tiết về cách định cấu hình các cài đặt TCP/IP của máy tính.

C. Tắt kết nối qua điện thoại, nếu đã bật.

Windows® 7

1. Nhấp **Start (Bắt đầu)** > **Internet Explorer** để bật trình duyệt này.
2. Nhấp thẻ **Tools (Công cụ)** > **Internet options (Tùy chọn internet)** > **Connections (Kết nối)**.
3. Chọn **Never dial a connection (Không bao giờ gọi kết nối)**.
4. Nhấp **OK** khi hoàn tất.



LƯU Ý: Tham khảo tính năng trợ giúp trên trình duyệt để biết chi tiết về cách tắt kết nối mạng qua điện thoại.

Phụ lục

Thông báo

ASUS Recycling/Takeback Services

ASUS recycling and takeback programs come from our commitment to the highest standards for protecting our environment. We believe in providing solutions for you to be able to responsibly recycle our products, batteries, other components, as well as the packaging materials. Please go to <http://csr.asus.com/english/Takeback.htm> for the detailed recycling information in different regions.

REACH

Complying with the REACH (Registration, Evaluation, Authorisation, and Restriction of Chemicals) regulatory framework, we published the chemical substances in our products at ASUS REACH website at <http://csr.asus.com/english/REACH.htm>

Federal Communications Commission Statement

This device complies with Part 15 of the FCC Rules. Operation is subject to the following two conditions:

- This device may not cause harmful interference.
- This device must accept any interference received, including interference that may cause undesired operation.

This equipment has been tested and found to comply with the limits for a class B digital device, pursuant to part 15 of the FCC Rules. These limits are designed to provide reasonable protection against harmful interference in a residential installation.

This equipment generates, uses and can radiate radio frequency energy and, if not installed and used in accordance with the instructions, may cause harmful interference to radio communications. However, there is no guarantee that interference will not occur in a particular installation. If this equipment does cause harmful interference to radio or television reception, which can be determined by turning the equipment off and on, the user is encouraged to try to correct the interference by one or more of the following measures:

- Reorient or relocate the receiving antenna.
- Increase the separation between the equipment and receiver.
- Connect the equipment into an outlet on a circuit different from that to which the receiver is connected.
- Consult the dealer or an experienced radio/TV technician for help.

WARNING! Any changes or modifications not expressly approved by the party responsible for compliance could void the user's authority to operate the equipment.

Prohibition of Co-location

This device and its antenna(s) must not be co-located or operating in conjunction with any other antenna or transmitter.

IMPORTANT NOTE:

Radiation Exposure Statement: This equipment complies with FCC radiation exposure limits set forth for an uncontrolled environment. End users must follow the specific operating instructions for satisfying RF exposure compliance. To maintain compliance with FCC exposure compliance requirement, please follow operation instruction as documented in this manual.

WARNING! This equipment must be installed and operated in accordance with provided instructions and the antenna(s) used for this transmitter must be installed to provide a separation distance of at least 20 cm from all persons and must not be co-located or operating in conjunction with any other antenna or transmitter.

Safety Notices

- Use this product in environments with ambient temperatures between 0°C(32°F) and 40°C(104°F).
- Refer to the rating label on the bottom of your product and ensure your power adapter complies with this rating.
- DO NOT place on uneven or unstable work surfaces. Seek servicing if the casing has been damaged.
- DO NOT place or drop objects on top and do not shove any foreign objects into the product.
- DO NOT expose to or use near liquids, rain, or moisture. DO NOT use the modem during electrical storms.
- DO NOT cover the vents on the product to prevent the system from getting overheated.
- DO NOT use damaged power cords, accessories, or other peripherals.
- If the Adapter is broken, do not try to fix it by yourself. Contact a qualified service technician or your retailer.
- To prevent electrical shock hazard, disconnect the power cable from the electrical outlet before relocating the system.

Safety Notices

- Utilisez ce produit dans un environnement dont la température ambiante est comprise entre 0°C (32°F) et 40°C (104°F).
- Référez-vous à l'étiquette située au dessous du produit pour vérifier que l'adaptateur secteur répond aux exigences de tension.
- NE PAS placer sur une surface irrégulière ou instable. Contactez le service après-vente si le châssis a été endommagé.
- NE PAS placer, faire tomber ou insérer d'objets sur/dans le produit.
- NE PAS exposer l'appareil à la pluie ou à l'humidité, tenez-le à distance des liquides. NE PAS utiliser le modem lors d'un orage.
- NE PAS bloquer les ouvertures destinées à la ventilation du système pour éviter que celui-ci ne surchauffe.

- NE PAS utiliser de cordons d'alimentation, d'accessoires ou autres périphériques endommagés.
- Si l'adaptateur est endommagé, n'essayez pas de le réparer vous-même. Contactez un technicien électrique qualifié ou votre revendeur.
- Pour éviter tout risque de choc électrique, débranchez le câble d'alimentation de la prise électrique avant de toucher au système.

Radiation Exposure Statement

Déclaration d'exposition aux radiations

This equipment complies with IC radiation exposure limits set forth for an uncontrolled environment. This equipment should be installed and operated with minimum distance 31 cm between the radiator & your body.

Cet équipement est conforme aux limites d'exposition aux rayonnements IC établies pour un environnement non contrôlé. Cet équipement doit être installé et utilisé avec un minimum de 31 cm de distance entre la source de rayonnement et votre corps.

This device contains licence-exempt transmitter(s)/receiver(s) that comply with Innovation, Science and Economic Development Canada's licence-exempt RSS(s). Operation is subject to the following two conditions:

- (1) This device may not cause interference.
- (2) This device must accept any interference, including interference that may cause undesired operation of the device.

Cet appareil contient des émetteurs / récepteurs exempts de licence qui sont conformes au (x) RSS (s) exemptés de licence d'Innovation, Sciences et Développement économique Canada. L'opération est soumise aux deux conditions suivantes:

- (1) Cet appareil ne doit pas provoquer d'interférences.*
- (2) Cet appareil doit accepter toute interférence, y compris les interférences susceptibles de provoquer un fonctionnement indésirable de l'appareil.*

This radio transmitter [IC: 3568A-RTHR00] has been approved by Innovation, Science and Economic Development Canada to operate with the antenna types listed below, with the maximum permissible gain indicated. Antenna types not included in this list that have a gain greater than the maximum gain indicated for any type listed are strictly prohibited for use with this device.

Le présent émetteur radio (IC: 3568A-RTHR00) a été approuvé par Innovation, Sciences et Développement économique Canada pour fonctionner avec les types d'antenne énumérés ci-dessous et ayant un gain admissible maximal d'antenne. Les types d'antennes non inclus dans cette liste qui ont un gain supérieur au gain maximal indiqué pour tout type listé sont strictement interdits pour une utilisation avec cet appareil.

Set	Ant.	Port				Brand	P/N	Type	Connector	Gain (dBi)			
		2.4 GHz	5GHz B1/B2	5GHz B3	5GHz B4					2.4 GHz	5GHz B1/B2	5GHz B3	5GHz B4
1	1	1	-	4	4	WHA YU	C660-510413-A	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	2	2	-	3	3	WHA YU	C660-510413-A	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	3	3	-	2	2	WHA YU	C660-510413-A	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	4	4	-	1	1	WHA YU	C660-510413-A	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	5	-	1	-	-	WHA YU	C660-510413-A	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
	6	-	2	-	-	WHA YU	C660-510413-A	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
	7	-	3	-	-	WHA YU	C660-510413-A	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
	8	-	4	-	-	WHA YU	C660-510413-A	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
2	1	1	-	4	4	WHA YU	C660-510431-A	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	2	2	-	3	3	WHA YU	C660-510431-A	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	3	3	-	2	2	WHA YU	C660-510431-A	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	4	4	-	1	1	WHA YU	C660-510431-A	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	5	-	1	-	-	WHA YU	C660-510431-A	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
	6	-	2	-	-	WHA YU	C660-510431-A	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
	7	-	3	-	-	WHA YU	C660-510431-A	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
	8	-	4	-	-	WHA YU	C660-510431-A	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
3	1	1	-	4	4	PSA	RFDPA161000 SBLB801	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	2	2	-	-	3	PSA	RFDPA161000 SBLB801	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	3	3	-	2	2	PSA	RFDPA161000 SBLB801	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	4	4	-	1	1	PSA	RFDPA161000 SBLB801	Dipole	Reverse SMA Plug	1.9	-	2.3	1.9
	5	-	1	-	-	PSA	RFDPA161000 SBLB801	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
	6	-	2	-	-	PSA	RFDPA161000 SBLB801	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
	7	-	3	-	-	PSA	RFDPA161000 SBLB801	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-
	8	-	4	-	-	PSA	RFDPA161000 SBLB801	Dipole	Reverse SMA Plug	-	2.3	-	-

Dynamic Frequency Selection (DFS) for devices operating in the bands 5250- 5350 MHz, 5470-5600 MHz and 5650-5725 MHz.

Sélection dynamique de fréquences (DFS) pour les dispositifs fonctionnant dans les bandes 5250-5350 MHz, 5470-5600 MHz et 5650-5725 MHz.

The device for operation in the band 5150–5250 MHz is only for indoor use to reduce the potential for harmful interference to co-channel mobile satellite systems.

les dispositifs fonctionnant dans la bande 5150-5250 MHz sont réservés uniquement pour une

utilisation à l'intérieur afin de réduire les risques de brouillage préjudiciable aux systèmes de satellites mobiles utilisant les mêmes canaux.

The maximum antenna gain permitted for devices in the bands 5250-5350 MHz and 5470-5725 MHz shall be such that the equipment still complies with the e.i.r.p. limit.

le gain maximal d'antenne permis pour les dispositifs utilisant les bandes 5250-5350 MHz et 5470-5725 MHz doit se conformer à la limite de p.i.e.

The maximum antenna gain permitted for devices in the band 5725-5850 MHz shall be such that the equipment still complies with the e.i.r.p. limits specified for point-to-point and non-point-to-point operation as appropriate.

le gain maximal d'antenne permis (pour les dispositifs utilisant la bande 5725-5850 MHz) doit se conformer à la limite de p.i.e. spécifiée pour l'exploitation point à point et non point à point, selon le cas.

For indoor use only.

Pour une utilisation en intérieur uniquement.

IMPORTANT NOTE:

IC Radiation Exposure Statement:

This equipment complies with IC RSS-102 radiation exposure limits set forth for an uncontrolled environment. This equipment should be installed and operated with minimum distance 31 cm between the radiator & your body.

Cet équipement est conforme aux limites d'exposition aux rayonnements IC établies pour un environnement non contrôlé. Cet équipement doit être installé et utilisé avec un minimum de 31 cm de distance entre la source de rayonnement et votre corps.

VCCI: Japan Compliance Statement

この装置は、情報処理装置等電波障害自主規制協議会（V C C I）の基準に基づくクラスB情報技術装置です。この装置は、家庭環境で使用することを目的としていますが、ラジオやテレビジョン受信機に近接して使用されると、受信障害を引き起こすことがあります。

取扱説明書に従って正しい取り扱いをして下さい。

5.3GHz帯*W53 (5,250-5,350MHz)は屋内利用に限定されています。

KC: Korea Warning Statement

B급 기기 (가정용 방송통신기자재)	이 기기는 가정용(B급)으로 전자파적합등록을 한 기기로서 주로 가정에서 사용하는 것을 목적으로 하며, 모든 지역에서 사용할 수 있습니다.
Class B equipment (For Home Use Broadcasting & Communication Equipment)	This equipment is home use (Class B) electromagnetic wave suitability and to be used mainly at home and it can be used in all areas.

NCC 警語

經型式認證合格之低功率射頻電機，非經許可，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。

低功率射頻電機之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。

前項合法通信，指依電信法規定作業之無線電通信。

低功率射頻電機須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

「產品之限用物質含有情況」之相關資訊 請參考下表：

單元	限用物質及其化學符號					
	鉛 (Pb)	汞 (Hg)	鎘 (Cd)	六價鉻 (Cr ⁶⁺)	多溴聯苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
印刷電路板及電子組件	-	○	○	○	○	○
結構組件(金屬/塑膠)	○	○	○	○	○	○
其他組件(如天線/指示燈/連接線)	○	○	○	○	○	○
其他及其配件(如電源供應器)	-	○	○	○	○	○

備考1. “○” 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。
備考2. “-” 係指該項限用物質為排除項目。

DFS 警語

操作在5.15-5.35/5.47-5.85GHz之無線資訊傳輸設備(802.11a/ac產品) 應避免影響附近雷達系統之操作。

MPE

本產品電磁波曝露量(MPE)標準值 $1\text{mW}/\text{cm}^2$ 送測產品實測值為 XXXmW/cm^2 ，建議使用時至少距離人體 XXcm 。

安全說明：

- 請在溫度為 0°C (32°F) 至 40°C (104°F) 之間的環境中使用本產品。
- 請依照產品上的電源功率貼紙說明使用正確的電源變壓器，如果使用錯誤規格的電源變壓器有可能會造成內部零件的損毀。
- 請勿將產品放置於不平坦或不穩定的表面，若產品的機殼毀損，請聯絡維修服務人員。
- 請勿在產品上放置其他物品，請勿將任何物品塞入產品內，以避免引起元件短路或電路損毀。
- 請保持機器在乾燥的環境下使用，雨水、溼氣、液體等含有礦物質將會腐蝕電子線路，請勿在雷電天氣下使用數據機。
- 請勿堵塞產品的通風孔，以避免因散熱不良而導致系統過熱。
- 請勿使用破損的電源線、附件或其他周邊產品。
- 如果電源已毀損，請不要嘗試自行修復，請將其交給專業技術服務人員或經銷商來處理。
- 為了防止電擊風險，在搬動主機之前，請先將電源線插頭暫時從電源插座上拔除。



电子电气产品有害物质限制使用标识要求：图中之数字为产品之环保使用期限。仅指电子电气产品中含有的有害物质不致发生外泄或突变从而对环境造成污染或对人身、财产造成严重损害的期限。

产品中有害物质的名称及含量

部件名称	有害物质					
	铅(Pb)	汞(Hg)	镉(Cd)	六价铬(Cr(VI))	多溴联苯(PBB)	多溴二苯醚(PBDE)
印刷电路板及其电子组件	×	○	○	○	○	○
外壳	○	○	○	○	○	○
电源适配器	×	○	○	○	○	○
外部信号连接头及线材	×	○	○	○	○	○
中央处理器与内存	×	○	○	○	○	○

本表格依据 SJ/T 11364 的规定编制。

○：表示该有害物质在该部件所有均质材料中的含量均在 GB/T 26572 规定的限量要求以下。

×：表示该有害物质至少在该部件的某一均质材料中的含量超出 GB/T 26572 规定的限量要求，然该部件仍符合欧盟指令 2011/65/EU 的规范。

备注：此产品所标示之环保使用期限，系指在一般正常使用状况下。

安全说明：

- 请在温度为 0° C (32° F) 至 40° C (104° F) 之间的环境中使用本产品。
- 请依照产品上的电源功率贴纸说明使用正确的电源适配器，如果试用错误规格的电源适配器可能会造成内部零件的损坏。
- 请勿将产品放置于不平坦或不稳定的表面，若产品的外壳损坏，请联系维修服务人员。
- 请勿在产品上放置其他物品，请勿将任何物品塞入产品内，以避免引起组件短路或电路损坏。
- 请保持机器在干燥的环境下使用，雨水、湿气、液体等含有矿物质会腐蚀电子线路，请勿在雷电天气下使用调制解调器。
- 请勿堵塞产品的通风孔，以避免因散热不良而导致系统过热。
- 请勿使用破损的电源线、附件或其他周边产品。
- 如果电源已损坏，请不要尝试自行修复，请将其交给专业技术服务人员或经销商来处理。
- 为了防止电击风险，在搬动主机前，请先将电源线插头暂时从电源插座上拔除。



UA.TR.028

Precautions for the use of the device

- a. Pay particular attention to the personal safety when use this device in airports, hospitals, gas stations and professional garages.
- b. Medical device interference: Maintain a minimum distance of at least 15 cm (6 inches) between implanted medical devices and ASUS products in order to reduce the risk of interference.
- c. Kindly use ASUS products in good reception conditions in order to minimize the radiation's level.
- d. Keep the device away from pregnant women and the lower abdomen of the teenager.

Précautions d'emploi de l'appareil

- a. Soyez particulièrement vigilant quant à votre sécurité lors de l'utilisation de cet appareil dans certains lieux (les avions, les aéroports, les hôpitaux, les stations-service et les garages professionnels).
- b. Évitez d'utiliser cet appareil à proximité de dispositifs médicaux implantés. Si vous portez un implant électronique (stimulateurs cardiaques, pompes à insuline, neurostimulateurs...), veuillez impérativement respecter une distance minimale de 15 centimètres entre cet appareil et votre corps pour réduire les risques d'interférence.
- c. Utilisez cet appareil dans de bonnes conditions de réception pour minimiser le niveau de rayonnement. Ce n'est pas toujours le cas dans certaines zones ou situations, notamment dans les parkings souterrains, dans les ascenseurs, en train ou en voiture ou tout simplement dans un secteur mal couvert par le réseau.
- d. Tenez cet appareil à distance des femmes enceintes et du bas-ventre des adolescents.

Условия эксплуатации:

- Температура эксплуатации устройства: 0-40 °С. Не используйте устройство в условиях экстремально высоких или низких температур.
- Не размещайте устройство вблизи источников тепла, например, рядом с микроволновой печью, духовым шкафом или радиатором.
- Использование несовместимого или несертифицированного адаптера питания может привести к возгоранию, взрыву и прочим опасным последствиям.
- При подключении к сети электропитания устройство следует располагать близко к розетке, к ней должен осуществляться беспрепятственный доступ.
- Утилизация устройства осуществляется в соответствии с местными законами и положениями. Устройство по окончании срока службы должны быть переданы в сертифицированный пункт сбора для вторичной переработки или правильной утилизации.
- Данное устройство не предназначено для детей. Дети могут пользоваться устройством только в присутствии взрослых.
- Не выбрасывайте устройство и его комплектующие вместе с обычными бытовыми отходами.



India RoHS

This product complies with the "India E-Waste (Management) Rules, 2016" and prohibits use of lead, mercury, hexavalent chromium, polybrominated biphenyls (PBBs) and polybrominated diphenyl ethers (PBDEs) in concentrations exceeding 0.1 % by weight in homogenous materials and 0.01 % by weight in homogenous materials for cadmium, except for the exemptions listed in Schedule II of the Rule.

הוראות בטיחות לשימוש במוצר

יש לפעול ע"פ כללי הבטיחות הבאים בעת שימוש במוצר:

- ודא שלמות ותקינות התקע ו/או כבל החשמל.
 - אין להכניס או להוציא את התקע מרשת החשמל בידיים רטובות.
 - באם המוצר מופעל ע"י מטען חיצוני, אין לפתוח את המטען, במקרה של בעיה כלשהי, יש לפנות למעבדת השירות הקרובה.
 - יש להרחיק את המוצר והמטען מנוזלים.
 - במקרה של ריח מוזר, רעשים שמקורם במוצר ו/או במטען/ספק כוח, יש לנתקו מיידית מרשת החשמל ולפנות למעבדת שירות.
 - המוצר והמטען/ספק כוח מיועד לשימוש בתוך המבנה בלבד, לא לשימוש חיצוני ולא לשימוש בסביבה לחה.
 - אין לחתוך, לשבור, ולעקם את כבל החשמל.
 - אין להניח חפצים על כבל החשמל או להניח לו להתחמם יתר על המידה, שכן הדבר עלול לגרום לנזק, דליקה או התחשמלות.
 - לפני ניקוי המוצר ו/או המטען יש לנתקו מרשת החשמל.
 - יש לאפשר גישה נוחה לחיבור וניתוק פתיל הזינה מרשת החשמל
 - יש להקפיד ולתחזק את התקן הניתוק במצב תפעולי מוכן לשימוש
- אזהרה:
- אין להחליף את כבל הזינה בתחליפים לא מקוריים, חיבור לקוי עלול לגרום להתחשמלות המשתמש.
 - בשימוש על כבל מאריך יש לוודא תקינות מוליך הארקה שבכבל.

AEEE Yönetmeliğine Uygunudur. IEEE Yönetmeliğine Uygunudur.

- Bu Cihaz Türkiye analog şebekelerde çalışabilecek şekilde tasarlanmıştır.
- Cihazın ayrıntılı kurulum rehberi kutu içeriğinden çıkan CD içerisindedir. Cihazın kullanıcı arayüzü Türkçe'dir.
- Cihazın kullanılması planlanan ülkelerde herhangi bir kısıtlaması yoktur. Ülkeler simgeler halinde kutu üzerinde belirtilmiştir.



Manufacturer	ASUSTeK Computer Inc. Tel: +886-2-2894-3447 Address: 4F, No. 150, LI-TE RD., PEITOU, TAIPEI 112, TAIWAN
Authorised representative in Europe	ASUS Computer GmbH Address: HARKORT STR. 21-23, 40880 RATINGEN, GERMANY
Authorised distributors in Turkey	BOGAZICI BILGISAYAR TICARET VE SANAYI A.S. Tel./FAX No.: +90 212 331 10 00 / +90 212 332 28 90 Address: ESENTEPE MAH. BUYUKDERE CAD. ERCAN HAN B BLOK NO.121 SISLI, ISTANBUL 34394 CIZGI Elektronik San. Tic. Ltd. Sti. Tel./FAX No.: +90 212 356 70 70 / +90 212 356 70 69 Address: GURSEL MAH. AKMAN SK.47B 1 KAGITHANE/ ISTANBUL KOYUNCU ELEKTRONİK BİLGİ İŞLEM SİST. SAN. VE DİŞ TIC. A.S. Tel. No.: +90 216 5288888 Address: EMEK MAH.ORDU CAD. NO:18, SARIGAZI, SANCAKTEPE ISTANBUL ENDEKS BİLİŞİM SAN VE DİŞ TIC LTD ŞTİ Tel./FAX No.: +90 216 523 35 70 / +90 216 523 35 71 Address: NECİP FAZİL BULVARI, KEYAP CARSI SITESİ, G1 BLOK, NO:115 Y.DUDULLU, UMRANIYE, ISTANBUL PENTA TEKNOLOJİ URUNLERİ DAGITIM TICARET A.S Tel./FAX No.: +90 216 528 0000 Address: ORGANİZE SANAYİ BOLGESİ NATO YOLU 4.CADDE NO:1 UMRANIYE, ISTANBUL 34775

Thông tin liên hệ ASUS

ASUSTeK COMPUTER INC. (Châu Á-Thái Bình Dương)

Địa chỉ 15 Li-Te Road, Peitou, Taipei, Taiwan 11259
Trang web www.asus.com.tw

Hỗ trợ kỹ thuật

Điện thoại +886228943447
Fax hỗ trợ +886228907698
Hỗ trợ trực tuyến <https://www.asus.com/support>

ASUS COMPUTER INTERNATIONAL (Mỹ)

Địa chỉ 48720 Kato Rd., Fremont, CA 94538, USA
Điện thoại +15107393777
Fax +15106084555
Trang web usa.asus.com
Hỗ trợ trực tuyến <https://www.asus.com/support>

ASUS COMPUTER GmbH (Đức và Áo)

Địa chỉ Harkort Str. 21-23, D-40880 Ratingen, Germany
Fax hỗ trợ +49-2102-959931
Trang web asus.com/de
Liên hệ trực tuyến eu-rma.asus.com/sales

Hỗ trợ kỹ thuật

Điện thoại (Vé Phụ kiện) +49-2102-5789555
Điện thoại ở Đức
(Hệ thống/Máy tính xách tay/Eee/Màn hình LCD) +49-2102-5789557
Điện thoại ở Áo
(Hệ thống/Máy tính xách tay/Eee/Màn hình LCD) +43-820-240513
Fax hỗ trợ +49-2102-959911
Hỗ trợ trực tuyến <https://www.asus.com/support>

Thông tin Đường dây Nóng Toàn cầu về Mạng

Region	Country	Hotline Number	Service Hours	
Europe	Cyprus	800-92491	09:00-13:00 ; 14:00-18:00 Mon-Fri	
	France	0033-170949400	09:00-18:00 Mon-Fri	
	Germany		0049-1805010920	
			0049-1805010923	09:00-18:00 Mon-Fri
			(component support) 0049-2102959911 (Fax)	10:00-17:00 Mon-Fri
	Hungary	0036-15054561	09:00-17:30 Mon-Fri	
	Italy	199-400089	09:00-13:00 ; 14:00-18:00 Mon-Fri	
	Greece	00800-44142044	09:00-13:00 ; 14:00-18:00 Mon-Fri	
	Austria	0043-820240513	09:00-18:00 Mon-Fri	
	Netherlands/ Luxembourg	0031-591570290	09:00-17:00 Mon-Fri	
	Belgium	0032-78150231	09:00-17:00 Mon-Fri	
	Norway	0047-2316-2682	09:00-18:00 Mon-Fri	
	Sweden	0046-858769407	09:00-18:00 Mon-Fri	
	Finland	00358-969379690	10:00-19:00 Mon-Fri	
	Denmark	0045-38322943	09:00-18:00 Mon-Fri	
	Poland	0048-225718040	08:30-17:30 Mon-Fri	
	Spain	0034-902889688	09:00-18:00 Mon-Fri	
	Portugal	00351-707500310	09:00-18:00 Mon-Fri	
	Slovak Republic	00421-232162621	08:00-17:00 Mon-Fri	
	Czech Republic	00420-596766888	08:00-17:00 Mon-Fri	
	Switzerland-German	0041-848111010	09:00-18:00 Mon-Fri	
	Switzerland-French	0041-848111014	09:00-18:00 Mon-Fri	
	Switzerland-Italian	0041-848111012	09:00-18:00 Mon-Fri	
United Kingdom	0044-1442265548	09:00-17:00 Mon-Fri		
Ireland	0035-31890719918	09:00-17:00 Mon-Fri		
Russia and CIS	008-800-100-ASUS	09:00-18:00 Mon-Fri		
Ukraine	0038-0445457727	09:00-18:00 Mon-Fri		

Thông tin Đường dây Nóng Toàn cầu về Mạng

Region	Country	Hotline Numbers	Service Hours
Asia-Pacific	Australia	1300-278788	09:00-18:00 Mon-Fri
	New Zealand	0800-278788	09:00-18:00 Mon-Fri
	Japan	0800-1232787	09:00-19:00 Mon-Sun
		0081-570783886 (Non-Toll Free)	09:00-19:00 Mon-Sun
	Korea	0082-215666868	09:30-17:00 Mon-Fri
	Thailand	0066-24011717	09:00-18:00 Mon-Fri
		1800-8525201	
	Singapore	0065-64157917	11:00-19:00 Mon-Fri
		0065-67203835	11:00-19:00 Mon-Fri
		(Repair Status Only)	11:00-13:00 Sat
	Malaysia	1300-88-3495	9:00-18:00 Mon-Fri
	Philippine	1800-18550163	09:00-18:00 Mon-Fri
	India	1800-2090365	09:00-18:00 Mon-Sat
	India(WL/NW)		09:00-21:00 Mon-Sun
Indonesia	0062-2129495000	09:30-17:00 Mon-Fri	
	500128 (Local Only)	9:30 – 12:00 Sat	
Vietnam	1900-555581	08:00-12:00 13:30-17:30 Mon-Sat	
Hong Kong	00852-35824770	10:00-19:00 Mon-Sat	
Americas	USA	1-812-282-2787	8:30-12:00 EST Mon-Fri
	Canada		9:00-18:00 EST Sat-Sun
	Mexico	001-8008367847	08:00-20:00 CST Mon-Fri 08:00-15:00 CST Sat

Thông tin Đường dây Nóng Toàn cầu về Mạng

Region	Country	Hotline Numbers	Service Hours
Middle East + Africa	Egypt	800-2787349	09:00-18:00 Sun-Thu
	Saudi Arabia	800-1212787	09:00-18:00 Sat-Wed
	UAE	00971-42958941	09:00-18:00 Sun-Thu
	Turkey	0090-2165243000	09:00-18:00 Mon-Fri
	South Africa	0861-278772	08:00-17:00 Mon-Fri
	Israel	*6557/00972-39142800 *9770/00972-35598555	08:00-17:00 Sun-Thu 08:30-17:30 Sun-Thu
Balkan Countries	Romania	0040-213301786	09:00-18:30 Mon-Fri
	Bosnia Herzegovina	00387-33773163	09:00-17:00 Mon-Fri
	Bulgaria	00359-70014411	09:30-18:30 Mon-Fri
		00359-29889170	09:30-18:00 Mon-Fri
	Croatia	00385-16401111	09:00-17:00 Mon-Fri
	Montenegro	00382-20608251	09:00-17:00 Mon-Fri
	Serbia	00381-112070677	09:00-17:00 Mon-Fri
	Slovenia	00368-59045400	08:00-16:00 Mon-Fri
00368-59045401			
Baltic Countries	Estonia	00372-6671796	09:00-18:00 Mon-Fri
	Latvia	00371-67408838	09:00-18:00 Mon-Fri
	Lithuania-Kaunas	00370-37329000	09:00-18:00 Mon-Fri
	Lithuania-Vilnius	00370-522101160	09:00-18:00 Mon-Fri

LƯU Ý: Để biết thêm thông tin, truy cập trang web hỗ trợ ASUS tại:
<https://www.asus.com/support>

Nhà sản xuất:	ASUSTeK Computer Inc.	
	Điện thoại:	+886-2-2894-3447
	Địa chỉ:	4F, No. 150, LI-TE RD., PEITOU, TAIPEI 112, TAIWAN
Đại diện ủy quyền tại châu Âu:	ASUS Computer GmbH	
	Địa chỉ:	HARKORT STR. 21-23, 40880 RATINGEN, GERMANY

English

CE statement

Simplified EU Declaration of Conformity

ASUSTek Computer Inc. hereby declares that this device is in compliance with the essential requirements and other relevant provisions of Directive 2014/53/EU. Full text of EU declaration of conformity is available at https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Declaration of Conformity for Ecodesign directive 2009/125/EC

Testing for eco-design requirements according to (EC) No 1275/2008 and (EU) No 801/2013 has been conducted. When the device is in Networked Standby Mode, its I/O and network interface are in sleep mode and may not work properly. To wake up the device, press the Wi-Fi on/off, LED on/off, reset, or WPS button.

This equipment complies with EU radiation exposure limits set forth for an uncontrolled environment. This equipment should be installed and operated with minimum distance 20 cm between the radiator & your body.

All operational modes:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

The frequency, mode and the maximum transmitted power in EU are listed below:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

The device is restricted to indoor use only when operating in the 5150 to 5350 MHz frequency range.

The adapter shall be installed near the equipment and shall be easily accessible.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Use this product in environments with ambient temperatures between 0°C(32°F) and 40°C(104°F).
- Refer to the rating label on the bottom of your product and ensure your power adapter complies with this rating.
- DO NOT place on uneven or unstable work surfaces. Seek servicing if the casing has been damaged.
- DO NOT place or drop objects on top and do not shove any foreign objects into the product.
- DO NOT expose to or use near liquids, rain, or moisture. DO NOT use the modem during electrical storms.
- DO NOT cover the vents on the product to prevent the system from getting overheated.
- DO NOT use damaged power cords, accessories, or other peripherals.
- If the Adapter is broken, do not try to fix it by yourself. Contact a qualified service technician or your retailer.
- To prevent electrical shock hazard, disconnect the power cable from the electrical outlet before relocating the system.

Bulgarian

CE statement

Опростена декларация за съответствие на ЕС

С настоящото ASUSTeK Computer Inc. декларира, че това устройство е в съответствие със съществените изисквания и другите приложими постановления на Директива 2014/53/ЕС. Пълният текст на декларацията за съответствие на ЕС е достъпен на адрес https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Декларация за съответствие за Директива за екодизайна 2009/125/ЕО

Проведени са тестове за съвместимост с изискванията за екодизайн съгласно (ЕО) No. 1275/2008 и (ЕС) No. 801/2013. Когато устройството е в Networked Standby Mode (Режим на готовност на мрежа), I/O и мрежовият интерфейс са в спящ режим и може да не работят както трябва. За да събудите устройството, натиснете Wi-Fi on/off (Wi-Fi вкл./изкл.), LED on/off (LED вкл./изкл.), reset (нулиране) или бутон WPS.

Това устройство е в съответствие с границите за радиочестотно облъчване, установени от ЕС за неконтролирана среда. Това оборудване трябва да се инсталира и използва при разстояние най-малко 20 cm 20 cm между излъчващото тяло и човешкото тяло.

Всички режими на работа:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

По-долу са посочени честотата, режимът и максималното предавано захранване в ЕС.

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Устройството е ограничено за използване в помещения единствено, когато оперира в честотен диапазон от 5150 до 5350 MHz.

Адаптерът трябва да се намира в близост до оборудването и да бъде лесно достъпен.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Използвайте този продукт при температура на околната среда от 0°C (32°F) до 40°C (104°F).
- Вижте етикета на долната страна на Вашия продукт и се уверете, че Вашият адаптер отговаря на изискванията.
- НЕ поставяйте върху неравни или нестабилни работни повърхности. Обърнете се към сервиз, ако корпусът се повреди.
- НЕ поставяйте, не пускайте отгоре и не пхайте никакви чужди предмети в продукта.
- НЕ излагайте на и не използвайте в близост до течности, дъжд или влага. НЕ използвайте модема по време на гръмотевични бури.
- НЕ покривайте вентилационните отвори на продукта, за да предотвратите прегряване на системата.
- НЕ използвайте повредени захранващи кабели, аксесоари или други периферни устройства.
- Ако адаптерът е повреден, не се опитвайте да го ремонтирате сами. Свържете се с квалифициран техник или с Вашия доставчик.
- За да избегнете риск от токов удар, изключете захранващия кабел от електрическата мрежа преди да преместите системата.

Croatian CE statement

Pojednostavljena EU Izjava o sukladnosti

ASUSTek Computer Inc. ovime izjavljuje da je uređaj sukladan s osnovnim zahtjevima i ostalim važnim odredbama direktive 2014/53/EU. Cijeli tekst EU izjave o sukladnosti dostupan je na https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Izjava o sukladnosti za direktivu o ekodizajnu 2009/125/EZ

Provedeno je testiranje zahtjeva na ekodizajn u skladu s (EC) No 1275/2008 i (EU) No 801/2013. Kada je uređaj u umreženom načinu mirovanja, njegovi ulazi/izlazi i mrežno sučelje su također u načinu mirovanja i možda neće ispravno raditi. Za pokretanje uređaja pritisnite tipku za uključivanje/isključivanje Wi-Fi uređaja, uključivanje/isključivanje LED-a, ponovno postavljanje ili gumb za WPS.

Ova oprema sukladna je EU ograničenjima o izloženosti zračenju u nekontroliranom okruženju. Ovaj uređaj se mora postaviti i koristiti na minimalnoj udaljenosti od 20 cm između radijatora i vašeg tijela.

Svi načini rada:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

U nastavku su navedeni frekvencija, način rada i maksimalna emitirana snaga u EU:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCS0): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCS0): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCS0): 27.48 dBm

Uređaj je ograničen na uporabu u zatvorenim prostorima samo pri radu u frekvencijskom rasponu od 5150 do 5350 MHz.

Adapter se mora instalirati blizu uređaja i mora biti lako dostupan.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Ovaj proizvod koristite u okruženjima s temperaturom okruženja između 0 °C (32 °F) i 40 °C (104 °F).
- Pogledajte nazivnu oznaku na donjem dijelu proizvoda kako biste provjerili je li adapter sukladan.
- NE postavljajte uređaj na neravne i nestabilne radne površine. U slučaju oštećenja kućišta, zatražite pomoć serviseru.
- NEMOJTE postavljati ili spuštati predmete na gornji dio uređaja i nemojte umetati strane predmete u proizvod.
- NE izlažite i ne upotrebljavajte uređaj u blizini tekućina, kiše ili vlage. NEMOJTE koristiti modem tijekom električne oluje.
- NEMOJTE prekrivati ​​otvore na proizvodu kako ne biste uzrokovali pregrijavanje sustava.
- Nemojte koristiti oštećene kabele za napajanje, dodatnu opremu i ostale vanjske uređaje.
- Ako je adapter oštećen, nemojte ga popravljati sami. Obratite se kvalificiranom servisnom tehničaru ili dobavljaču.
- Kako biste spriječili opasnost od električnog udara, iskopčajte kabel iz električne utičnice prije premještanja sustava.

Czech CE statement

Zjednodušené prohlášení o shodě s EU

Společnost ASUSTek Computer Inc. tímto prohlašuje, že toto zařízení splňuje základní požadavky a další příslušná ustanovení směrnice 2014/53/EU. Plné znění prohlášení o shodě EU je k dispozici na adrese https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Prohlášení o shodě se směrnicí o ekodesignu 2009/125/ES

Bylo provedeno testování požadavků na ekodesign podle směrnice (ES) č. 1275/2008 a (EU) č. 801/2013. Když se toto zařízení nachází v pohotovostním síťovém režimu, jeho vstupy/výstupy a síťové rozhraní jsou v režimu spánku a nemusí fungovat správně. Zařízení lze probudit vypínačem Wi-Fi, vypínačem LED, resetovacím tlačítkem nebo tlačítkem WPS.

Toto zařízení vyhovuje limitům EU pro vystavení vyzařování stanoveným pro neřízené prostředí. Toto zařízení musí být nainstalováno a provozováno v minimální vzdálenosti 20 cm mezi zářičem a vaším tělem. Všechny provozní režimy:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Níže je uvedena frekvence, režim a maximální vysílaný výkon v EU:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Při provozu ve frekvenčním rozsahu 5 150 až 5 350 MHz je používání tohoto zařízení omezeno pouze na vnitřní prostory.

Používaný adaptér se musí nacházet v blízkosti zařízení a musí být snadno přístupný.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Počítač používejte jen při teplotě okolí 0 °C (32 °F) až 40 °C (104 °F).
- Informace naleznete na energetickém štítku na spodní straně vašeho produktu. Ujistěte se, že napájecí adaptér je v souladu s hodnotou na něm uvedenou.
- NEPOKLÁDEJTE na nerovné ani nestabilní pracovní povrchy. Pokud je skříň počítače poškozená, vyhledejte opravnu.
- NEDÁVEJTE ani neupouštějte předměty na horní stranu produktu ani do něj nezastrkujte žádné cizí objekty.
- NEVYSTAVUJTE ani nepoužívejte blízko tekutin, deště nebo vlhkosti. NEPOUŽÍVEJTE modem během bouřek.
- NEZAKRÝVEJTE otvory na produktu, které mají zabránit přehřátí systému.
- NEPOUŽÍVEJTE poškozené napájecí kabely, doplňky ani jiné periférie.
- Pokud je napájecí zdroj porouchaný, nepokoušejte se jej opravovat. Kontaktujte kvalifikovaného servisního technika nebo prodejce.
- Aby nedošlo k zásahu elektrickým proudem, odpojte napájecí kabel z elektrické zásuvky před přemístěním počítače.

Estonian CE statement

Lihtsustatud ELi vastavusdeklaratsioon

Käesolevaga kinnitab ASUSTek Computer Inc., et see seade on vastavuses direktiivi 2014/53/EL oluliste nõuete ja teiste asjakohaste sätetega. ELi vastavusdeklaratsiooni täielik tekst on saadaval aadressil https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Vastavuse kinnitus ökodisaini direktiivile 2009/125/EÜ

Ökodisaini erinõuetele vastavust testiti kooskõlas määruste (EÜ) nr 1275/2008 ja (EÜ) nr 801/2013 nõuetega. Kui seade on võrku ühendatud ooterežiimis, on selle I/O ja võrguliides unerežiimis ning seetõttu on võimalik, et seade ei toimi nõuetekohaselt. Seadme äratamiseks vajutage Wi-Fi on/off-nuppu, LED on/off-nuppu, lähtestusnuppu või WPS nuppu.

Käesolev seade vastab kontrollimata keskkonnale sätetatud ELi kiirgusnormidele. Antud seadme paigaldamisel ja kasutamisel tuleb arvestada, et see peab jääma radiaatorist ja teie kehast vähemalt 20 cm kaugusele.

Kõik töörežiimid:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Teave sageduse, režiimi ja maksimaalse edastatava võimsuse kohta ELis on esitatud allpool:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCS0): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCS0): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCS0): 27.48 dBm

Seadet tuleb kasutada ainult sisetingimustes sagedusvahemikus 5150 MHz kuni 5350 MHz.

Adapter tuleb paigaldada seadme lähedusse, kus see on hõlpsalt kättesaadav.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Seda seadet võib kasutada ümbritseva keskkonna temperatuuril 0 °C (32 °F) kuni 40 °C (104 °F).
- Vaadake seadme põhjal asuvat silti ja veenduge, et teie toiteadapter vastab toitepingele.
- ÄRGE asetage ebaühtlasele või ebastabiilsele pinnale. Kui aku ümbris on kahjustada saanud, pöörduge teenindusse.
- ÄRGE pange või laske kukkuda mingeid esemeid seadme peale ja ärge torgake midagi seadme sisse.
- ÄRGE kasutage seadet vihma käes ega vedelike ja niiskuse lähedal. ÄRGE kasutage modemit äikese ajal.
- ÄRGE katke kinni seadme õhutusavasid, et vältida selle ülekuumenemist.
- ÄRGE kasutage kahjustunud toitejuhtmeid, lisa- ega välisseadmeid.
- Kui toiteadapter on rikkis, siis ärge püüdke seda ise parandada. Võtke ühendust kvalifitseeritud hooldustehnikuga või jaemüüjaga.
- Elektrilõõgi ohu vältimiseks ühendage toitekaabel pistikupesast lahti enne, kui süsteemi ümber paigutate.

Hungarian

CE statement

Egyszerűsített EU-megfelelőségi nyilatkozat

Az ASUSTek Computer Inc. ezennel kijelenti, hogy ez a készülék megfelel a 2014/53/EU irányelv alapvető követelményeinek és egyéb vonatkozó rendelkezéseinek. Az EU-megfelelőségi nyilatkozat teljes szövegét a következő weboldalon tekintheti meg: https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Megfelelőségi nyilatkozat a környezettudatos tervezésről szóló 2009/125/EK irányelvhez

A környezettudatos tervezés követelményeit illetően tesztelést végeztünk az (EK) 1275/2008 és (EU) 801/2013 előírásai szerint. Ha a készülék hálózati készenléti üzemmódba van állítva, akkor az I/O és a hálózati csatló alvó üzemmódba kerül, és elképzelhető, hogy nem működik megfelelően. A készülék felébresztéséhez nyomja meg a Wi-Fi vagy a LED főkapcsolóját, a reset gombot vagy a WPS gombot.

Ez a berendezés megfelel az Európai Unió rádiófrekvenciás sugárzásra vonatkozó, ellenőrzetlen környezethez megállapított határértékeinek. A készülék telepítésekor és használata során legalább 20 cm távolságot kell hagyni a fűtőtest és a teste között.

Minden működési üzemmód:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Az alábbiakban megtekintheti az Európai Unióban érvényes frekvenciát, üzemmódot és maximális átviteli teljesítményt:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Az 5150 és 5350 MHz közötti frekvenciatartományban a készülék beltéri használatra van korlátozva.

Az adaptert a berendezés közelében kell telepíteni, és egyszerűen elérhetővé kell tenni.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- A terméket 0°C (32°F) és 40°C (104°F) közötti hőmérsékleten használja.
- Tekintse meg a termék alján lévő minősítési címkét, és ellenőrizze, hogy a hálózati adapter megfelel a minősítésnek.
- NE tegye a számítógépet labilis, vagy egyenetlen felületre. A sérült burkolatot javíttassa meg.
- NE helyezzen és NE ejtsen tárgyakat a készülék tetejére, és ne dugjon idegen tárgyakat a belsejébe.
- NE tegye ki folyadéknak, esőnek vagy nedvességnek, vagy használja azok közelében. NE használja a modemet villámás közben.
- NE fedje be a készüléken lévő szellőzőnyílásokat, nehogy túlmelegedjen a rendszer.
- NE használjon sérült tápkábel, kiegészítőt vagy más perifériát.
- Ha a tápegység elromlik, ne kísérelje meg saját maga megjavítani. Forduljon szakemberhez vagy a termék viszonteladójához.
- Az áramütés elkerülése érdekében húzza ki a berendezés tápkábelét a konnektorból, mielőtt áthelyezné a rendszert.

Latvian CE statement

Vienkāršots ES paziņojums par atbilstību

Ar šo ASUSTek Computer Inc. paziņo, ka šī ierīce atbilst Direktīvas Nr. 2014/53/ES būtiskām prasībām un citiem attiecīgiem noteikumiem. Pilns ES atbilstības paziņojuma teksts ir pieejams šeit: https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Atbilstības paziņojums ekodizaina Direktīvai Nr. 2009/125/EK

Veikta ekodizaina prasību pārbaude saskaņā ar Komisijas Regulu (EK) Nr. 1275/2008 un Komisijas Regulu (ES) Nr. 801/2013. Ja ierīce ir tīkla gaidstāves režīmā, tās I/O (ievade/izvade) un tīkla interfeiss ir miega režīmā un var nedarboties pareizi. Lai aktivizētu ierīci, nospiediet pogu Wi-Fi on/off (Wi-Fi ieslēgts/izslēgts), LED on/off (LED ieslēgts/izslēgts), reset (atiestatīt) vai WPS.

Šī ierīce atbilst ES radiācijas iedarbības ierobežojumiem, kas noteikti videi, kur šī iedarbība netiek kontrolēta. Šī ierīce ir jāuzstāda un jādarbina, ievērojot minimālo attālumu 20 cm starp radiatoru un ķermeni.

Visi darbības režīmi:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Frekvence, režīms un maksimālā pārraidītā jauda ES ir norādīta tālāk.

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Šī ierīce, darbojoties no 5150 MHz līdz 5350 MHz frekvences diapazonā, paredzēta tikai lietošanai iekšējā telpā.

Adapterim ir jābūt novietotam ierīces tuvumā un viegli pieejamam.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Lietojiet šo ierīci tikai vietās, kur apkārtējā temperatūra ir no 0°C (32°F) līdz 40°C (104°F).
- Skatiet strāvas parametru uzlīmi ierīces apakšā un pārliecinieties, lai strāvas adapteris atbilstu parametriem.
- NENOVIETOT uz nelidzenas un nestabilas darba virsmas. Vērsieties tehniskās palīdzības dienestā, ja ir bojāts ārējais ietvars.
- NENOVIETOT vai nemet priekšmetus uz virsmas un neievietojiet ierīcē nekādus svešķermeņus.
- NEPAKĻAUT šķidrums, lietus vai mitruma ietekmei vai nelietojiet to tuvumā. NELIETOT modemu negaisa laikā.
- NEAPKLĀT ierīces ventilācijas atveres, lai sistēma nepārkarstu.
- NELIETOT bojātus strāvas vadus, papildierīces vai citas ārējās ierīces.
- Ja adapteris ir bojāts, neveiciet tā remontu pats. Sazinieties ar kvalificētu speciālistu vai savu pārdevēju.
- Lai novērstu elektriskās strāvas trieciena risku, atvienojiet strāvas kabeli no strāvas kontaktligzdas pirms sistēmas pārvietošanas.

Lituanian CE statement

Supaprastinta ES atitikties deklaracija

Šiame dokumente bendrovė „ASUSTek Computer Inc.“ pareiškia, kad šis prietaisas atitinka pagrindinius reikalavimus ir kitas susijusias Direktyvos 2014/53/EB nuostatas. Visą ES atitikties deklaracijos tekstą rasite https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Ekologinio projektavimo direktyvos 2009/125/EB atitikties deklaracija

Atliktas ekologinio projektavimo reikalavimų pagal (EB) Nr. 1275/2008 ir (ES) Nr. 801/2013 atitikimo patikrinimas. Kai prietaisas yra prijungtas prie tinklo ir veikia budėjimo režimu, jo įjungimo / išjungimo ir tinklo sąjasa veikia miego režimu ir negali tinkamai veikti. Norėdami pažadinti prietaisą, paspauskite „Wi-Fi“ įjungimo / išjungimo, šviesos diodo įjungimo / išjungimo, nustatymo iš naujo arba WPS mygtuką.

Šį įrangą atitinka ES radiacijos poveikio ribas, nustatytas nekontroliuojamai aplinkai. Šį prietaisą reikia statyti ir naudoti ten, kur jis būtų bent 20 cm atstumu nuo jūsų kūno.

Visi operaciniai režimai:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Dažnis, režimas ir maksimali signalų siuntimo galia ES nurodyta toliau:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Šį įrenginį galima naudoti tik patalpoje, kai jis veikia 5150–5350 MHz dažnių diapazone.

Adapteris privalo būti įrengtas šalia įrenginio ir jis turi būti lengvai pasiekiamas.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Naudokitės šiuo gaminiu tik esant 0°C (32°F)–40 °C (104°F) aplinkos oro temperatūrai.
- Žr. techninių charakteristikų etiketę, esančią gaminio apačioje, ir įsitikinkite, ar maitinimo adapteris atitinka tas charakteristikas.
- NESTATYKITE ant nelygių ar nestabilių darbinų paviršių. Kreipkitės pagalbos, jei pažeidėte korpusą.
- NEDĖKITE ant viršaus, neužmeskite arba nekiškite į gaminį pašalinių daiktų.
- NENAUDOKITE drėgnoje vietoje, šalia skysčių, kur yra drėgna, neleiskite aplyti. NENAUDOKITE modemo per elektros audras.
- NEUŽDENKITE gaminio ventilacijos angų, kad sistema neperkaistų.
- NENAUDOKITE pažeistų maitinimo laidų, priedų ar kitų periferinių įrenginių.
- Jei adapteris sugestų, nebandykite jo remontuoti patys. Kreipkitės į kvalifikuotą meistrą arba pardavėją.
- Norėdami išvengti elektros smūgio pavojaus, prieš perkeldami sistemą į kitą vietą, atjunkite maitinimo kabelį nuo elektros lizdo.

Polish CE statement

Uproszczona deklaracja zgodności UE

Firma ASUSTek Computer Inc. niniejszym oświadcza, że urządzenie to jest zgodne z zasadniczymi wymogami i innymi właściwymi postanowieniami dyrektywy 2014/53/UE. Pełny tekst deklaracji zgodności UE jest dostępny pod adresem <https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk/Declaration/>.

Deklaracja zgodności dotycząca dyrektywy w sprawie ekoprojektu 2009/125/WE

Przeprowadzono testy pod kątem wymogów dotyczących ekoprojektu zgodnie z rozporządzeniem (WE) Nr 1275/2008 i (UE) Nr 801/2013. Gdy urządzenie jest w sieciowym trybie czuwania, jego porty We/Wy oraz interfejs sieciowy również znajdują się w trybie uśpienia i mogą nie działać prawidłowo. W celu wznowienia pracy urządzenia należy nacisnąć przycisk włączania/wyłączania sieci Wi-Fi, przycisk włączania/wyłączania wskaźnika LED, przycisk resetowania lub WPS.

To urządzenie jest zgodne z limitami UE dotyczącymi ekspozycji na promieniowanie ustanowionymi dla niekontrolowanego środowiska. Urządzenie to powinno być zainstalowane i używane przy zachowaniu minimalnej odległości 20 cm między radiatorem, a ciałem.

Wszystkie tryby działania:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Poniżej wskazano częstotliwość, tryb i maksymalną moc nadawania w UE:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Działanie tego urządzenia w zakresie częstotliwości od 5150 do 5350 MHz jest ograniczone wyłącznie do użytku wewnątrz pomieszczeń.

Ten adapter należy zainstalować w pobliżu urządzenia i powinien on być łatwo dostępny.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Ten produkt należy używać w miejscach o temperaturze otoczenia w zakresie 0°C (32°F) do 40°C (104°F).
- Należy sprawdzić tabliczkę znamionową na spodzie produktu i upewnić się, że zasilacz jest zgodny z podanymi wartościami.
- NIE NALEŻY umieszczać urządzenia na nierównych lub niestabilnych powierzchniach roboczych. Po uszkodzeniu obudowy należy przekazać komputer do serwisu.
- NIE NALEŻY umieszczać, upuszczać lub wpychać żadnych obcych obiektów na produkt.
- NEI NALEŻY wystawiać na działanie lub używać komputera w pobliżu płynów, na deszczu lub wilgoci. NIE NALEŻY używać modemu podczas burz z wyładowaniami elektrycznymi.
- Aby zapobiec przegrzaniu systemu NIE NALEŻY zakrywać szczelin produktu.
- NIE NALEŻY przykrywać szczelin wentylacyjnych komputera desktop PC, aby zapobiec przegrzaniu systemu.
- Jeśli uszkodzony zoszał zasilacz nie należy próbować naprawiać go samemu. Należy skontaktować się z wykwalifikowanym technikiem serwisu lub ze sprzedawcą.
- Aby zapobiec porażeniu prądem elektrycznym, przed przeniesieniem systemu należy odłączyć kabel zasilający od gniazdka elektrycznego.

Romanian CE statement

Declarație de conformitate UE simplificată

ASUSTek Computer Inc. declară că acest dispozitiv este în conformitate cu cerințele esențiale și cu alte prevederi relevante ale Directivei 2014/53/UE. Declarația de conformitate UE completă este disponibilă la adresa: https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Declarația de conformitate pentru Directiva privind proiectarea ecologică 2009/125/CE

Testarea pentru cerințele de proiectare ecologică în conformitate cu (CE) nr. 1275/2008 și (UE) nr. 801/2013 a fost efectuată. Când dispozitivul se află în modul de standby în rețea, I/E și interfața de rețea se află în modul de repaus și pot să nu funcționeze corect. Pentru a reactiva dispozitivul, apăsați butonul de pornire/oprire Wi-Fi, pornire/oprire LED, resetare sau butonul WPS.

Acest dispozitiv se încadrează în limitele de expunere la radiații UE stabilite pentru un mediu necontrolat. Acest echipament trebuie instalat și operat cu distanța minimă de 20 cm între radiator și corpul dvs.

Toate modulele de funcționare:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Frecvența, modul și puterea maximă transmisă în UE sunt enumerate mai jos:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Dispozitivul este restricționat doar la utilizarea în interior în cazul operării în interval de frecvență cuprins între 5.150 și 5.350 MHz.

Adaptorul trebuie montat în apropierea echipamentului și trebuie să poată fi accesat ușor.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Utilizați PC-ul desktop în medii cu temperatura ambiantă cuprinsă între 0 °C (32 °F) și 40 °C (104 °F).
- Consultați eticheta de pe partea de jos a produsului pentru a vă asigura că adaptorul dvs. este conform.
- NU așezați produsul pe suprafețe de lucru neregulate sau instabile. În cazul în care carcasa s-a deteriorat, solicitați operații de service.
- NU plasați și nu scăpați obiecte pe partea de sus a produsului și nu introduceți obiecte externe în produs.
- NU expuneți PC-ul desktop la lichide, la ploaie sau la umezeală. NU utilizați PC-ul desktop în timpul furtunilor cu descărcări electrice.
- NU acoperiți orificiile de ventilare de pe produs. În caz contrar, este posibil ca sistemul să se supraîncălzească.
- NU utilizați cabluri de alimentare, accesorii sau echipamente periferice deteriorate.
- Dacă sursa de alimentare se defectează, nu încercați să o reparați singur. Contactați un tehnician de service calificat sau distribuitorul local.
- Pentru a preveni pericolul de electrocutare, deconectați cablul de alimentare de la priza electrică înainte de reamplasarea sistemului.

Serbian CE statement

Pojednostavljena EU deklaracija o saglasnosti

ASUSTek Computer Inc. ovim potvrđuje da je ovaj uređaj u saglasnosti sa ključnim zahtevima i drugim relevantnim odredbama Direktive 2014/53/EU. Pun tekst EU deklaracije o saglasnosti je dostupan na adresi https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Deklaracija o saglasnosti za Ekodizajn direktivu 2009/125/EC

Testiranje za eko-dizajn zahteve u skladu sa (EC) Br 1275/2008 i (EU) Br 801/2013 je obavljeno. Kada je ovaj uređaj u režimu za stanje pripravnosti mreže, njegov I/O i mrežni interfejs su u režimu za spavanje i možda neće raditi ispravno. Da probudite uređaj, pritisnite Wi-Fi da uključite/isključite, uključite/isključite LED, resetujte ili WPS pritisnite taster.

Ova oprema u saglasnosti je sa EU ograničenjima za izloženost radijaciji, određenih za nekontrolisanu sredinu. Ova oprema treba da bude instalirana i da se njome upravlja sa minimalne udaljenosti od 20 cm između radijatora i vašeg tela.

Svi radni režimi:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Frekvencija, režim i maksimalna snaga prenošenja u EU su navedeni ispod:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Uređaj je ograničen za korišćenje unutra samo kada radi u frekventnom opsegu od 5150 to 5350 MHz.

Adapter treba da bude instaliran blizu opreme i lako dostupan.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Koristite ovaj proizvod u sredinama sa ambijentalnom temperaturom između 0°C (32°F) and 40°C (104°F).
- Pogledajte etiketu sa oznakom na dnu svog proizvoda i proverite da se vaš adapter za napajanje slaže sa ovom oznakom.
- NE stavljajte na neravnu ili nestabilnu radnu površinu. Potražite servisiranje ukoliko je kućište oštećeno.
- NE postavljajte i ne ispuštajte predmete na vrhu i ne gurajte strane predmete u proizvod.
- NE izlažite tečnostima i ne koristite u blizini tečnosti, kiše ili vlage. NE koristite modem tokom oluja sa grmljavinom.
- NE pokrivajte otvore na proizvodu da biste sprečili da se sistem pregreje.
- NE koristite oštećene kablove za struju, dodatke ili druge periferne uređaje.
- Ukoliko se adapter polomi, ne pokušavajte da ga sami popravite. Pozovite kvalifikovanog tehničara za popravku ili svog prodavca.
- Da sprečite rizik od električnog šoka, isključite kabl za struju iz električne utičnice pre premeštanja sistema.

Slovenian CE statement

Poenostavljena izjava o skladnosti EU

ASUSTek Computer Inc. izjavlja, da je ta naprava skladna s temeljnimi zahtevami in drugimi relevantnimi določili Direktive 2014/53/EU. Celotno besedilo izjave EU o skladnosti je na voljo na spletnem mestu https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Izjava o skladnosti za Direktivo o okoljsko primernih zasnovi 2009/125/ES

Testiranje glede zahtev za okoljsko primerno zasnovi v skladu z (ES) št. 1275/2008 in (EU) št. 801/2013 je bilo izvedeno. Če je naprava v omrežnem načinu pripravljenosti, sta vhodno-izhodni in omrežni vmesnik v načinu spanja in morda ne bosta delovala pravilno. Če želite napravo prebuditi, pritisnite gumb za vklop/izklop Wi-Fi, vklop/izklop LED, ponastavitev ali WPS.

Oprema je v skladu z omejitvami EU o izpostavljenosti sevanju za nenadzorovano okolje. Opremo namestite in z njo upravljajte na najmanjši oddaljenosti 20 cm med radiatorjem in telesom.

Vsi načini delovanja:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Frekvenca, način in maksimalna oddajna moč v EU so navedene v nadaljevanju:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Naprava se v notranjih prostorih lahko uporablja samo, če deluje v frekvenčnem območju od 5150 MHz do 5350 MHz.

Napajalnik morate namestiti blizu opreme, kjer je preprosto dostopen.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Izdelek uporabljajte v okoljih s temperaturo med 0 °C in 40 °C.
- Preberite oznake na nalepki na dnu vašega izdelka in se prepričajte, da je napajalnik skladen z zahtevami, navedenimi na nalepki.
- Naprave NE postavljajte na neravne ali nestabilne delovne površine. V primeru poškodbe ohišja poiščite pomoč servisa.
- Na napravo NE SMETE postavljati ali nanjo spuščati predmetov oz. vanjo potiskati kakršnega koli tujka.
- Naprave NE izpostavljajte oz. uporabljajte v bližini tekočin, dežja ali vlage. Modema NE SMETE uporabljati med nevihtami.
- Prezračevalnih rež na izdelku NE SMETE pokriti zato, da se sistem ne pregreje.
- NE uporabljajte poškodovanih napajalnih kablov, dodatkov ali drugih zunanijh naprav.
- Če je napajalnik poškodovan, ga ne poskušajte popraviti sami. Stopite v stik z usposobljenim servisierjem ali prodajalcem.
- Če želite preprečiti nevarnost električnega sunka, pred prestavljanjem sistema odklopite napajalni kabel iz električne vtičnice.

Slovakian CE statement

Zjednodušené vyhlásenie o zhode ES

Spoločnosť ASUSTek Computer Inc. týmto vyhlasuje, že toto zariadenie je v zhode s hlavnými požiadavkami a ostatnými príslušnými ustanoveniami smernice 2014/53/EÚ. Celý text vyhlásenia o zhode ES nájdete na adrese <https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk/Declaration/>.

Vyhlasenie o zhode podľa smernice o ekodizajne č. 2009/125/ES

Bolo vykonané testovanie na splnenie požiadaviek na ekodizajn podľa smernice (ES) č. 1275/2008 a (EÚ) č. 801/2013. Ak je zariadenie v pohotovostnom režime v rámci siete, jeho vstupné/výstupné a sieťové rozhranie sú v režime spánku a nemusia správne fungovať. Ak chcete zariadenie zobudiť, stlačte tlačidlo Zapnúť/Vypnúť Wi-Fi / Zapnúť/Vypnúť LED / Resetovanie alebo WPS.

Toto zariadenie vyhovuje európskym (EÚ) limitným hodnotám pre vystavenie žiareniu stanoveným pre nekontrolované prostredie. Toto zariadenie sa má inštalovať a prevádzkovať minimálne v 20 cm vzdialenosti medzi žiaricom a telom.

Všetky prevádzkové režimy:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Frekvencia, režim a maximálny prenosový výkon v EÚ sú uvedené nižšie:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCS0): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCS0): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCS0): 27.48 dBm

Používanie tohto zariadenia je obmedzené na používanie len v rámci frekvenčného rozsahu 5 150 až 5 350 MHz.

Vedľa zariadenia musí byť nainštalovaný adaptér, ktorý musí byť ľahko prístupný.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Tento výrobok používajte v prostrediach s okolitou teplotou od 0°C (32°F) do 40°C (104°F).
- Pozrite si typový štítko na spodnej strane zariadenia a uistite sa, že napájací adaptér vyhovuje tomuto menovitému výkonu.
- NEUMIESTŇUJTE na nerovné a nestabilné pracovné povrchy. V prípade poškodenia skrinky vyhľadajte pomoc servisného strediska.
- Na hornú stranu zariadenia NEUMIESTŇUJTE ani NENECHÁVAJTE žiadne predmety a nekladajte doň žiadne cudzie predmety.
- NEVYSTAVUJTE ani nepoužívajte v blízkosti kvapalín, v daždi alebo vlhkom prostredí. NEPOUŽÍVAJTE modem počas búrky s výskytom bleskov.
- Vetracie otvory na zariadení NEZAKRÝVAJTE, aby sa neprehrievalo.
- NEPOUŽÍVAJTE káble, príslušenstvo alebo periférne zariadenia, ktoré sú poškodené.
- Keď je zdroj napájania poškodený, nepokúšajte sa ho sami opravovať. Obráťte sa na kompetentného servisného technika alebo svojho predajcu.
- Pred premiestňovaním zariadenia odpojte sieťový kábel z elektrickej zásuvky, aby sa zabránilo riziku úrazu elektrickým prúdom.

Turkish

CE statement

Basitleştirilmiş AB Uygunluk Bildirimi

ASUSTek Computer Inc., bu aygıtın temel gereksinimlerle ve 2014/53/EU Yönergesinin diğer ilgili koşullarıyla uyumlu olduğunu bildirir. AB uygunluk bildirimiminin tam metni https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/ adresinde bulunabilir.

2009/125/EC Çevreye Duyarlı Tasarım yönergesi için Uygunluk Bildirimi

(EC) No 1275/2008 ve (EU) No 801/2013 uyarınca çevreye duyarlı tasarım gereksinimlerine yönelik test işlemi gerçekleştirilmiştir. Aygıt Ağa Bağlı Bekleme Modundayken, G/Ç ve ağ arabirimi uyku modundadır ve uygun biçimde çalışmayabilir. Aygıtı uyku durumundan çıkarmak için Wi-Fi açık/kapalı, LED açık/kapalı, sıfırla veya WPS düğmesine basın.

Bu donanım, kontrolsüz bir ortam için belirlenen AB radyasyona maruz kalma sınırlarıyla uyumludur. Bu donanım, sinyal vericisi ve vücudunuz arasında en az 20 cm mesafe olacak şekilde yerleştirilmeli ve çalıştırılmalıdır.

Tüm işletim modları:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

AB içinde frekans, mod ve iletilen en fazla güç aşağıda listelenmektedir:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

5150 - 5350 MHz frekans aralığında çalıştırılırken aygıtın kullanımı yalnızca iç mekânla sınırlıdır.

Adaptör, donanımın yakınına kurulmalı ve kolayca erişilebilir olmalıdır.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Bu ürünü ortam sıcaklığı 0°C (32°F) ve 35°C (95°F) arasındaki sıcaklıklarda kullanın.
- Ürününüzün altındaki derecelendirme etiketine başvurun ve güç adaptörünüzün bununla uyumlu olduğundan emin olun.
- Düzgün veya sabit olmayan çalışma yüzeylerine YERLEŞTİRMEYİN. Kasa hasar görmüşse servise başvurun.
- Ürünün üzerine nesnelere koymayın veya düşürmeyin ve içine yabancı nesnelere itmeyin.
- Sıvılara, yağmura ya da neme maruz BIRAKMAYIN veya bunların yanında KULLANMAYIN. Şimşekli fırtınalarda modemi KULLANMAYIN.
- Sistemin aşırı ısınmasını önlemek için üründeki havalandırma deliklerinin üzerini kapatmayın.
- Sistemin aşırı ısınmasını önlemek için masaüstü PC'nin üzerindeki hava deliklerini KAPATMAYIN.
- Güç kaynağı bozulmuşsa, tek başınıza onarmaya çalışmayın. Yetkili servis teknisyeniyle veya satıcınızla bağlantı kurun.
- Elektrik çarpması riskini önlemek için, sistemin yerini değiştirmeden önce güç kablosunun elektrik prizi ile olan bağlantısını kesin.

Danish

CE statement

Forenklet EU-overensstemmelseserklæringen

ASUSTek Computer Inc. erklærer herved, at denne enhed er i overensstemmelse med hovedkravene og øvrige relevante bestemmelser i direktiv 2014/53/EU. Hele EU-overensstemmelseserklæringen kan findes på https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Overensstemmelseserklæring for miljøvenligt design i direktiv 2009/125/EC

Vedrørende testkrav af øko-design i henhold til (EC) nr. 1275/2008 og (EU) nr. 801/2013 er blevet gennemført. Når enheden er på netværk-standby, er dens I/O og netværksgrænseflade i dvale, og vil muligvis ikke virke ordentligt. For at aktivere enheden, skal du trykke på trådløs til/fra, LED til/fra, nulstil eller WPS-knappen.

Dette udstyr er i overensstemmelse med EU's grænser, der er gældende i et ukontrolleret miljø. Dette udstyr skal installeres og bruges mindst 20 cm mellem radiatoren og din krop.

Alle driftsfunktioner:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Frekvensen, indstillingen og den maksimale overførte effekt i EU er anført på listen nedenfor:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Denne enhed er begrænset til indendørs brug, hvis den bruges på frekvensområdet 5150-5350 MHz.

Adapteren skal bruges i nærheden af udstyret, og skal være let tilgængelig.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Anvend produktet i omgivelser med temperaturer på mellem 0°C(32°F) og 40°C(104°F).
- Sørg for, at din strømadapter passer til strømplysninger, der findes på bunden af dit produkt.
- Anbring IKKE på ujævne eller ustabile arbejdsoverflader. Send til reparation, hvis kabinettet er blevet beskadiget.
- Der må IKKE placeres eller tabes genstande på produktet. Og der må IKKE stikkes fremmedlegemer ind i produktet.
- Udsæt og brug den IKKE i nærheden af væsker, regn eller fugt. Brug IKKE modemmet under uvejr.
- Tildæk IKKE ventilationshullerne på produktet, da system ellers kan overophede.
- Brug IKKE beskadigede el-ledninger, perifere enheder og beskadiget tilbehør.
- Hvis strømforsyningen går i stykker, må du ikke prøve på selv at reparere den. Kontakt en autoriseret servicetekniker eller forhandleren.
- For at undgå faren for elektrisk stød, skal du fjerne netledningen fra stikkontakten, inden du flytter systemet til et andet sted.

Dutch

CE statement

Vereenvoudigde EU-conformiteitsverklaring

ASUSTek Computer Inc. verklaart dat dit apparaat in overeenstemming is met de essentiële vereisten en andere relevante bepalingen van Richtlijn 2014/53/EU. Volledige tekst EU-conformiteitsverklaring is beschikbaar op https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Conformiteitsverklaring voor Ecodesign Richtlijn 2009/125/EG

Testen van vereisten van ecodesign overeenkomstig (EG) nr. 1275/2008 en (EU) nr. 801/2013 zijn uitgevoerd. Wanneer het apparaat in de modus Stand-by in netwerk staat, staan de I/O en netwerkinterface in de slaapstand en werken wellicht niet goed. Om het apparaat uit de slaapstand te halen, drukt u op de knop Wi-Fi aan/uit, LED aan/uit, reset of WPS.

Deze apparatuur voldoet aan EU-limieten voor blootstelling aan straling als uiteengezet voor een onbeheerste omgeving. Deze apparatuur moet worden geïnstalleerd en bediend met een minimumafstand van 20 cm tussen de radiator en uw lichaam.

Alle bedrijfsmodi:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

De frequentie, modus en het afgegeven maximumvermogen in de EU wordt hieronder vermeld:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm

5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Het apparaat is beperkt tot alleen binnengebruik bij werking in het frequentiebereik van 5150 tot 5350 MHz.

De adapter moet zich in de buurt van het apparaat bevinden en moet gemakkelijk toegankelijk zijn.



AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Gebruik dit product in omgevingen met omgevingstemperaturen tussen 0°C (32°F) en 40°C (104°F).
- Raadpleeg het typeplaatje op de onderkant van uw product en controleer of uw voedingsadapter voldoet aan dit type.
- NIET op onegale of instabiele werkoppervlakken plaatsen. Als de behuizing beschadigd is geraakt, dient u hulp bij onderhoud hulp te zoeken.
- Plaats of laat GEEN objecten vallen bovenop het product en schuif geen vreemde objecten in het product.
- NIET in de buurt van vloeistoffen, regen of vocht blootstellen of gebruiken. NIET de modem tijdens onweer gebruiken.
- Dek de uitlaatopeningen van het product NIET AF zodat het systeem niet oververhit raakt.
- NIET de ventilatieopeningen van de Desktop PC afdekken, om oververhitting van het systeem te voorkomen.
- Als de netvoeding is beschadigd, mag u niet proberen het zelf te repareren. Neem contact op met een bevoegde servicemonteur of uw handelaar.
- Verwijder, voordat u het systeem verplaatst, de stroomkabel uit de contactdoos om elektrische schok te vermijden.

French

CE statement

Déclaration simplifiée de conformité de l'UE

ASUSTek Computer Inc. déclare par la présente que cet appareil est conforme aux critères essentiels et autres clauses pertinentes de la directive 2014/53/UE. La déclaration de conformité de l'UE peut être téléchargée à partir du site internet suivant: https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Déclaration de conformité (Directive sur l'écoconception 2009/125/CE)

Test de la conformité aux exigences d'écoconception selon [CE 1275/2008] et [UE 801/2013]. Lorsque l'appareil est en mode Networked Standby, son panneau d'E/S et son interface réseau sont en mode veille et peuvent ne pas fonctionner correctement. Pour sortir l'appareil du mode veille, appuyez sur le bouton Wi-Fi, LED, de réinitialisation ou WPS.

Cet appareil a été testé et s'est avéré conforme aux limites établies par l'UE en terme d'exposition aux radiations dans un environnement non contrôlé. Cet équipement doit être installé et utilisé avec un minimum de 20 cm de distance entre la source de rayonnement et votre corps.

Tous les modes de fonctionnement:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

La fréquence, le mode et la puissance maximale transmise de l'UE sont listés ci-dessous:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Cet appareil est restreint à une utilisation en intérieur lors d'un fonctionnement dans la plage de fréquence de 5150 à 5350 MHz.

L'adaptateur doit être installé à proximité de l'équipement et être aisément accessible.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Utilisez ce produit dans un environnement dont la température ambiante est comprise entre 0°C (32°F) et 40°C (104°F).
- Référez-vous à l'étiquette située au dessous du produit pour vérifier que l'adaptateur secteur répond aux exigences de tension.
- NE PAS placer sur une surface irrégulière ou instable. Contactez le service après-vente si le châssis a été endommagé.
- NE PAS placer, faire tomber ou insérer d'objets sur/dans le produit.
- NE PAS exposer l'appareil à la pluie ou à l'humidité, tenez-le à distance des liquides. NE PAS utiliser le modem lors d'un orage.
- NE PAS bloquer les ouvertures destinées à la ventilation du système pour éviter que celui-ci ne surchauffe.
- NE PAS utiliser de cordons d'alimentation, d'accessoires ou autres périphériques endommagés.
- Si l'adaptateur est endommagé, n'essayez pas de le réparer vous-même. Contactez un technicien électrique qualifié ou votre revendeur.
- Pour éviter tout risque de choc électrique, débranchez le câble d'alimentation de la prise électrique avant de toucher au système.

Finnish

CE statement

Yksinkertaistettu EU-vaatimustenmukaisuusvakuutus

ASUSTek Computer Inc. vakuuttaa täten, että tämä laite on 2014/53/EU-direktiivin olennaisten vaatimusten ja muiden asiaan kuuluvien lisäysten mukainen. Koko EU-vaatimustenmukaisuusvakuutuksen teksti on nähtävissä osoitteessa https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Ekologisen suunnittelun direktiivin 2009/125/EY-vaatimustenmukaisuusvakuutus

Testaus (EY) N:o 1275/2008:n ja (EU) N:o 801/2013:n mukaisista ekologisista suunnitteluvaatimuksista on suoritettu. Kun laite on verkossa valmiustilassa, sen I/O- ja verkkoliittymä ovat lepotilassa eivätkä ne ehkä toimi oikein. Herättääksesi laitteen, paina Wi-Fi päälle/pois -, LED päälle/pois -, nollaa- tai WPS-painiketta.

Tämä laite täyttää EU-säteilyrajoitukset, jotka on asetettu hallitsemattomaan ympäristöön. Tämä laitteisto tulee asentaa ja sitä tulee käyttää siten, että säteilijän ja kehosi välinen etäisyys on vähintään 20 cm.

Kaikki käyttötilat:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Taajuus, tila maksimi lähetetty teho EU:ssa on listattu alla:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Tämän laitteen käyttö on rajoitettu sisätiloihin 5 150 - 5 350 MHz:in-taajuusalueella.

Verkkolaite tulee liittää lähelle laitetta helposti tavoitettavissa olevaan paikkaan.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Käytä tätä tuotetta ympäristöissä, joissa ympäristölämpötila on välillä 0°C (32°F) ja 40°C (104°F).
- Varmista tuotteen pohjassa sijaitsevasta arvokilvestä vastaako verkkolaite tätä nimellisarvoa.
- ÄLÄ aseta epätasaisille tai epävakailla pinnoille. Ota yhteys huoltoon, jos kotelo on vahingoittunut.
- ÄLÄ aseta tai pudota esineitä laitteen päälle äläkä anna minkään vieraiden esineiden joutua tuotteen sisään.
- ÄLÄ altista nesteille, sateelle tai kosteudelle tai käytä niiden lähellä. ÄLÄ käytä modeemia ukkosmyrskyn aikana.
- ÄLÄ peitä tuotteen tuuletusaukkoja estääksesi tuotteen ylikuumenemisen.
- ÄLÄ käytä vahingoittuneita virtajohtoja, lisävarusteita tai muita oheislaitteita.
- Jos virtalähde on rikkoutunut, älä itse yritä sitä korjata. Ota yhteys ammattimaiseen huoltohenkilöön tai jälleenmyyjäsi.
- Estääksesi sähköiskun vaaran irrota virtakaapeli pistorasiasta ennen järjestelmän paikan muuttamista.

German

CE statement

Vereinfachte EU-Konformitätserklärung

ASUSTeK Computer Inc. erklärt hiermit, dass dieses Gerät mit den grundlegenden Anforderungen und anderen relevanten Bestimmungen der Richtlinie 2014/53/EU übereinstimmt. Der gesamte Text der EU-Konformitätserklärung ist verfügbar unter: https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Konformitätserklärung für Ökodesign-Richtlinie 2009/125/EC

Die Überprüfung der Ökodesign-Anforderungen nach (EC) Nr. 1275/2008 und (EU) Nr. 801/2013 wurde durchgeführt. Wenn sich das Gerät im Netzwerkbereitschaftsmodus befindet, werden die E/A- und Netzwerkschnittstellen in den Ruhezustand versetzt und arbeiten nicht wie gewöhnlich. Um das Gerät aufzuwecken, drücken Sie die WLAN Ein/Aus-, LED Ein/Aus-, Reset- oder WPS-Taste.

Dieses Gerät erfüllt die EU-Strahlenbelastungsgrenzwerte, die für ein unbeaufsichtigtes Umfeld festgelegt wurden. Dieses Gerät sollte mit einem Mindestabstand von 20 cm zwischen der Strahlungsquelle und Ihrem Körper installiert und betrieben werden.

Alle Betriebsarten:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Die Frequenz, der Modus und die maximale Sendeleistung in der EU sind nachfolgend aufgeführt:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCS0): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCS0): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCS0): 27.48 dBm

Das Gerät ist auf den Innenbereich beschränkt, wenn es im Frequenzbereich von 5150 MHz bis 5350 MHz betrieben wird.

Das Netzteil muss sich in der Nähe des Geräts befinden und leicht zugänglich sein.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Benutzen Sie das Gerät nur in Umgebungen, die eine Temperatur von 0 °C (32 °F) bis 40 °C (104 °F) aufweisen.
- Prüfen Sie am Aufkleber an der Geräteunterseite, ob Ihr Netzteil den Stromversorgungsanforderungen entspricht.
- Stellen Sie das Gerät NICHT auf schräge oder instabile Arbeitsflächen. Wenden Sie sich an das Wartungspersonal, wenn das Gehäuse beschädigt wurde.
- Legen Sie KEINE Gegenstände auf das Gerät, lassen Sie keine Gegenstände darauf fallen und schieben Sie keine Fremdkörper in das Gerät.
- Setzen Sie das Gerät KEINESFALLS Flüssigkeiten, Regen oder Feuchtigkeit aus, verwenden Sie es nicht in der Nähe derartiger Gefahrenquellen. Verwenden Sie das Modem nicht während eines Gewitters.
- Decken Sie die Lüftungsöffnungen am Gerät NICHT ab, um eine Überhitzung des Systems zu vermeiden.
- Benutzen Sie KEINE beschädigten Netzkabel, Zubehörteile oder sonstigen Peripheriegeräte.
- Falls das Netzteil defekt ist, versuchen Sie nicht, es selbst zu reparieren. Wenden Sie sich an den qualifizierten Kundendienst oder Ihre Verkaufsstelle.
- Um die Gefahr eines Stromschlags zu verhindern, ziehen Sie das Netzkabel aus der Steckdose, bevor Sie das System an einem anderen Ort aufstellen.

Greek

CE statement

Απλουστευμένη δήλωση συμμόρφωσης της ΕΕ

Με το παρόν, η ASUSTek Computer Inc. δηλώνει πως αυτή η συσκευή συμμορφώνεται με τις θεμελιώδεις απαιτήσεις και άλλες σχετικές διατάξεις της Οδηγίας 2014/53/ΕΕ. Το πλήρες κείμενο της δήλωσης συμμόρφωσης της ΕΕ είναι διαθέσιμο στη διεύθυνση https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Δήλωση συμμόρφωσης για την οδηγία Ecodesign (Οικολογικός σχεδιασμός) 2009/125/ΕΚ

Έχει διενεργηθεί δοκιμή για τις απαιτήσεις οικολογικού σχεδιασμού σύμφωνα με τους κανονισμούς (ΕΚ) αριθ. 1275/2008 και (ΕΕ) αριθ. 801/2013. Όταν η συσκευή βρίσκεται σε λειτουργία Αναμονή δικτύου, η διασύνδεση I/O και δικτύου βρίσκονται σε κατάσταση αναμονής και ενδέχεται να μην λειτουργούν σωστά. Για να ενεργοποιήσετε τη συσκευή, πατήστε το πλήκτρο ενεργοποίησης/απενεργοποίησης Wi-Fi, ενεργοποίησης/απενεργοποίησης λυχνίας LED, επαναφοράς ή το πλήκτρο WPS.

Ο παρόν εξοπλισμός συμμορφώνεται με τα όρια έκθεσης σε ακτινοβολία της ΕΕ που έχουν διατυπωθεί για μη ελεγχόμενο περιβάλλον. Ο συγκεκριμένος εξοπλισμός πρέπει να εγκατασταθεί και να λειτουργεί με ελάχιστη απόσταση 20 εκ μεταξύ της συσκευής ακτινοβολίας και του σώματός σας.

Όλοι οι τρόποι λειτουργίας:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Η συχνότητα, ο τρόπος λειτουργίας και η μέγιστη μεταδιδόμενη ισχύς στην ΕΕ αναφέρονται παρακάτω:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm

5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Η συσκευή περιορίζεται σε χρήση σε εσωτερικούς χώρους όταν λειτουργεί στη ζώνη συχνοτήτων 5150 έως 5350 MHz.

Η προσαρμογέας θα πρέπει να εγκατασταθεί κοντά στον εξοπλισμό και να είναι εύκολα προσβάσιμος.



AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Να χρησιμοποιείτε το προϊόν σε χώρους με θερμοκρασίες περιβάλλοντος από 0°C έως 40°C.
- Ανατρέξτε στην ετικέτα χαρακτηριστικών στο κάτω μέρος του προϊόντος σας και βεβαιωθείτε ότι ο προσαρμογέας τροφοδοσίας σας συμμορφώνεται με την αναγραφόμενη τιμή.
- ΜΗΝ τοποθετείτε τη συσκευή σε ανώμαλη ή ασταθής επιφάνεια εργασίας. Πηγαίνετε τη συσκευή για σέρβις αν το περίβλημα έχει πάθει βλάβη.
- ΜΗΝ τοποθετείτε αντικείμενα επάνω και μην σπρώχνετε αντικείμενα μέσα στο προϊόν.
- ΜΗΝ την εκθέτετε ή τη χρησιμοποιείτε κοντά σε υγρά, βροχή, ή υγρασία. ΜΗΝ χρησιμοποιείτε το μόντεμ κατά τη διάρκεια ηλεκτρικής καταιγίδας.
- ΜΗΝ καλύπτετε τα ανοίγματα εξαερισμού στο προϊόν για να αποφύγετε τυχόν υπερθέρμανση του συστήματος.
- ΜΗΝ καλύπτετε τα ανοίγματα εξαερισμού στο Desktop PC για να αποφύγετε τυχόν υπερθέρμανση του συστήματος.
- Αν το καλώδιο παροχής ρεύματος πάθει βλάβη, μην προσπαθήσετε να το επιδιορθώσετε μόνοι σας. Επικοινωνήστε με κατάλληλα εκπαιδευμένο τεχνικό επισκευών ή με τον μεταπωλητή σας.
- Για να αποφύγετε τον κίνδυνο ηλεκτροπληξίας, αποσυνδέστε το καλώδιο παροχής ρεύματος από την πρίζα πριν αλλάξετε θέση στο σύστημα.

Italian

CE statement

Dichiarazione di conformità UE semplificata

ASUSTek Computer Inc. con la presente dichiara che questo dispositivo è conforme ai requisiti essenziali e alle altre disposizioni pertinenti con la direttiva 2014/53/EU. Il testo completo della dichiarazione di conformità UE è disponibile all'indirizzo https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Dichiarazione di conformità con la direttiva Ecodesign 2009/125/EC

I test per i requisiti eco-design (EC) N. 1275/2008 e (EU) N. 801/2013 sono stati eseguiti. Quando il dispositivo si trova nella modalità Standby di rete le sue interfacce di rete e I/O sono in sospensione e potrebbero non funzionare correttamente. Per riattivare il dispositivo premete uno tra i pulsanti Wi-Fi on/off, LED on/off, reset o WPS.

Questo apparecchio è conforme ai limiti UE, per l'esposizione a radiazioni, stabiliti per un ambiente non controllato. Questo apparecchio deve essere installato e utilizzato ad una distanza di almeno 20 cm dal corpo.

Tutte le modalità operative:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

I valori di frequenza, modalità e massima potenza di trasmissione per l'UE sono elencati di seguito:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

L'utilizzo di questo dispositivo è limitato agli ambienti interni quando si sta utilizzando la banda di frequenze compresa tra i 5150 e i 5350 MHz.

L'adattatore deve essere installato vicino al dispositivo e facilmente accessibile.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Usa questo prodotto in ambienti la cui temperatura sia compresa tra 0°C(32°F) e 40°C(104°F).
- Consulta l'etichetta indicante la potenza posta sul fondo del prodotto e assicurati che l'adattatore di alimentazione sia compatibile con tali valori.
- Non collocare il dispositivo su superfici irregolari o instabili. Contatta il servizio clienti se lo chassis è stato danneggiato.
- NON riporre oggetti sopra il dispositivo e non infilare alcun oggetto all'interno del dispositivo.
- NON esporre a liquidi, pioggia o umidità. NON usare il modem durante i temporali.
- NON coprire le prese d'aria del prodotto per evitare che il sistema si surriscaldi.
- NON utilizzare cavi di alimentazione, accessori o periferiche danneggiate.
- Se l'adattatore è danneggiato non provare a ripararlo. Contatta un tecnico qualificato o il rivenditore.
- Per prevenire il rischio di scosse elettriche scollega il cavo di alimentazione dalla presa di corrente prima di spostare il sistema.

Norwegian

CE statement

Forenklet EU-samsvarserklæring

ASUSTek Computer Inc. erklærer herved at denne enheten er i samsvar med hovedsaklige krav og andre relevante forskrifter i direktivet 2014/53/EU. Fullstendig tekst for EU-samsvarserklæringen finnes på https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Samsvarserklæring for direktiv om miljøvennlig design 2009/125/EF

Testing for miljøutfordringskrav i henhold til (EF) nr. 1275/2008 og (EU) nr. 801/2013 er utført. Når enheten er i nettverksventemodus, er I/O- og nettverksgrensesnittet i hvilemodus og fungerer kanskje ikke som det skal. Trykk Wi-Fi på/av-, LED på/av-, tilbakestill- eller WPS-knappen for å vekke enheten.

Dette utstyret samsvarer med FCC-grensene for strålingseksponering for et ukontrollert miljø. Dette utstyret bør installeres og brukes med en minimumsavstand på 20 cm mellom radiatoren og kroppen din.

Alle operasjonsmoduser:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Frekvens, modus og maksimal overføringskraft i EU er oppført nedenfor:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Enheten er begrenset til innendørs bruk når den brukes i frekvensområdet 5150 til 5350 MHz.

Adapteren skal plasseres nært utstyret og være lett tilgjengelig.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Bruk dette produktet i miljø med en romtemperatur mellom 0°C(32°F) og 40°C(104°F).
- Se etiketten på undersiden av produktet, og sørg for strømforsyningen er i samsvar med denne klassifiseringen.
- Må IKKE plasseres på ujevne eller ustabile overflater. Oppsøk service dersom kassen har blitt skadet.
- IKKE plasser eller slipp gjenstander på, eller skyv gjenstander inn i, produktet.
- Må IKKE eksponeres for eller brukes i nærheten av væsker, regn eller fuktighet. Modemet skal IKKE brukes under elektrisk storm.
- IKKE dekk til ventilene på produktet for å forhindre at systemet blir for varmt.
- Skadede strømledninger, tilleggsutstyr eller annet periferiutstyr skal IKKE brukes.
- Hvis strømforsyningen er ødelagt, må du ikke prøve å reparere det selv. Kontakt en kvalifisert servicetekniker eller forhandleren.
- For å forhindre elektrisk sjokk, koble strømkabelen fra det elektriske uttaket før du flytter systemet.

Português

CE statement

Declaração de conformidade simplificada da UE

A ASUSTek Computer Inc. declara que este dispositivo está em conformidade com os requisitos essenciais e outras disposições relevantes da Diretiva 2014/53/CE. O texto integral da declaração de conformidade da UE está disponível em <https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk/Declaration/>.

Declaração de conformidade para a Diretiva Conceção Ecológica 2009/125/CE

Foram realizados testes de requisitos de conceção ecológica de acordo com o N.º 1275/2008 (CE) e N.º 801/2013 (UE). Quando o dispositivo se encontra no modo de espera em rede, a interface de E/S e de rede encontram-se no modo de suspensão e poderão não funcionar corretamente. Para ativar o dispositivo, prima o botão para ativar/desativar Wi-Fi, ativar/desativar o LED, repor ou WPS.

Este equipamento cumpre os limites de exposição à radiação estabelecidos pela UE para um ambiente não controlado. Este equipamento deve ser instalado e utilizado a uma distância mínima de 20 cm entre o transmissor e o seu corpo.

Todos os modos operacionais:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

A frequência, o modo e a potência máxima na UE são apresentados abaixo:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Este dispositivo está restrito a utilização no interior quando utilizado na banda de frequências 5.150 a 5.350 MHz.

O adaptador deverá ser instalado próximo do equipamento e estar facilmente acessível.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Utilize este equipamento em ambientes com temperaturas entre 0°C (32°F) e 40°C (104°F).
- Verifique a etiqueta relativa à tensão na parte inferior do seu dispositivo e assegure-se de que o seu transformador corresponde a essa tensão.
- NÃO coloque o computador em superfícies irregulares ou instáveis. Envie para reparação se a caixa se encontrar danificada.
- NÃO coloque nem deixe cair objetos em cima do aparelho e não introduza quaisquer objetos estranhos no produto.
- NÃO exponha o equipamento nem o utilize próximo de líquidos, chuva ou humidade. NÃO utilize o modem durante tempestades eléctricas.
- NÃO tape os orifícios de ventilação do produto para impedir o sobreaquecimento do sistema.
- NÃO utilize cabos de alimentação, acessórios ou outros periféricos danificados.
- Se a fonte de alimentação estiver avariada, não tente repará-la por si próprio. Contacte um técnico qualificado ou o seu revendedor.
- Para evitar o risco de choque eléctrico, desligue o cabo de alimentação da tomada eléctrica antes de deslocar o sistema.

Spanish

CE statement

Declaración de conformidad simplificada para la UE

Por el presente documento, ASUSTek Computer Inc. declara que este dispositivo cumple con los requisitos esenciales y otras disposiciones pertinentes de la Directiva 2014/53/UE. En https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/ está disponible el texto completo de la declaración de conformidad para la UE.

Declaración de conformidad para la directiva de ecodiseño 2009/125/CE

Se han realizado pruebas para cumplir los requisitos de ecodiseño conforme a las directivas (CE) nº 1275/2008 y (UE) nº 801/2013. Cuando el dispositivo está en modo de espera y conectado en red, su interfaz de E/S y de red se encuentran en el modo de suspensión y pueden no funcionar correctamente. Para reactivar el dispositivo, presione el botón de activación y desactivación de la funcionalidad Wi-Fi, el botón de encendido y apagado de LED, el botón de restablecimiento o el botón WPS.

El equipo cumple los límites de exposición de radiación de la UE fijados para un entorno no controlado. Este equipo se debe instalar y utilizar a una distancia mínima de 20 cm entre el dispositivo radiante y su cuerpo.

Todos los modos operativos:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

A continuación figuran la frecuencia, el modo y la potencia máxima de transmisión en la UE:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

El dispositivo solamente debe utilizarse en interiores cuando opera en el intervalo de frecuencias de 5150 a 5350 MHz.

El adaptador debe estar instalado cerca del equipo y debe disponer de un acceso fácil.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Use este producto en entornos sometidos a una temperatura ambiente comprendida entre 0 °C (32 °F) y 40 °C (104 °F).
- Consulte la etiqueta de valores nominales situada en la parte inferior del producto y asegúrese de que su adaptador de alimentación cumple con dichos valores.
- NO coloque el equipo sobre una superficie irregular o inestable. Solicite asistencia técnica si la carcasa resulta dañada.
- NO coloque ni deje caer objetos en la parte superior del producto y no introduzca objetos extraños dentro de él.
- NO exponga el equipo a líquidos, lluvia o humedad, ni lo use cerca de ninguno de tales elementos. NO use el módem durante tormentas eléctricas.
- Para evitar que el sistema se sobrecaliente, no cubra las ranuras de ventilación del producto.
- NO cubra los orificios de ventilación del equipo de sobremesa para evitar que el sistema se caliente en exceso.
- No intente reparar la fuente de alimentación personalmente si se avería. Póngase en contacto con un técnico de mantenimiento autorizado o con su distribuidor.
- A fin de evitar posibles descargas eléctricas, desconecte el cable de alimentación de la toma de suministro eléctrico antes de cambiar la posición del sistema.

Swedish CE statement

Förenklad EU-försäkran om överensstämmelse

ASUSTek Computer Inc. deklarerar härmed att denna enhet uppfyller väsentliga krav och andra relevanta bestämmelser i direktiv 2014/53/EU. Hela texten i EU-försäkran om överensstämmelse finns på https://www.asus.com/Networking/ROG-Rapture-GT-AX11000/HelpDesk_Declaration/.

Försäkran om överensstämmelse för Ecodesign-direktivet 2009/125/EC

Test för ekodesingkrav i enlighet med (EC) nr 1275/2008 och (EU) nr 801/2013 har utförts. När enheten är i standby-läge för nätverk, är gränssnitten för I/O och nätverk försatta i viloläge och fungerar kanske inte ordentligt. För att väcka enheten, tryck på knappen för att slå på/stänga av Wi-Fi, slå på/stänga av LED, återställa eller WPS-knappen.

Denna utrustning uppfyller EU:s strålningsexponeringsgräns för en okontrollerad miljö. Denna utrustning skall installeras och hanteras på minst 20 cm avstånd mellan strålkällan och din kropp.

Alla funktionslägen:

2.4GHz: 802.11b, 802.11g, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40)

5GHz: 802.11a, 802.11n (HT20), 802.11n (HT40), 802.11ac (VHT20), 802.11ac (VHT40), 802.11ac (VHT80)

Frekvens, läge och maximalt överförd ström i EU anges nedan:

2412-2472MHz (802.11g 6Mbps): 19.81 dBm


5180-5240MHz (802.11ac VHT20 MCSO): 20.1 dBm

5260-5320MHz (802.11ac VHT40 MCSO): 21.31 dBm

5500-5700MHz (802.11ac VHT80 MCSO): 27.48 dBm

Enheten är begränsad till användning inomhus enbart vid användning inom 5 150 till 5 350 MHz frekvensområdet.

Adaptern ska installeras nära utrustningen och ska vara lätt att komma åt.

	AT	BE	BG	CZ	DK	EE	FR
	DE	IS	IE	IT	EL	ES	CY
	LV	LI	LT	LU	HU	MT	NL
	NO	PL	PT	RO	SI	SK	TR
	FI	SE	CH	UK	HR		

Safety Notices

- Använd denna produkt i en miljö med en omgivande temperatur mellan 0°C(32°F) och 40°C(104°F).
- Läs märketiketten på produktens undersida, och kontrollera att strömadaptern uppfyller dessa märkdata.
- Placera den INTE på en ojämn eller instabil arbetsyta. Sök service om höljet har skadats.
- Placera och tappa INTE föremål ovanpå, och skjut inte in främmande föremål i produkten.
- Utsätt den INTE för eller använd i närheten av vätskor, i regn eller fukt. ANVÄND INTE modemet under åskväder.
- Täck INTE över ventilationsöppningarna på produkten för att förhindra att systemet överhettas.
- ANVÄND INTE skadade strömsladdar, tillbehör eller annan kringutrustning.
- Om strömförsörjningen avbryts försök inte att laga det själv. Kontakta en kvalificerad servicetekniker eller din återförsäljare.
- För att förhindra elektriska stötar, koppla bort elkabeln från elnätet innan systemet flyttas.